

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI BỈ VÀ EU

---

CÁC QUY ĐỊNH VỀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC  
VẬT, AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI NÔNG  
SẢN VÀ THỰC PHẨM NHẬP KHẨU CỦA LIÊN  
MINH CHÂU ÂU

# MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	1
PHẦN MỞ ĐẦU .....	5
PHẦN I. QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT CỦA EU .....	7
1. Luật Bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật EU-cơ sở pháp lý .....	7
2. Cách tiếp cận mới của EU .....	7
3. Những thay đổi chính của Luật Bảo vệ thực vật mới và các văn bản quy phạm dưới luật liên quan.....	9
3.1 Quản lý kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.....	9
3.2 Phân loại dịch hại và dịch gây hại ưu tiên .....	11
3.3 Danh mục thực vật có nguy cơ cao .....	12
3.4 Danh mục các loài gây hại, hàng hóa và các yêu cầu bổ sung về kiểm dịch thực vật .....	12
4. Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.....	13
5. Giới hạn dư lượng tối đa (MRL): Quy định 396/2005 .....	14
6. Dung sai nhập khẩu .....	15
7. Đánh giá liên tục.....	16
8. Kiểm soát chính thức .....	17
9. Bộ hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu chung.....	19
10. Tác động chính đối với các nước xuất khẩu .....	19
PHẦN II: QUY ĐỊNH VỀ THÚ Y, KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỦA EU .....	21
1. Luật Thú y của EU .....	21
2. Cách tiếp cận mới so với trước đây .....	21
3. Các nội dung quy định tại Luật Thú y mới EU .....	21
4. Yêu cầu cụ thể đối với xuất khẩu động vật sản phẩm động vật từ nước thứ ba sang EU .....	22
5. Các văn bản liên quan đến nước thứ ba.....	25
6. Quy định miễn kiểm tra.....	25
7. Kiểm soát nhập khẩu biên giới.....	26
8. Những tác động chính đối với các nước xuất khẩu .....	27
PHẦN III: QUY ĐỊNH VỀ THỰC PHẨM CHUNG.....	29
1. Hải hòa hóa hệ thống Pháp luật EU .....	29
2. Công nhận lẫn nhau .....	30
3. Các hình thức văn bản luật: Quy định và chỉ thị .....	31
4. Luật về an toàn thực phẩm chung .....	31
5. Các Tổ chức/Cơ quan EU xây dựng và ban hành Luật.....	31
6. Minh bạch .....	32

7. Sản phẩm “Chất lượng kép” .....	32
8. Cơ quan tư vấn .....	32
9. Thực thi .....	35
<b>PHẦN IV. YÊU CẦU GHI NHÃN</b> .....	36
<b>1. Yêu cầu chung</b> .....	36
1.1 Thông tin bắt buộc .....	37
1.2 Cảnh báo trên ghi nhãn .....	38
1.3 Cỡ chữ tối thiểu .....	39
1.4 Yêu cầu về ngôn ngữ .....	40
1.5 Danh sách thành phần .....	40
1.6 Ghi nhãn chất gây dị ứng .....	40
1.7 Hạn sử dụng .....	41
1.8 Công bố định lượng thành phần ( <i>Quantitative Ingredients Declaration QUID</i> ) .....	41
1.9 Phụ gia và Hương liệu .....	42
1.10 Ghi nhãn xuất xứ .....	42
1.11 Công bố chất báo dinh dưỡng .....	44
1.12 Không chứa gluten .....	46
1.13 Chất béo chuyển hóa .....	46
1.14 Sử dụng Nhãn dán .....	46
1.15 Mẫu sản phẩm .....	47
1.16 Danh sách các nội dung yêu cầu tuân thủ các quy tắc <i>FIC</i> mới .....	47
<b>2. Các yêu cầu ghi nhãn cụ thể khác</b> .....	50
2.1 Công bố dinh dưỡng .....	50
2.2 Yêu cầu về sức khỏe .....	51
2.3 Ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen .....	52
2.4 Ghi nhãn thực phẩm hữu cơ .....	54
2.5 Rượu, rượu mạnh, bia và đồ uống có cồn khác .....	55
2.5.1 Rượu mạnh .....	56
2.5.1 Bia .....	57
2.5.1 Rượu vang .....	57
2.6 Thực phẩm chuyên dụng đặc biệt .....	58
2.7 Ghi nhãn thịt .....	59
2.7.1 Thịt bò .....	59
2.7.3 Thịt bê .....	60
2.7.3 Thịt lợn, cừu, dê và gia cầm .....	60

2.8	<i>Đánh dấu nhận dạng và sức khỏe</i> .....	62
2.9	<i>Dán nhãn thủy sản</i> .....	63
2.10	<i>Thực phẩm đông lạnh</i> .....	63
2.11	<i>Quy định theo chiều dọc và theo sản phẩm cụ thể</i> .....	64
2.12	<i>Các sản phẩm làm từ thực vật thay thế thịt và sữa</i> .....	64
3.	<b>Dán nhãn xanh (green labling)</b> .....	65
4.	<b>Quy định về bao bì và đóng gói</b> .....	66
4.1	<i>Kích thước và Nội dung</i> .....	66
4.3	<i>Các biện pháp bền vững về đóng gói</i> .....	66
4.3	<i>Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm</i> .....	67
5.	<b>Quy định về phụ gia thực phẩm</b> .....	69
5.1	<i>Chất phụ gia (bao gồm cả màu và chất tạo ngọt)</i> .....	69
5.2	<i>Chương trình đánh giá lại các chất phụ gia thực phẩm</i> .....	70
5.3	<i>Hương liệu</i> .....	71
5.4	<i>Enzymes</i> 71	
5.5	<i>Chất hỗ trợ chế biến</i> .....	71
6.	<b>Thuốc bảo vệ thực vật và chất gây ô nhiễm</b> .....	72
6.1	<i>Thuốc bảo vệ thực vật</i> .....	72
6.2	<i>Chất gây ô nhiễm</i> .....	72
6.2.1	<i>Mức tối đa</i> .....	72
6.2.2	<i>Phương pháp lấy mẫu và phân tích kiểm soát chính thức các chất gây ô nhiễm</i> .....	73
6.2.3	<i>Các hoạt chất được lý</i> .....	74
6.2.4	<i>Kế hoạch kiểm soát dư lượng đối với động vật và sản phẩm động vật</i> .....	74
7.	<b>Các yêu cầu, quy định và biện pháp đăng ký khác</b> .....	75
7.1	<i>Yêu cầu về chứng nhận và tài liệu</i> .....	75
7.2	<i>Sản phẩm tổng hợp/phối chế</i> .....	75
7.3	<i>Đăng ký cơ sở được chấp thuận</i> .....	76
7.4	<i>Thanh kiểm tra</i> .....	76
7.5	<i>Đăng ký sản phẩm</i> .....	77
8.	<b>Tiêu chuẩn cụ thể khác</b> .....	78
8.1	<i>Thực phẩm mới lạ</i> .....	78
8.1.1	<i>Khái niệm:</i> .....	78
8.1.2	<i>Thủ tục cấp phép:</i> .....	78
8.1.3	<i>Danh sách thực phẩm mới lạ của EU:</i> .....	79
8.1.4	<i>Tình trạng thực phẩm mới lạ:</i> .....	79

8.1.5	Vật liệu nano:.....	79
8.1.6	Thực phẩm nhân bản vô tính: .....	79
8.1.7	Thực phẩm truyền thống từ các quốc gia bên ngoài EU: .....	79
8.2	<b>Thực phẩm từ động vật nhân bản</b> .....	80
8.3	<b>Công nghệ Nano</b> .....	81
8.4	<b>Quy định Thực phẩm Mới lạ</b> .....	81
8.4.1	Phụ gia thực phẩm .....	81
8.4.2	Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm .....	81
8.5	<b>Thực phẩm tăng cường</b> .....	82
8.6	<b>Thực phẩm ăn kiêng</b> .....	82
8.7	<b>Thực phẩm bổ sung</b> .....	83
8.8	<b>Thực phẩm được chiếu xạ</b> .....	84
8.9	<b>Hải sản....</b> .....	84
8.10	<b>Thức ăn cho vật nuôi/thú cưng</b> .....	85
8.11	<b>Thực phẩm chay và thuần chay cũng như các sản phẩm thay thế thịt và/hoặc sữa có nguồn gốc thực vật</b> .....	86
<b>PHẦN 5. NHÃN HIỆU, THƯƠNG HIỆU VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ</b> .....		87
1. Nhãn hiệu		87
2. Bảo hộ Chỉ dẫn địa lý .....		87
<b>pHẦN vi. THỦ TỤC NHẬP KHẨU</b> .....		90
1. Luật Hải quan chung của Liên minh EU .....		90
2. Thông quan.... ..		91
3. Thuế nhập khẩu .....		91
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản phẩm có cồn .....		92
6. Tạo thuận lợi thương mại.....		93
6.1 Quy tắc xác nhận trước- Advance Rulings .....		93
6.2 Chương trình trước thông quan .....		93
6.3 Chứng nhận điện tử.....		94
6.4 Phí kiểm soát nhập khẩu.....		94
6.5 Thời gian thông quan đối với hàng hóa sản phẩm – Độ trễ thường gặp .....		94
6.6 Kiểm tra bổ sung .....		95

## PHẦN MỞ ĐẦU

Liên minh Châu Âu (EU) hiện bao gồm 27 quốc gia thành viên, dân số khoảng 450 triệu người<sup>1</sup>. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, GDP năm 2021 của EU đạt 17 ngàn tỷ USD chiếm gần 18% tổng GDP toàn cầu, GDP bình quân đầu người đạt trên 38.000 USD.

EU là thị trường tiêu thụ nông lâm thủy sản lớn thứ 3 thế giới. Hàng năm EU nhập khẩu khoảng trên 300 tỷ USD các mặt hàng NLTS, (Nông sản chính là 190 tỷ USD, thủy sản 50 tỷ USD, gỗ và sản phẩm gỗ 59 tỷ USD (ITC, 2021). EU dự báo năm 2024 kim ngạch xuất khẩu NLTS của EU khoảng 345,14 tỷ USD, tốc độ tăng khoảng 7,16%; kim ngạch nhập khẩu NLTS của EU khoảng 323.4 tỷ USD tăng 6,44%. Kim ngạch nhập NLTS từ Việt Nam sang EU đạt khoảng 1,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU xếp thứ 11 trong danh sách các nước xuất khẩu NLTS vào EU. EU là 1 trong 4 thị trường xuất khẩu NLTS lớn nhất của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và ASEAN. EU là khu vực có mức chi cho tiêu dùng thực phẩm lớn, hàng năm EU dành 1000 tỉ Euro cho thực phẩm và đồ uống, chiếm 21,4% tổng chi tiêu của hộ gia đình (11,8% chi tiêu cho lương thực – thực phẩm, 6,8% cho dịch vụ ăn uống, 1,6% cho đồ uống có cồn, và 1,2% cho đồ uống không cồn) (Eurostat, 2020).

Đối với EU, các nước Thành viên đều tuân thủ theo nguyên tắc “một thực thể-Cộng đồng chung”, theo hệ thống luật pháp, quyền và nghĩa vụ của EU liên quan đến các hiệp ước và thỏa thuận quốc tế mà EU tham gia. Các nước thành viên EU thành lập liên minh hải quan chung, thị trường chung, hàng hóa có thể lưu thông tự do, áp dụng chính sách thương mại chung, chính sách nông nghiệp và thủy sản chung.

Hệ thống pháp luật của EU về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật hoàn thiện, đầy đủ và minh bạch, thường xuyên được sửa đổi bổ sung nhằm đảm bảo và bảo vệ sức khỏe con người, động, thực vật và môi trường. Về quản lý an toàn thực phẩm chung, EU tiếp cận theo hướng tích hợp đối với an toàn thực phẩm bao gồm tất cả các lĩnh vực của chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Nông sản, thực phẩm hàng hóa của các nước thứ ba bên ngoài EU tiếp cận thị trường, EU áp dụng các biện pháp quản lý an toàn thực phẩm đối với nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật và thực vật khác nhau. Nhóm sản phẩm có nguồn gốc thực vật, EU áp dụng cách tiếp cận mở và

---

<sup>1</sup> Các quốc gia thành viên EU là Áo, Bỉ, Bulgaria, Croatia, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Ý, Latvia, Litva, Luxembourg, Malta, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha và Thụy Điển;  
Vương quốc Anh (Anh) tách ra khỏi khối Liên minh châu Âu từ ngày 31 tháng 1 năm 2020. Một số nước Thổ Nhĩ Kỳ, Bắc Macedonia, Montenegro, Albania, Serbia, Ukraine và Moldova đang là các nước ứng cử viên gia nhập EU.

mang tính hậu kiểm khác với các biện pháp của các đối tác nhập khẩu nông sản thực phẩm lớn khác. Đối với nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật gồm cả động vật trên cạn và dưới nước, có cách tiếp cận chặt chẽ theo 3 tiêu chí quốc gia, nhóm sản phẩm và doanh nghiệp được EU phê duyệt, kèm theo các chương trình kiểm soát quốc gia thực hiện song song hoặc một số loại, bệnh, vi sinh vật gây hại trên động vật cả trên cạn và dưới nước, kiểm soát các chất tồn dư độc tố, kháng sinh trong sản phẩm động vật và các chương trình kiểm soát vi sinh vật, độc tố kim loại nặng đối với thủy sản, kế hoạch giám sát, dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm... mới được phép tiếp cận thị trường EU.

Việt Nam là một trong 4 nước Châu Á ký Hiệp định Thương mại tự do với EU, Hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA) hiệu lực từ 1/8/2020, đem lại nhiều cơ hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nông lâm thủy sản. Tuy nhiên, trong thực tế cũng đặt ra không ít thách thức cho xuất khẩu NLTS của Việt Nam khi thuế quan giảm xuống nhưng vẫn đối mặt các khó khăn liên quan đến các quy định rào cản kỹ thuật (SPS, TBT, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ tên xuất xứ, chỉ dẫn địa lý và các nội dung mới như lao động, minh bạch hóa thông tin, trách nhiệm xã hội, môi trường, phát triển bền vững...) tại thị trường EU ngày càng có xu hướng tăng lên và thực hiện sâu rộng hơn. Xu hướng người tiêu dùng EU đang ngày càng đòi hỏi khắt khe hơn đối với NLTS nhập khẩu về các vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm; thân thiện với môi trường, giảm phát thải carbon, ghi nhãn năng lượng, phúc lợi động vật; và thể hiện trách nhiệm xã hội và thậm chí chấp nhận một số sản phẩm mới lạ từ bên ngoài tiếp cận thị trường EU.

Báo cáo này tổng hợp những quy định liên quan đến kiểm dịch động thực vật, an toàn thực phẩm, ghi nhãn, mẫu mã bao bì đóng gói, các yêu cầu liên quan đến thủ tục, đăng ký, thủ tục thông quan...giúp cho các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, các nhà quản lý tham khảo. Các quy định của EU liên tục được cập nhật bổ sung và sửa đổi theo thời gian. Xu hướng sửa đổi và ban hành các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật ngày càng chặt chẽ và nâng mức độ kiểm soát và nghiêm ngặt hơn. Do đó các doanh nghiệp xuất nhập khẩu cần tham khảo thêm các quy định cập nhật và đối tác nhập khẩu tại các nước thành viên phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu với EU.

# **PHẦN I. QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT CỦA EU**

## **1. Luật Bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật EU-cơ sở pháp lý<sup>2</sup>**

Cơ sở pháp lý trong lĩnh vực mới nhất này được quy định tại Quy định (EU) 2016/2031 của Nghị viện Châu Âu ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu được áp dụng từ 14 tháng 9 năm 2019<sup>3</sup>.

Quy định (EU) 2016/2031 thay thế cho luật bảo vệ thực vật của EU tại Chỉ thị của Hội đồng 2000/29/EC được áp dụng từ năm 1977, sửa đổi Quy định (EU) số 228/2013, (EU) số 652/2014 và (EU) số 1143/ 2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu và bãi bỏ 7 quy định gồm các Chỉ thị của Hội đồng 69/464/EEC, 74/647/EEC, 93/85/EEC, 98/57/EC, 2000/29/EC, 2006/91/EC và 2007 /33/EC.

## **2. Cách tiếp cận mới của EU**

Luật mới tạo ra thay đổi lớn trong cách tiếp cận chủ động hơn nhằm mục đích ngăn chặn sự xâm nhập hoặc lây lan của dịch bệnh và sinh vật gây hại cho cây trồng hoặc các sản phẩm thực vật trên phạm vi toàn EU. Với đặc thù nhập khẩu nhiều loại thực vật và sản phẩm thực vật từ các quốc gia ngoài EU với đặc điểm đa dạng về điều kiện địa lý tự nhiên, vì vậy EU yêu cầu tuân thủ chặt chẽ các điều kiện kiểm dịch nghiêm ngặt hơn, có ý nghĩa quan trọng đối với truy xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị có nguy cơ rủi ro cao về sức khỏe thực vật. Sau đó, EU đã ban hành nhiều văn bản, quy định triển khai áp dụng Luật này, Quy định thực thi (EU) 2019/2072, quy định danh mục các đối tượng yêu cầu bắt buộc kiểm dịch đối với các loài sâu, bệnh gây hại đối với thực vật sản phẩm thực vật và các đối tượng khác khi nhập khẩu và lưu thông được nhập khẩu từ các nước ngoài EU.

Quy định mới của EU về sức khỏe thực vật nhằm mục đích bảo vệ nông và lâm nghiệp Châu Âu, ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của các sinh vật gây hại. Các biện pháp này là bắt buộc không thể thiếu để bảo vệ sức khỏe, nền kinh tế và khả năng cạnh tranh của trồng trọt và môi trường của EU, cũng như duy trì chính sách thương mại mở

---

<sup>2</sup> EU Plant Health Law- có thể được dịch Luật sức khỏe thực vật

<sup>3</sup> Quy định (EU) 2016/2031 của Nghị viện Châu Âu ngày 26 tháng 10 năm 2016 về các biện pháp bảo vệ phòng chống sâu bệnh của thực vật, sửa đổi Quy định (EU) số 228/2013, (EU) số 652/2014 và (EU) số 1143 / 2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu và bãi bỏ các Chỉ thị của Hội đồng 69/464 / EEC, 74/647 / EEC, 93/85 / EEC, 98/57 / EC, 2000/29 / EC, 2006/91 / EC và 2007 / 33 / EC.

Theo quy định mới (EU) 2017/625 Hệ thống quản lý thông tin để kiểm soát chính thức (IMSOC) của EU bao gồm các hệ thống iRASFF, TRACES, ADIS, EUROPHYT )



của Liên minh Châu Âu. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu ngày càng gia tăng và biến đổi khí hậu (gây ra các tác động đáng kể đến sự phân bố của các loài), EU phải đối mặt với những mối nguy mới từ các sinh vật gây hại mà khung pháp lý trước đây chưa bao trùm hết.

Các quy tắc của Luật mới được đưa ra nhằm giám sát, xử lý triệt để và kiểm soát nhập khẩu, dựa trên điều kiện tiên quyết phòng tránh tác hại trong tương lai đối với nền nông nghiệp hoặc môi trường của EU, do đó cần phải có sự đầu tư nguồn lực ngay ở giai đoạn sớm (phòng ngừa). Mục đích tổng thể là có các biện pháp hiệu quả hơn để bảo vệ lãnh thổ Liên minh Châu Âu, đảm bảo thương mại an toàn và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe cây trồng và rừng của EU.

Các quy định kiểm dịch thực vật EU dựa trên các nguyên tắc cơ bản của Công ước bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC) một hiệp ước liên chính phủ nhằm bảo vệ tài nguyên thực vật của thế giới tránh khỏi sự lây lan và xâm nhập của sâu bệnh và Hiệp định về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật (SPS) của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). IPPC đưa ra các Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật (International Standards for Phytosanitary Measures ISPMs).

Theo khuôn khổ pháp lý mới, Ủy ban Thường trực về Thực vật, Động vật, Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi là đầu mối chịu trách nhiệm về Sức khỏe Thực vật, tiến hành đánh giá liên tục tình hình sức khỏe thực vật và định kỳ EU sẽ đưa ra các biện pháp mới để kiểm soát sự xâm nhập và lây lan của các sinh vật gây hại.

Các yêu cầu đối với nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật phải tuân thủ các biện pháp kiểm dịch thực vật đòi hỏi hàng hóa tuân thủ một số điều kiện chung như và các biện pháp có thể cập nhật hoặc sửa đổi bổ sung sau này:

- Hàng hóa có nguồn gốc thực vật phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp; 1/Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và tài liệu để đảm bảo lô hàng đáp ứng yêu cầu của EU; 2/ Nhận dạng để đảm bảo rằng lô hàng đúng quy cách tương ứng với giấy chứng nhận; 3/Kiểm tra để đảm bảo lô hàng không có sinh vật gây hại theo quy định và khi kiểm tra thực tế được quy định trong Quy định (EU) 2019/2072. Cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất khẩu cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Tham khảo tại:

[https://ec.europa.eu/food/plant/plant\\_health/biosecurity/non\\_eu\\_trade\\_en](https://ec.europa.eu/food/plant/plant_health/biosecurity/non_eu_trade_en).

- Hàng hóa có nguồn gốc thực vật phải được kiểm tra hải quan tại Cơ quan Kiểm tra Biên giới tại cảng/đầu mối nhập cảnh vào EU;
- Hàng hóa có nguồn gốc thực vật phải được thông báo cho cơ quan hải quan trước khi đến điểm nhập cảnh;
- Các quốc gia thành viên hoặc chính EU có thể thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời nếu các loại cây trồng hoặc sản phẩm thực vật từ các nước thứ ba gây rủi ro cho lãnh thổ EU.

Danh mục các loại dịch bệnh yêu cầu phải kiểm dịch:

[https://ec.europa.eu/food/plant/plant\\_health\\_biosecurity/legislation/new\\_eu\\_rules\\_en](https://ec.europa.eu/food/plant/plant_health_biosecurity/legislation/new_eu_rules_en)

### 3. Những thay đổi chính của Luật Bảo vệ thực vật mới và các văn bản quy phạm dưới luật liên quan.

#### *3.1 Quản lý kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật*

Để thâm nhập lãnh thổ EU, tất cả loại thực vật sống (bao gồm toàn bộ cây, bộ phận của cây, quả, hoa cắt cành, hạt, v.v.) phải yêu cầu kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phù hợp với quy định của EU. **EU cũng quy định miễn** các yêu cầu cung cấp giấy chứng nhận kiểm dịch trong các trường hợp sau với điều kiện không có nguy cơ lây lan các sinh vật gây hại: Không yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với 5 loại trái cây việc nhập khẩu gồm: **dứa, chuối, dứa, sầu riêng và chà là** (Phụ lục XI Phần C của Quy định (EU) 2019/2072).

Việc kiểm tra bổ sung, tăng tần suất kiểm tra trong các trường hợp khẩn cấp đối với một số sản phẩm có nguồn gốc thực vật của một số nước vào thị trường EU nguy cơ cao về khả năng lây lan sinh vật gây hại cây trồng hoặc tác động tiêu cực đến sức khỏe người tiêu dùng và môi trường...EU cũng đưa ra các biện pháp kiểm soát dài hạn phòng chống một số bệnh đối với cây trồng gây ảnh hưởng tại một số khu vực của EU.

Chỉ thị (EU) 2019/523 ngày 21 tháng 3 năm 2019 sửa đổi Phụ lục I đến Phụ lục V Chỉ thị của Hội đồng 2000/29 / EC về các biện pháp bảo vệ, ngăn ngừa việc đưa các sinh vật gây hại cho thực vật hoặc sản phẩm thực vật và chống lại sự lây lan trong Cộng đồng do đó EU yêu cầu kiểm dịch đối với một số loại nông sản xuất khẩu vào EU trong đó có các **nhóm cam quả có múi, các sản phẩm, vật thể liên quan đến gỗ làm bao bì chèn lót** (phụ lục Vb)...

Các quy định về yêu cầu kiểm dịch đối với vật thể bằng gỗ làm bao bì đóng gói và chèn lót hàng nhập khẩu ở các nước bên ngoài vào EU. Các yêu cầu của EU đối với vật liệu đóng gói gỗ được dựa trên Tiêu chuẩn quốc tế FAO 2002 về các biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPM) No15. Quy định (EU) 2016/2031 về các biện pháp bảo vệ ngăn chặn sâu bệnh hại thực vật quy định tất cả các vật liệu đóng gói gỗ và chèn lót từ các nước ngoài EU phải là: hoặc được xử lý nhiệt hoặc hun trùng theo quy trình ISPM15; gắn tem đánh dấu ISPM15 bao gồm 3 mã (quốc gia, nhà sản xuất và biện pháp được áp dụng) và logo IPPC và được gỡ lỗi khuyết tật.

Bên cạnh các quy định chung, EU liên tục rà soát và đưa ra các quyết định bổ sung áp dụng đối với các sản phẩm nguồn gốc thực vật được có mối nguy cao và sự lây lan dịch bệnh trên cây trồng, trên cơ sở báo cáo rà soát đánh giá của nhóm đặc trách do DG-SANTE cử ra để đánh giá mức độ nguy hại của loại sâu bệnh hại đó. Một số hàng hóa có nguồn gốc thực vật từ các quốc gia ngoài EU **bị cấm nhập khẩu** và **bị tạm thời cấm nhập khẩu** vào toàn EU, đây là những loại thực vật và sản phẩm thực vật có rủi ro cao, vào toàn lãnh thổ EU (Phụ lục VI của Quy định (EU) 2019/2072) hoặc các khu vực được bảo vệ của EU (Phụ lục IX của Quy định (EU) 2019/2072).

- Sản phẩm cây trồng hoặc các đối tượng khác cho mục đích thử nghiệm hoặc khoa học hoặc để phục vụ chọn tạo giống: phải có thư ủy quyền, phù hợp với Quy định (EU) 2019/829;
- Cây trồng, sản phẩm cây trồng hoặc các đối tượng khác được trồng, sản xuất hoặc sử dụng ở khu vực biên giới giữa EU và quốc gia bên ngoài EU.
- Cây trồng, sản phẩm cây trồng và các đối tượng khác đang vận chuyển qua lãnh thổ EU; - Quy định (EU) 2019/2124
- Các diện được miễn trừ khác có thể được áp dụng trong các điều kiện cụ thể và và thời hạn nhất định theo quy định hiện hành được nêu trong Điều 15 của Chỉ thị 2000/29 / EC và Quy định mới ban hành tại Quy định (EU) 2019/2072.
- Tất cả các loại cây trồng, sản phẩm cây trồng và các đối tượng khác được quy định mang trong hành lý cá nhân của hành khách đều bị cấm mang vào lãnh thổ EU, trừ trường hợp có kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

### 3.2 Phân loại dịch hại và dịch gây hại ưu tiên

Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật mới quy định tất cả các loài gây hại (kiểm dịch và không kiểm dịch) theo một quy định, được chia thành ba loại sau:

- Kiểm dịch dịch hại toàn bộ khu vực EU: hoàn toàn không hiện diện trên lãnh thổ EU hoặc hiện diện phân bố hẹp và dưới sự kiểm soát chính thức. Các biện pháp nghiêm ngặt phải được thực hiện để ngăn chặn sự xâm nhập hoặc lây lan trong EU và chúng phải diệt trừ triệt để ngay lập tức nếu bị phát hiện.
- Kiểm dịch dịch hại trong khu vực được bảo vệ: hiện diện ở hầu hết các khu vực của EU nhưng không có loài sinh vật gây hại đó được duy trì ở một số khu vực nhất định được gọi là “khu vực được bảo vệ”. Yêu cầu phải thực hiện các biện pháp để ngăn chặn sự xâm nhập vào các khu bảo tồn hoặc phải diệt trừ triệt để loài sinh vật gây hại khi bị phát hiện.
- Đối tượng gây hại không thuộc diện kiểm dịch: hiện diện rộng rãi ở EU nhưng không tác động tiêu cực đến chất lượng thực vật. Yêu cầu các loại vật liệu thực vật để làm giống cây trồng trên thị trường phải được đảm bảo không sự tồn tại của các loài sinh vật gây hại này.

Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật cũng đưa ra khái niệm “dịch gây hại ưu tiên”. Loại dịch hại này gồm những loài sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch của EU, có tác động, nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng nhất cho toàn khu vực EU và yêu cầu phải tuân thủ theo các biện pháp nâng cao như khảo sát, kế hoạch, biện pháp xử lý diệt trừ triệt để. Điều 6(2) liệt kê danh mục các loài gây hại ưu tiên, chi tiết liệt kê tại Quy định (EU) 2019/1702. Đặc biệt EU liệt kê Danh mục 20 đối tượng gây hại kiểm dịch ưu tiên gồm bệnh vi khuẩn *Xylella fastidiosa*, bọ cánh cứng Nhật Bản (the Japanese beetle - *Popillia japonica*), bọ sừng dài châu Á (*Anoplophora glabripennis* - the Asian long-horned beetle), **bệnh vàng lá gân xanh, bệnh đốm đen cây có múi (Citrus greening and Citrus Black Spot)** những loài có nguy cơ gây thiệt hại về kinh tế, môi trường và xã hội trên lãnh thổ EU đặc biệt nghiêm trọng.

Việc lựa chọn các loài “dịch gây hại ưu tiên” dựa trên đánh giá của Trung tâm nghiên cứu chung và Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA), xem xét khả năng lây lan, hình thành dịch và gây và hậu quả đối với EU. Các nước thành viên EU tập trung nguồn lực một cách hiệu quả nhất để diệt trừ triệt để các dịch hại ưu tiên nhằm bảo vệ nông nghiệp, nền kinh tế và môi trường của các nước.

### ***3.3 Danh mục thực vật có nguy cơ cao***

Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật đưa ra các biện pháp mới đối với thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các đối tượng kiểm soát khác có nguy cơ cao nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của dịch hại mới nhập khẩu từ nước thứ ba được quy định tại Điều 42. EU cấm nhập khẩu thực vật có mối nguy rủi ro cao lây lan dịch bệnh trừ trường hợp sau khi tiến hành đánh giá rủi ro dịch hại đầy đủ để xác định xem mức độ nguy hại của những sâu bệnh hại đó để cho phép nhập khẩu hoặc yêu cầu phải kèm theo các điều kiện bổ sung khác. Danh mục các loài thực vật có nguy cơ cao có thể được áp dụng rộng rãi toàn cầu hoặc chỉ áp dụng đối với một số quốc gia xuất khẩu trong diện đánh giá có rủi ro cao. Tiêu chí đưa ra danh mục hàng hóa/các quốc gia trên cơ sở gây việc xâm nhập, lây lan dịch hại nghiêm trọng vào EU (ví dụ ở những nơi có lịch sử EU đã từng phải tập trung ngăn chặn dịch bệnh cây trồng cao)

Quy định (EU) 2018/2019 đưa ra danh mục các loại thực vật có nguy cơ cao, bao gồm các loại cây trồng chủ yếu có xuất xứ từ một số quốc gia bên ngoài EU và hiện đang thiếu các biện pháp hữu hiệu xử lý triệt để đối với loài gây hại này cập nhật tới thời điểm hiện tại. Các quốc gia muốn tiếp tục xuất khẩu phải nộp hồ sơ kỹ thuật theo Quy định (EU) 2018/2018 để EFSA thực hiện đánh giá rủi ro. EU sẽ quyết định xem quốc gia đó có thể xuất khẩu cây trồng được chỉ định hay không và trong điều kiện nào, sau khi EFSA đã thực hiện đánh giá rủi ro. Chi tiết tham khảo tại:

[https://food.ec.europa.eu/plants/plant-health-and-biosecurity/trade-plants-plant-products-non-eu-countries/high-risk-plants\\_en](https://food.ec.europa.eu/plants/plant-health-and-biosecurity/trade-plants-plant-products-non-eu-countries/high-risk-plants_en)

EU quy định sửa đổi về kiểm dịch thực vật (Commission Implementing Directive (EU) 2019/523) có hiệu lực từ ngày 1-9-2019, bắt buộc áp dụng yêu cầu kiểm dịch thực vật chặt chẽ đối với nhiều loại nông sản nhập khẩu từ các nước ngoài EU. Theo quy định EU 2021/1201 Việt Nam được EU liệt kê vào khu vực an toàn dịch bệnh – pest free.

### ***3.4 Danh mục các loài gây hại, hàng hóa và các yêu cầu bổ sung về kiểm dịch thực vật***

Quy định (EU) 2019/2072 đưa ra danh sách các loài dịch hại thuộc đối tượng kiểm dịch của EU, các dịch hại trong vùng được bảo vệ và các dịch hại không thuộc diện kiểm dịch của EU. Quy định này cũng đưa ra các biện pháp bổ sung phải được áp dụng đối với một số loại thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng kiểm dịch khác

được phép nhập khẩu vào EU. Chi tiết được quy định tại các Phụ lục đặc biệt liên quan đến nhập khẩu nông sản từ nước thứ ba bên ngoài EU:

- Phụ lục II đưa ra danh sách các loài gây hại/đối tượng kiểm dịch của Liên minh (Điều 5)
- Phụ lục VI liệt kê các loại thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác bị cấm đưa vào Liên minh từ một số nước thứ ba (Điều 40(2))
- Phụ lục VII liệt kê các loại thực vật, sản phẩm thực vật và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ một số nước thứ ba, kèm theo các yêu cầu đặc biệt khi đưa hàng hóa vào Liên minh (Điều 2).

Trước đây tại hệ thống quy định cũ, hàng hóa thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu và lưu thông trong EU. Trong đó, EU đưa ra yêu cầu về hạn chế đặc biệt và bổ sung được đảm bảo hàng hóa đó tuân thủ theo quy định (ví dụ: xuất xứ từ vùng không xảy ra dịch hại hoặc sản phẩm đã áp dụng biện pháp xử lý thích hợp). Tuy nhiên, tại nhiều vùng đã xảy ra bùng phát lan rộng một số loài sâu hại lâm nghiệp nguy hiểm trong thập kỷ trước (ví dụ *Xylella fastidiosa*, *Anoplophora chinensis*, *Bursaphelenchus xylophilus*). Vì vậy, EU đã nâng cao nhận thức về sự nguy hiểm và tác động nguy cơ thiệt hại về kinh tế cao của việc thâm nhập và lây lan các loài sâu bệnh mới. EU vừa ban hành Quy định 2024/2004 có hiệu lực từ 15/8/2024 bổ sung danh mục loài gây hại- **fruits fly** (bao gồm *Neoceratitis* và *Neotephritis*) loại ra khỏi danh mục một số loài như stunt virus, mild mottle virus đối với khoai lang...

Xu hướng toàn cầu hóa và nhập khẩu khối lượng lớn nông sản thực phẩm từ các Châu lục khác làm tăng rủi ro. Biến đổi khí hậu cũng là một yếu tố rủi ro khác, khiến cây trồng và hệ sinh thái ở EU dễ bị tổn thương hơn trước, nhiều loài sinh vật gây hại nhập khẩu có khả năng thâm nhập và tồn tại và lây lan trong điều kiện của Châu Âu. Khung pháp lý cũ chưa đủ mạnh và khả năng bảo vệ không cao. Do đó, việc EU sửa đổi luật cơ bản đã giải quyết những rủi ro trên, đặc biệt là những rủi ro liên quan đến việc gia tăng nhập khẩu các mặt hàng có rủi ro cao từ bên ngoài.

#### 4. Quản lý thuốc bảo vệ thực vật

Quy định 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu đặt ra các quy tắc về cấp phép các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật (PPP), PPP chứa ít nhất một hoạt chất đã được phê duyệt. Chỉ những PPP chứa hoạt chất có trong danh mục các hoạt chất được phê duyệt, được liệt kê trong Quy định 540/2011 của Ủy ban Châu Âu mới được phép sử dụng ở EU. Thuốc bảo vệ thực vật PPP được đưa ra thị trường hoặc sử dụng, phải

được (các) Quốc gia Thành viên liên quan cấp phép. Theo Phụ lục I của Quy định 1107/2009, EU được chia thành ba khu vực khác nhau.

Khi một Quốc gia Thành viên phê duyệt sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, các thành viên khác công nhận và được cấp phép trong phạm vi EU. Các nhà xuất khẩu có thể tra cứu thông tin chi tiết cụ thể về PPP được phê duyệt và được sử dụng ở một Quốc gia Thành viên nhất định trong cơ sở dữ liệu thuốc trừ sâu của EU hoặc của Quốc gia Thành viên có liên quan. EU quy định Mức dư lượng tối đa (MRL) mặc định là 0,01 mg/kg đối với các chất trong danh mục được phép sử dụng. Quy định này cho phép các nhà xuất khẩu yêu cầu "dung sai nhập khẩu" đối với các hoạt chất chưa được đánh giá hoặc sử dụng ở EU.

Chỉ thị 2009/128 về Sử dụng Bền vững Thuốc trừ sâu (SUD) cũng là một phần của gói tổng thể về Thuốc trừ bảo vệ thực vật, hiện đang được sửa đổi. Ủy ban Châu Âu đã thông qua đề xuất vào tháng 6 năm 2022 về Quy định mới về Sử dụng Bền vững các Sản phẩm Bảo vệ Thực vật (SUR), bao gồm các mục tiêu chung của EU triển khai Chiến lược từ trang trại đến bàn ăn và Chiến lược đa dạng sinh học là giảm 50% sử dụng thuốc BVTV việc và rủi ro của thuốc BVTV vào năm 2030, chương trình này đang được xem xét thông qua.

Sử dụng thuốc trừ sâu bền vững đối với sản phẩm cây trồng, EU quy định danh mục các loại thuốc bảo vệ thực vật được phép dùng trong quá trình sản xuất tại Quy định (EC) No 1107/2009 của Quốc hội và Hội đồng Châu Âu ngày 21 tháng 10 năm 2009. Chi tiết tham khảo tại:  
[https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/approval\\_active\\_substances/eu\\_rules\\_en](https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/approval_active_substances/eu_rules_en).  
[https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides\\_en](https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides_en)

## **5. Giới hạn dư lượng tối đa (MRL): Quy định 396/2005**

EU đưa ra quy định áp dụng dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL) đối với tất cả các loại sản phẩm nông nghiệp làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Quy định này bắt buộc đối với cả sản phẩm nông nghiệp sản xuất tại EU và nhập khẩu.

Quy định 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu hài hòa hóa tất cả MRL ở EU đối với thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật. MRL thuốc trừ BVTV cho các sản phẩm đã qua chế biến hoặc tổng hợp được dựa trên MRL của nguyên liệu nông nghiệp thô. Ngưỡng (Default lowest limit -LOD) đối với MRL mặc định chung là 0,01 mg/kg được áp dụng đối với thuốc BVTV.



Chi tiết xem trang web của Ủy ban Châu Âu tại:

[http://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/max\\_residue\\_levels\\_en](http://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/max_residue_levels_en) để biết thông tin cập nhật mới nhất.

Đặc biệt từ năm 2016, Ủy ban Châu Âu đã thông báo cho WTO về việc EU đang tiến hành đánh giá và sửa đổi, cập nhật MRL tại EU cho các quốc gia ngoài EU. EU cung cấp thông tin chi tiết, giải thích quy trình đang xem xét mức dư lượng tối đa hiện tại (MRL) đối với thuốc bảo vệ thực vật theo Điều 12 của Quy định (EC) số 396/2005 và đề nghị các nước bên ngoài EU xem xét góp ý. Điều 12 của Quy định (EC) 396/2005 đưa ra cơ chế xem xét mức dư lượng tối đa (MRL) hiện tại tất cả các loại thuốc BVTV được phê duyệt và một số loại thuốc BVTV không được phê duyệt. Quá trình rà soát đánh giá này đã được tiến hành từ năm 2008. Quá trình đánh giá này dựa trên tham khảo tài liệu báo cáo tiến độ quá trình rà soát MRL của EFSA theo Điều 12 (cập nhật lần cuối vào ngày 21 tháng 7 năm 2023).

### **Hệ thống cảnh báo sớm về các hoạt chất thuốc BVTV và rà soát MRL**

Hàng năm Cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu (EFSA), phân tích đánh giá mối nguy, đánh giá sự an toàn cho người tiêu dùng dựa trên độc tính của các loại thuốc bảo vệ thực vật, đưa ra ngưỡng mức tối đa dự kiến áp dụng đối với thực phẩm. Danh mục các MRL và ngưỡng áp dụng đối với các loại sản phẩm tham khảo tại <https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/eu-pesticides-database/public/?event=pesticide.residue.CurrentMRL&language=EN>.

Hệ thống cảnh báo sớm của EU đưa ra thông tin về các đợt đánh giá đang và sắp thực hiện liên quan đến các hoạt chất và MRL được các bên nước và nhà xuất khẩu quan tâm. Thông tin này nhằm cung cấp cho các bên liên quan quan tâm thông báo trước về những hoạt chất nào đang được xem xét để gia hạn phê duyệt tại EU, các hoạt chất có thể bị hạn chế hoặc không được phê duyệt. Danh sách này không bao gồm tất cả và các chất, các MRL khác đưa vào diện rà soát.

## **6. Dung sai nhập khẩu**

Trong trường hợp, chưa có quy định của EU áp dụng cho Quốc gia Thành viên nhập khẩu liên quan đến các hoạt chất chưa được đánh giá hoặc sử dụng ở Châu Âu trước đây, các nhà xuất khẩu phải xem xét tìm cách đạt được sự chấp thuận nhập khẩu. Đơn xin cấp phép nhập khẩu phải được nộp cho “Nhóm đánh giá nhanh của Quốc gia Thành viên- Rapporteur Member State” (RMS).



Ủy ban Châu Âu chỉ định một Quốc gia Thành viên nếu không có “Nhóm đánh giá nhanh”. Nhóm đánh giá nhanh RMS sẽ xem xét các hồ sơ, EFSA tiến hành đánh giá trước khi nộp cho Ủy ban Châu Âu. Thông tin về dung sai nhập khẩu có sẵn trong Hướng dẫn “Sử dụng thuốc trừ sâu và an toàn thực phẩm” do Croplife Europe xuất bản. Tất cả MRL, bao gồm cả hạn mức nhập khẩu, đã được áp dụng trên toàn EU kể từ tháng 9 năm 2008 và hiện tại đang tiếp tục được cập nhật sửa đổi bổ sung.

## **7. Đánh giá liên tục**

Cam kết chính của Chiến lược Trang trại tới Bàn ăn F2F và Đa dạng sinh học của Ủy ban Châu Âu là giảm 50% việc sử dụng thuốc trừ BVTV vào năm 2030. Các chiến lược này nhằm mục đích bảo vệ và khôi phục đa dạng sinh học và hướng tới ngành nông nghiệp châu Âu bền vững hơn thông qua các mục tiêu giảm thuốc BVTV và áp dụng rộng rãi hơn phương pháp thực hành quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Trong khuôn khổ Chiến lược F2F, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất một số sáng kiến liên quan đến các quy định về thuốc trừ BVTV của EU. Trong đó bao gồm các chương trình liên quan đến việc đánh giá lại hoàn thiện chức năng và tính hiệu quả của luật pháp EU về thuốc bảo vệ thực vật và dư lượng thuốc BVTV- Chương trình REFIT, sửa đổi Sử dụng bền vững thuốc trừ sâu Chỉ thị (SUD).

Ngày 2 tháng 6 năm 2022, Ủy ban Châu Âu đã thông qua Quy định mới về Sử dụng Bền vững các loại Thuốc Bảo vệ Thực vật (SUR). Các quy định nhằm khuyến khích giảm lượng thuốc trừ sử dụng thuốc BVTV thông qua tăng cường áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và các giải pháp thay thế thuốc BVTV hóa học. SUR là công cụ quan trọng để đạt các mục tiêu nêu trong Thỏa thuận xanh Châu Âu và Chiến lược từ trang trại đến bàn ăn, với mục tiêu giảm sử dụng thuốc BVTV 50% vào năm 2030.

Đề xuất này nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro và tác động việc dùng thuốc BVTV đối với sức khỏe con người và môi trường, thúc đẩy áp dụng Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và các giải pháp thay thế cho thuốc trừ sâu hóa học. Từ đó, đặt ra các yêu cầu đối với Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) của các quốc gia thành viên triển khai nhiều giải pháp về tăng cường áp dụng IPM, bán thuốc bảo vệ thực vật, đào tạo và chứng nhận người sử dụng chuyên nghiệp, thiết bị phun thuốc trừ sâu, v.v.

Cách tiếp cận của Ủy ban nhằm giảm 50% sử dụng và rủi ro từ thuốc trừ sâu là mục tiêu của EU mà các Quốc gia Thành viên EU sẽ phải thực hiện. EU đưa ra ba kịch

bản để thực hiện mục tiêu này, từ các mục tiêu không ràng buộc về mặt pháp lý ở cấp EU đến ràng buộc về mặt pháp lý ở cả cấp độ EU và Quốc gia thành viên.

Kịch bản mà Ủy ban châu Âu hướng tới là cấm sử dụng tất cả các loại thuốc BVTV hóa học ở những khu vực nhạy cảm. Đối với các mục tiêu cắt giảm, lựa chọn mục tiêu ưu tiên là cắt giảm 50% thuốc BVTV trở nên ràng buộc về mặt pháp lý ở cấp EU, các Quốc gia Thành viên đặt ra các mục tiêu cắt giảm ở cấp quốc gia riêng thông qua áp dụng các tiêu chí đã được thiết lập.

## **8. Kiểm soát chính thức**

Các phương pháp lấy mẫu hài hòa được thiết lập để kiểm soát chính thức mức dư lượng tồn dư trong sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật theo Chỉ thị 2002/63/EC. Quy định 2023/731 đưa ra bản dự thảo mới nhất chương trình điều phối kiểm soát dư lượng thuốc BVTV lâu dài, hàng năm của EU, yêu cầu các Quốc gia Thành viên thu thập mẫu, phân tích mẫu để đưa ra giới hạn dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật. Phụ lục I của Quy định nêu rõ mức giới hạn dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm kết hợp từ các nguồn khác trong sản phẩm cần được giám sát. Phụ lục II quy định số lượng mẫu cần lấy cho mỗi tổ hợp. Các quốc gia thành viên phải gửi kết quả kiểm nghiệm mẫu cho EU trước ngày 31 tháng 8 năm 2025, 2026 và 2027 đối với các mẫu được kiểm nghiệm lần lượt vào các năm 2024, 2025 và 2026.

Quy định 2023/731 bãi bỏ Quy định (EU) 2022/741, quy định này sẽ tiếp tục áp dụng đối với các mẫu kiểm nghiệm vào năm 2023 cho đến ngày 1 tháng 9 năm 2024. Chi tiết tham khảo thông tin trên trang web của Ủy ban Châu Âu: [https://ec.europa.eu/food/plants/pesticides/maximum-residue-levels/enforcement\\_en](https://ec.europa.eu/food/plants/pesticides/maximum-residue-levels/enforcement_en).

### ***Một số văn bản pháp lý về kiểm tra tại các chốt/cửa khẩu kiểm tra***

- EU ban hành các quy tắc giảm tần suất kiểm tra nhập khẩu tại Quy định (EU) 2019/2129; Theo định kỳ 6 tháng, DG SANTE sẽ tiến hành rà soát đánh giá và đưa ra danh mục hàng hóa sản phẩm các nước thứ ba bị tăng tần suất kiểm tra tại biên giới và yêu cầu kiểm theo các biện pháp bổ sung. Chi tiết tham khảo tại [https://ec.europa.eu/food/sites/food/files/plant/docs/ph\\_biosec\\_trade-non-eu\\_prods-recom-reduced-ph-checks\\_2020.pdf](https://ec.europa.eu/food/sites/food/files/plant/docs/ph_biosec_trade-non-eu_prods-recom-reduced-ph-checks_2020.pdf).
- Việc giảm tần suất kiểm tra cũng được áp dụng trong một số trường hợp như trung bình ít nhất 200 lô hàng mỗi năm trong 3 năm trước và tối thiểu 600 lô hàng được kiểm tra trong cùng thời gian. Nếu hàng hóa có 1% hoặc nhiều lô

hàng của nó bị chặn tại cửa khẩu với lý do phát hiện các sinh vật gây hại đều không đủ điều kiện.

- Đưa ra yêu cầu kiểm tra nhập khẩu nguyên liệu đóng gói và chèn lót trong trường hợp không tuân thủ quy định EU tại Quy định (EU) 2019/2125
- Đưa ra yêu cầu đối với một số loại được miễn kiểm tra chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới, kiểm tra cụ thể đối với hành lý cá nhân của hành khách và các lô hàng nhỏ gửi với mục đích cho tặng cá nhân không dành để tiếp thị theo Quy định (EU) 2019/2122; Quy định (EU) 2019/2126.
- Quyết định thực hiện (EU) 2017/2374, EU đã thiết lập các điều kiện cho việc vận chuyển, lưu kho và chế biến trong EU đối với các loại trái cây có múi có nguồn gốc ngoài EU phục vụ cho công nghiệp chế biến..
- Quy định 2019/1793 về tăng cường kiểm tra bổ sung, biện pháp khẩn cấp quản lý nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm từ các thứ 3 vào EU. 6 tháng EU tiến hành rà soát và cập nhật gỡ bỏ hoặc bổ sung một số loại nông sản từ các nước nhập khẩu.

Cho đến tháng 6/2024, EU đang áp dụng tăng cường kiểm soát biên giới đối với một số nông sản từ Việt Nam gồm (Quy định 2024/1662): 1/ mặt hàng EU áp dụng tăng tần suất kiểm tra tại biên giới đối với Thanh long 30%, đồng thời kèm theo các lô hàng là Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và kết quả phân tích kiểm nghiệm về dư lượng thuốc BVTV tồn dư trong sản phẩm (Thanh long vẫn nằm trong phụ lục II của Quy định và tăng tần suất kiểm tra từ 20% lên 30%). 2/ Mặt hàng ớt đang bị EU áp dụng tại Phụ lục I (tần suất kiểm tra là 50%) chuyển sang Phụ lục II của Quy định 2019/1793 tần suất kiểm tra 50% đồng thời kèm theo các lô hàng là Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, kết quả phân tích kiểm nghiệm về dư lượng thuốc BVTV tồn dư trong sản phẩm. 3/ Mặt hàng đậu bắp EU vẫn áp dụng tại Phụ lục II của Quy định 2019/1793 tần suất kiểm tra 50% đồng thời kèm theo các lô hàng là Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, kết quả phân tích kiểm nghiệm về dư lượng thuốc BVTV tồn dư trong sản phẩm; 4/ Mặt hàng sầu riêng giữ nguyên so với lần rà soát trước đây tại quy định 2024/286 ngày 6/2/2024, tần suất kiểm tra là 10% theo quy định tại Phụ Lục I.

## 9. Bộ hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu chung

Theo quy định (EU) 2019/1013 của EU Bộ hồ sơ kiểm dịch nhập khẩu chung (Common Health Entry Document (CHED) trên TRACEs NT kèm theo lô hàng. Đối với thực vật mẫu CHED-PP; đối với các loại hạt mẫu CHED-D. EU chấp nhận cả hai hình thức cung cấp giấy chứng nhận kiểm dịch điện tử và mẫu giấy thông thường. Xu hướng sẽ chủ yếu áp dụng điện tử.

***EU cũng thiết lập hệ thống thông báo và cảnh báo nhanh về kiểm dịch thực vật “EUROPHYT”*** Mạng lưới có sự tham gia của DG SANTE, EFSA, Cơ quan phụ trách bảo vệ thực vật các thành viên EU, Thụy Sĩ và Tổ chức bảo vệ thực vật Địa trung hải và EU (EPPO) được quy định tại [Chỉ thị 94/3/EC](#), giúp cho EU:

- (i) Ngăn chặn, mối nguy từ sự xâm nhập, lây lan của các loại bệnh, sinh vật gây hại đối cây trồng tồn tại trong các lô hàng xuất khẩu từ nước thứ ba;
- (ii) Phát hiện ngăn chặn các lô hàng không tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kiểm dịch của EU, giấy phép kiểm dịch không hợp lệ, vận chuyển hàng ngoài danh mục, thiếu các giấy phép bổ sung;
- (iii) Các lô hàng không đảm bảo điều kiện lưu thông trong nội bộ giữa các nước thành viên EU.

Hàng năm EUROPHYT thống kê các vụ vi phạm được thông báo từ các trạm kiểm soát biên giới, đánh giá các mối nguy đối với các nước xuất khẩu không tuân thủ các quy định về kiểm dịch hoặc các vi phạm gây ra, kiến nghị các biện pháp kiểm tra, sửa đổi chính sách bổ sung, áp dụng biện pháp khẩn cấp, hạn chế thương mại, lập kế hoạch đến kiểm tra thanh tra, tại các nước xuất khẩu thực hiện các yêu cầu về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật cũng như khuyến cáo các nước xuất khẩu sản phẩm cây trồng sang EU cải thiện, nâng cấp, sửa đổi các biện pháp nâng cao an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật đáp ứng yêu cầu của EU tại [https://ec.europa.eu/food/plant/plant\\_health\\_biosecurity/europhyt\\_en](https://ec.europa.eu/food/plant/plant_health_biosecurity/europhyt_en).

## 10. Tác động chính đối với các nước xuất khẩu

Các quy định chặt chẽ hơn của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật mới EU có tác động lớn đến các nước thứ ba xuất khẩu thực vật và sản phẩm thực vật vào EU. Những tác động này ảnh hưởng đến cả cơ quan quản lý, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tư nhân. Cơ quan có thẩm quyền tại các nước xuất khẩu phải đảm bảo xây

dựng biện pháp cần thiết, tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, áp dụng một cách hiệu quả trong toàn bộ quá trình sản xuất, xuất khẩu để đảm bảo rằng hàng hóa xuất khẩu đáp ứng đầy đủ các quy định mới của EU. Khả năng hiện diện, mức độ gây hại thấp, đặc biệt là những loại dịch hại gây ra mối nguy cho lãnh thổ EU và không tuân thủ, kiểm soát tốt các biện pháp kiểm dịch có thể dẫn đến việc áp dụng các biện pháp kiểm soát bổ sung hoặc cấm nhập khẩu.

Đối với các cơ quan có thẩm quyền ở một số nước xuất khẩu, việc đáp ứng các quy định mới đòi hỏi phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nhân lực, xây dựng năng lực và tập trung nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu, quy định, thanh tra và các yêu cầu bổ sung. Tác động đối với cả khu vực công và tư nhân, đặc biệt ở một số nước thứ ba khi chuỗi giá trị bị yêu cầu áp dụng các yêu cầu đặc biệt đối với xuất khẩu thực vật và sản phẩm thực vật (Phụ lục VII của Quy định thực hiện (EU) 2019/2072).

Các nhà sản xuất ở các nước xuất khẩu bên ngoài EU phải đối mặt với khó khăn, thách thức, những yêu cầu bổ sung trong việc giải quyết vấn đề kiểm dịch thực vật đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật mới của EU được ban hành thực thi trong bối cảnh, khuyến khích nông dân có xu hướng giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất và mức dư lượng thuốc trừ sâu tối đa được phép tồn dư trong sản phẩm giảm.

## **PHẦN II: QUY ĐỊNH VỀ THÚ Y, KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỦA EU**

### **1. Luật Thú y của EU**

EU ban hành hệ thống luật pháp và áp dụng các biện pháp về thú y, kiểm dịch đối với động vật và các sản phẩm có nguồn gốc động vật rất nghiêm ngặt và chặt chẽ nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe của động vật. EU đã thay đổi cách tiếp cận theo phương thức “Một sức khỏe”, trong đó coi sức khỏe con người, động vật và thực vật có mối liên hệ với nhau và có thể có tác động đến xã hội. Luật Thú y - Quy định (EU) 2016/429 áp dụng cách tiếp cận tổng thể giữa các lĩnh vực, tập trung vào phòng ngừa dịch bệnh, bao gồm an toàn sinh học, giám sát và truy xuất nguồn gốc. Quy định (EU) 2016/429 sửa đổi, bãi bỏ một số quy định trong lĩnh vực thú y trước đây. Luật Thú y đã bãi bỏ và thay thế 38 văn bản luật (được liệt kê tại Điều 270). Luật này điều chỉnh các Nhóm sản phẩm gồm Động vật (bao gồm động vật trên cạn và dưới nước), sản phẩm phôi, noãn tinh dịch, phụ phẩm động vật, thực phẩm có nguồn gốc động vật.

### **2. Cách tiếp cận mới so với trước đây**

Luật Thú y đề cập đến các bệnh ở động vật có thể lây truyền sang động vật hoặc sang người. Luật Thú y thiết lập các nguyên tắc và quy tắc để phòng ngừa và kiểm soát các bệnh ở động vật nuôi (bao gồm cả động vật nuôi, thủy sản nuôi trồng), động vật hoang dã và các sản phẩm động vật. Nguyên tắc cơ bản của Quy định là “phòng bệnh hơn chữa bệnh”.

Luật Thú y áp dụng cho động vật sống (trên cạn, dưới nước, hoang dã), các sản phẩm phôi, tinh, phụ phẩm động vật và các sản phẩm có nguồn gốc động vật được sản xuất tại EU và nhập khẩu từ nước thứ ba vào EU. Phạm vi cũng bao gồm cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển và thiết bị có liên quan đến việc lây truyền bệnh.

### **3. Các nội dung quy định tại Luật Thú y mới EU**

Luật Thú y được xây dựng bố cục chặt chẽ theo các chương, điều, phụ lục, đặc biệt phân giải thích từ ngữ quy định:

- Định nghĩa (Điều 2)
- Tiêu chí xác định bệnh động vật mà EU quan tâm và các loài động vật phải áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát (Điều 5.3,7)
- Danh mục mới các bệnh liên quan, cần có sự ngăn chặn kiểm soát, can thiệp của EU dựa trên các tiêu chí cụ thể (Điều 5, Phụ lục II)

- Ưu tiên và phân loại bệnh (Điều 6–9)
- Các yêu cầu đối với cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các hệ thống phát hiện sớm, thông báo và báo cáo tình hình dịch bệnh, giám sát, chương trình thanh toán các bệnh truyền nhiễm và tình trạng không có dịch bệnh (Điều 9, 18–52)
- Trách nhiệm cơ bản của người chăn nuôi và bác sĩ thú y về sức khỏe, các biện pháp an toàn sinh học, phát hiện sớm và phòng ngừa dịch bệnh ở động vật, giám sát (Điều 24) và chế độ thăm khám sức khỏe động vật (Điều 10–17, 53–83)
- Nghĩa vụ của các cơ sở về việc đăng ký/được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (Điều 84–101; đối với nuôi trồng thủy sản, Điều 172–185)
- Nghĩa vụ của cơ sở chăn nuôi phải thông báo các bệnh (có thể xảy ra) ở động vật cho cơ quan có thẩm quyền (Điều 18) và các hành động tiếp theo của cơ quan có thẩm quyền (Điều 19–23, 53)
- Nghĩa vụ của cơ sở chăn nuôi trong việc lưu giữ hồ sơ (Điều 102–107; đối với nuôi trồng thủy sản Điều 186–190)
- Yêu cầu truy xuất nguồn gốc đối với động vật trên cạn và các sản phẩm phôi vật nuôi lưu giữ (Điều 108–123)
- Nghĩa vụ của trang trại liên quan đến bác sĩ thú y thăm khám sức khỏe động vật (Điều 25–27)
- Di chuyển trong EU (Điều 108–171, 191–226)
- Động vật và sản phẩm động vật không nằm trong định nghĩa về động vật trên cạn và dưới nước (Điều 227–228).

#### **4. Yêu cầu cụ thể đối với xuất khẩu động vật sản phẩm động vật từ nước thứ ba sang EU**

Động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật phải tuân thủ một số quy tắc chung và được quy định tại Phần V (Điều 229–242), cụ thể:

- Danh sách các nước thứ ba (hoặc vùng lãnh thổ/địa lý) được phép xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật sang EU dựa trên các tiêu chí xác định (Điều 230–234); Hiện tại, Việt Nam chưa nằm trong danh mục các nước được phép xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật sang EU, ngoại trừ một số mặt hàng như mật ong, gelatin. Danh sách các cơ sở sản xuất chế biến/kinh doanh được chấp thuận được quy định trong Quy định (EU) 2021/404;
- Động vật và sản phẩm động vật chỉ được phép nhập khẩu từ các cơ sở được cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba phê duyệt (Điều 233); (EU công bố danh sách các nước thứ ba trên trang web của EC).

- Các yêu cầu về sức kiểm dịch động vật ở nước thứ ba đảm bảo nghiêm ngặt như quy định trong luật pháp của EU (Điều 234–236); các nước thứ ba phải đưa ra những biện pháp đảm bảo tương đương đối với các yêu cầu về sức khỏe động vật để đăng ký, phê duyệt, truy xuất nguồn gốc và vận chuyển (chi tiết trong Quy định (EU) 2020/692)
- Giấy chứng nhận kiểm dịch và vệ sinh thú y, tờ khai, các chứng từ khác đi kèm lô hàng, quy định giấy chứng nhận thú y có chữ ký của cán bộ thú y của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (Điều 237, 238).
- Yêu cầu đối với các hàng hóa khác như tác nhân gây bệnh, nguyên liệu thực vật, phương tiện vận chuyển, thiết bị, vật liệu đóng gói, vận chuyển nước, thức ăn chăn nuôi các loại (Điều 240–242).
- Các lô hàng phải chịu sự kiểm soát sức khỏe tại Trạm kiểm tra biên giới của các nước thành viên EU.

Khi tiến triển khai các yêu cầu đều dựa trên mức độ rủi ro. Trong trường hợp rủi ro được coi là thấp, quy định một số các trường hợp ngoại lệ phục vụ các yêu cầu nhất định (ví dụ: đối với việc vận chuyển, nghiên cứu, phục vụ các sự kiện văn hóa, từ/đến các cơ sở nhất định hoặc đã áp dụng biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro).

EU cũng ban hành các điều kiện nhập khẩu đặc biệt để nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc động vật đối với một số trường hợp đặc biệt khác từ một số nước. Thêm vào đó các yêu cầu các quy định bắt buộc về phúc lợi động vật cũng được EU đặc biệt quan tâm xem xét khi xuất khẩu động vật sống và sản phẩm thịt vào EU. Phúc lợi động vật liên quan đến các khâu vận chuyển động vật sống (phương tiện vận chuyển, mật độ trên phương tiện vận chuyển, thời gian di chuyển) và xử lý trước khi giết mổ tại các lò mổ...

Quy trình, thủ tục để các quốc gia, các cơ sở/doanh nghiệp các loại sản phẩm có nguồn gốc động vật được chấp thuận để xuất khẩu vào EU phải đáp ứng nhiều điều kiện và các qua các chương trình thanh kiểm tra của EU do cơ quan Thú y và thực phẩm (FVO) của DG-SANTE thực hiện được nêu tại các Điều khoản của Luật Thú y.

Các điều kiện yêu cầu để EU chấp thuận đưa vào danh sách các nước được phép xuất khẩu: tình hình sức khỏe động vật, quốc gia đó là thành viên của WOAHO/OIE; có



hệ thống thú y đảm bảo phù hợp với các yêu cầu tương đương, bao gồm cả hệ thống pháp lý, cơ quan thẩm quyền quản lý về thú y, hệ thống phòng thí nghiệm, đội ngũ cán bộ thú y, năng lực kiểm soát dịch bệnh, kiểm soát an toàn thực phẩm, kiểm soát xuất nhập khẩu, các quy định về sản xuất, chăn nuôi an toàn dịch bệnh, vận chuyển, hệ thống các cơ sở/nhà máy, xử lý giết mổ chế biến, vệ sinh thú y, các chương trình kiểm soát thuốc thú y....

Sau khi cơ quan chức năng của EU xem xét hồ sơ kỹ thuật của các quốc gia xin phê duyệt vào danh sách xuất khẩu nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và điều kiện EU có thể chấp thuận đưa vào danh sách các nước xuất khẩu vào EU và hai bên thống nhất các mẫu chứng thư kèm theo lô hàng khi xuất khẩu vào EU. Trong trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu của EU, các quốc gia phải bổ sung thêm về các yêu cầu kỹ thuật, các biện pháp phù hợp... Bên cạnh đó EU đưa ra các yêu cầu các quốc gia phải xây dựng các chương trình kiểm soát quốc gia thực hiện song song hoặc một số loại, bệnh, vi sinh vật gây hại trên động vật cả trên cạn và dưới nước, kiểm soát các chất tồn dư độc tố, kháng sinh trong sản phẩm động vật và các chương trình kiểm soát vi sinh vật, độc tố kim loại nặng đối với thủy sản, kế hoạch giám sát, dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm (dịch tả châu phi, lở mồm long móng, tai xanh, bệnh bò điên, cúm gia cầm...).

Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia lập danh sách các cơ sở/doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của EU và loại sản phẩm có nguồn gốc động vật với chi tiết các thông tin liên quan như loại, động vật, sản phẩm, khối lượng xuất khẩu, phương pháp xử lý áp dụng cho sản phẩm... đề nghị EU chấp thuận. Quá trình này trải qua nhiều bước, trao đổi đàm phán giữa nước đề nghị xuất khẩu và EU cũng như việc xem xét đánh giá, thanh tra của FVO của DG SANTE. Sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện, EU chấp thuận và đưa vào danh sách các cơ sở/doanh nghiệp được phép xuất khẩu loại sản phẩm có nguồn gốc động vật đó vào EU. Danh sách các cơ sở được phép xuất khẩu vào EU tại địa chỉ: [https://ec.europa.eu/food/safety/international\\_affairs/trade/non-eu-countries\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/international_affairs/trade/non-eu-countries_en)

Cho đến nay EU công nhận Việt Nam và được phép xuất khẩu các động vật vào EU. Hiện tại chỉ có các nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật của Việt Nam được xuất khẩu sang EU là ***thủy sản và động vật thân mềm hai mảnh vỏ, ốc, đùi ếch, gelatine, collagen, một vài loại sản phẩm từ chế biến từ sản phẩm phụ động vật, thức ăn vật nuôi trong nhà và mật ong***. Việt Nam hiện đang xem xét đăng ký để đưa sản phẩm gia cầm và thỏ vào danh mục được phép xuất khẩu vào EU. Danh sách các doanh nghiệp được EU chấp thuận gần 600 doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp xuất khẩu

thủy sản. Thủy sản 523 DN; Nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, đuôi ếch, ốc: 33 DN; Sản phẩm chế biến động vật geletine, collagen, mật ong: 16 DN.

## **5. Các văn bản liên quan đến nước thứ ba**

Luật Thú y bổ sung cụ thể như sau:

- 1) Quy định được ủy quyền số (EU) 2020/692 (đưa ra các nguyên tắc/quy định nhập cảnh vào EU đối với các lô hàng động vật, sản phẩm phôi, tinh dịch và sản phẩm có nguồn gốc động vật)
- 2) Quy định Thực hiện số (EU) 2021/404 (danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực thứ ba được phép xuất khẩu động vật, sản phẩm phôi noãn, tinh dịch và sản phẩm có nguồn gốc động vật vào EU);
- 3) Quy định Thực hiện số (EU) 2018/1882 (các quy tắc phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh cũng như danh sách các loài và nhóm loài có nguy cơ lây lan; Quy định phân loại các loại bệnh A–E).

Các điều kiện kinh doanh sản phẩm động vật được phát triển ngay từ khi xây dựng, áp dụng các quy định về kiểm dịch động vật đầu tiên ở EU. Thời gian qua, hoạt động kinh doanh thương mại động vật, sản phẩm phôi, noãn, tinh dịch và các sản phẩm có nguồn gốc động vật đã tăng lên kể cả trong nội khối EU và giữa EU với các nước thứ ba. Trong thời gian đó, các chính sách và quy định về kiểm dịch động vật của EU đã góp phần thanh toán loại bỏ một số bệnh và ngăn ngừa hoặc kiểm soát các bệnh khác.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các bệnh mới nổi đã đặt ra những thách thức mới đối với tình trạng sức khỏe động vật, thương mại và nền kinh tế của một số khu vực bị ảnh hưởng bởi các dịch bệnh đó trong của EU. Do đó, cần phải xem xét và củng cố tăng cường các biện pháp, yêu cầu về sức khỏe động vật của EU.

## **6. Quy định miễn kiểm tra**

EU quy định chi tiết việc miễn kiểm soát chính thức đối với một số loại động vật và hàng hóa có nguồn gốc động vật có thể vào EU ngoài kênh thương mại thông thường tại các trạm kiểm soát biên giới, kiểm soát cụ thể đối với hành khách 'hành lý cá nhân và các lô hàng nhỏ gửi cá nhân không có ý định phân phối tại thị trường tại Quy định của Ủy ban (EU) 2019/2122 ngày 10 tháng 10 năm 2019 Quy định bổ sung

(EU) 2017/625 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng và sửa đổi Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011. Cụ thể một số trường hợp sau được miễn kiểm tra (Điều 48):

- Động vật dành cho mục đích khoa học
- Mẫu nghiên cứu và chẩn đoán
- Sản phẩm có nguồn gốc động vật và các sản phẩm tổng hợp trên các phương tiện vận tải quốc tế hoạt động không được bốc dỡ và được dành cho tiêu dùng của phi hành đoàn và hành khách
- Các lô hàng nhỏ gửi cho thể nhân không có ý định đưa ra thị trường
- Thú nuôi
- Các mẫu sản phẩm dành cho tiêu dùng của con người thường phải tuân thủ các quy định về thực phẩm áp dụng tại EU.
- Hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của hành khách phục vụ mục đích cho cá nhân sử dụng
- Hàng hóa được gửi dưới dạng mẫu thương mại hoặc làm vật phẩm trưng bày cho triển lãm, hội chợ, không nhằm mục đích đưa ra thị trường.

EU quy định cấm mang hành khách theo sản phẩm thịt, sữa và các sản phẩm chế biến từ hai loại sản phẩm này, nhằm hạn chế sự lây lan mầm bệnh bò điên BSE vào EU. Quy định miễn trừ đối với sữa bột, thức ăn cho trẻ sơ sinh và thực phẩm đặc biệt hoặc thức ăn vật nuôi đặc biệt cần thiết vì lý do y tế, nếu cân nặng dưới 2 kg và đáp ứng các điều kiện đặt ra trong quy định. Các loại sản phẩm khác có EU cho phép hành khách mang theo số lượng theo quy định nói lỏng hơn, cho phép mang với số lượng hạn chế.

EU có thể áp dụng các biện pháp bảo vệ khẩn cấp, tạm thời, bao gồm đình chỉ nhập khẩu từ toàn bộ hoặc một phần quốc gia liên quan hoặc đưa ra yêu cầu đặc biệt đối với các sản phẩm từ quốc gia đó trong trường hợp dịch bệnh bùng phát đối với động vật nào đó quốc gia bên ngoài EU gây ra mối nguy nghiêm trọng đến sức khỏe con người, sức khỏe động vật, môi trường.

## **7. Kiểm soát nhập khẩu biên giới**

Các chủ lô hàng (operator responsible for the consignments RFC) chuẩn bị và hoàn thiện Bộ hồ sơ thú y nhập khẩu chung (Common Health Entry Document (CHED) kèm theo lô hàng và gửi thông báo trước đến các Cơ quan Kiểm soát Biên giới (BCP) cung cấp thông tin cần thiết cho việc xác minh ngay và đầy đủ của lô hàng

và nơi/cảng đến. Một lô hàng động vật sống hoặc các sản phẩm động vật chỉ được nhập khẩu vào EU bắt buộc phải được kiểm tra.

Theo Quy định 2017/625, Cơ quan kiểm soát biên giới (BCP) của các thành viên được giao thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát tại trạm các biên giới ([https://ec.europa.eu/food/animals/vet-border-control/bip-contacts\\_en](https://ec.europa.eu/food/animals/vet-border-control/bip-contacts_en)). Việc kiểm soát thú y biên giới là yếu tố quan trọng để đảm bảo các động vật sống và sản phẩm động vật vào Liên minh châu Âu được an toàn và đáp ứng các điều kiện nhập khẩu cụ thể được quy định trong luật pháp của EU. Các loại động vật và sản phẩm động vật nhập khẩu có mức độ rủi ro cao nhất vì chúng có thể truyền bệnh nghiêm trọng cho người và động vật. Do đó, cần phải tuân theo các quy tắc cụ thể tại Trạm Kiểm soát Biên giới (BCP). Các nội dung kiểm soát tại các BCP để xác minh sự tuân thủ các quy tắc của EU, các nước thành viên EU. BCP tiến hành kiểm hồ sơ CHED của lô hàng. Tùy theo CHED của lô hàng (Đối với động vật mẫu CHED-A; Sản phẩm có nguồn gốc động vật và thủy sản mẫu-CHED-P); giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (nội dung bao gồm cả an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh), 1/đối chiếu các thông tin trong hồ sơ với lô hàng thực, 2/kiểm tra xác minh, 3/kiểm tra đặc biệt, kiểm tra lấy mẫu, phân tích trong phòng thí nghiệm. Dựa trên các kết quả thanh tra thú y tại Trạm biên giới có thể đồng ý hoàn toàn, hoặc đồng ý từng phần chủ lô hàng phải bổ sung hồ sơ, hoặc từ chối khi lô hàng có dấu hiệu vi phạm hoặc phát hiện các có lỗi, không đảm bảo quy định thì chuyển thông tin qua TRACES (hệ cơ sở dữ liệu tập trung cho phép giám sát các lô hàng của động vật sống và các sản phẩm động vật được kiểm tra tại BCP) sau đó gửi thông báo cho hệ thống cảnh báo dịch bệnh trên động vật-ADIS hoặc nêu lô hàng là sản phẩm động vật chuyển sang hệ thống cảnh báo-RASFF (hệ thống cảnh báo nhanh, chỉ cần một lô hàng có vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm thì ngay lập tức sẽ được thông báo trong toàn bộ EU và hàng hóa đó sẽ không thể tiếp tục lưu hành trong khu vực) về kết quả kiểm tra lô hàng và thông tin cụ thể lô hàng nào không đạt tiêu chuẩn tới tất cả các Trạm kiểm tra còn lại nhằm ngăn chặn việc lô hàng đó có thể được nhập khẩu vào thị trường.

## **8. Những tác động chính đối với các nước xuất khẩu**

Việc tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe động vật của EU là cần thiết để nước thứ ba được chấp thuận xuất khẩu sang EU. Tuy nhiên, EU áp dụng các điều kiện để tiếp cận thị trường sản phẩm động vật rất khắt khe, với nhiều quy định, yêu cầu áp dụng nhiều chương trình giám sát tồn dư hóa chất, kim loại nặng, các chương trình thanh, kiểm tra, an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y... Những biện pháp của EU tác động ảnh hưởng đến cả cơ quan quản lý, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tư nhân. Các nước

thứ ba đòi hỏi phải tập trung nguồn lực để đầu tư hệ thống quản lý, nhân lực, pháp luật chuyên ngành thú y, tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, áp dụng một cách hiệu quả trong toàn bộ quá trình sản xuất, xuất khẩu để đảm bảo rằng hàng hóa xuất khẩu đáp ứng đầy đủ các quy định mới của EU.

Các doanh nghiệp của nước xuất khẩu bên ngoài EU phải đối mặt với khó khăn, thách thức, những yêu cầu bổ sung trong việc giải quyết vấn đề kiểm dịch động vật, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm xuất khẩu. Phạm vi không chỉ giới hạn đối với nhóm sản phẩm xuất khẩu có nguồn động vật trên cạn và dưới nước, mà còn mở rộng đối với nhóm sản phẩm hỗn hợp/ phối chế có chứa sản phẩm có nguồn gốc động vật do EU thay đổi cách tiếp cận mới thay vì tỷ lệ % thành phần sản phẩm như trước đây.

### PHẦN III: QUY ĐỊNH VỀ THỰC PHẨM CHUNG

Về quản lý an toàn thực phẩm chung, EU tiếp cận theo hướng tích hợp đối với an toàn thực phẩm bao gồm tất cả các lĩnh vực của chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Hệ thống pháp luật của EU về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật đầy đủ và minh bạch nhằm đảm bảo và bảo vệ sức khỏe con người, động, thực vật và môi trường.

#### 1. **Hài hòa hóa hệ thống Pháp luật EU**

Trong khối EU, hầu hết các văn bản quy định nhưng không phải tất cả các quy định liên quan đến thực phẩm đều được hài hòa. Các sản phẩm nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu, quy định hiện hành của Quốc gia Thành viên EU trong trường hợp chưa hoàn thiện hoặc chưa hài hòa quy định của EU.

Các doanh nghiệp xuất khẩu lưu ý các sản phẩm không trong nằm trong phạm vi luật thực phẩm chung hài hòa của EU có thể phải trong diện điều chỉnh, tuân thủ các quy định khác của quốc gia thành viên EU.

EU áp dụng cách tiếp cận kép trong việc hài hòa luật thực phẩm: hệ thống luật “theo chiều ngang” bao gồm các khía cạnh chung cho tất cả các loại thực phẩm (ví dụ như phụ gia, ghi nhãn, vệ sinh, v.v.) và hệ thống luật “theo chiều dọc” đối với các sản phẩm cụ thể (ví dụ: rượu vang, ca cao và sô cô la, đường, mật ong, nước ép trái cây, mứt trái cây, thực phẩm mới, v.v.). Các doanh nghiệp xuất khẩu phải nghiên cứu kỹ khi áp dụng ghi nhãn các sản phẩm, phải tuân thủ các quy định khác nhau.

Ví dụ: các quy tắc ghi nhãn rượu vang được quy định trong hệ thống luật (theo chiều dọc) nhưng các quy tắc ghi nhãn chất gây dị ứng áp dụng cho rượu vang lại được đặt ra trong quy định ghi nhãn thực phẩm chung (theo chiều ngang) của EU.

***1.1 EU tiếp cận quản lý an toàn thực phẩm theo hướng nông trại đến bàn ăn “Farm to Fork- F2F” bao gồm tất cả các khâu/lĩnh vực của chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi***

Quy định chặt chẽ, rõ ràng dựa trên các nguyên tắc: “phòng ngừa”, “phân tích đánh giá, quản lý và truyền thông mối nguy”; “minh bạch” làm nền tảng cho EU và các nước thành viên để áp dụng truy xuất nguồn gốc thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và các thành phần sử dụng liên quan đến thực phẩm thông qua tất cả các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các biện pháp áp dụng an

toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, các thành phần các chất tồn dư trong thực phẩm, bao gồm cả các quy định truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi nhập khẩu từ các nước ngoài EU.

[https://ec.europa.eu/food/safety/general\\_food\\_law/principles\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/general_food_law/principles_en):

## ***1.2 EU hướng đến đạt mục tiêu về quản lý an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi***

Đảm bảo mức độ bảo vệ cao cho cuộc sống và sức khỏe của con người, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Đảm bảo thực thi thương mại thực phẩm công bằng, có tính đến các yếu tố bảo vệ sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và môi trường; Đảm bảo lưu thông tự do hàng hóa thực phẩm và thức ăn được sản xuất và bán trên thị trường EU, theo Quy định của Luật Thực phẩm Chung; Tạo điều kiện thuận lợi thương mại toàn cầu về thực phẩm về thức ăn chăn nuôi, an toàn trên cơ sở các tiêu chuẩn và thỏa thuận quốc tế khi phát triển hệ thống luật pháp về an phẩm và bảo vệ người tiêu dùng.

## **2. Công nhận lẫn nhau**

Trong trường hợp các quy định chưa được hài hòa ở cấp EU, biện pháp “công nhận lẫn nhau” sẽ đảm bảo lưu thông hàng hóa tự do trong EU. Theo nguyên tắc công nhận lẫn nhau, các sản phẩm được sản xuất và/hoặc tiếp thị hợp pháp ở một Quốc gia Thành viên EU sẽ được phép tiếp thị ở bất kỳ Quốc gia Thành viên EU nào khác. Có trường hợp ngoại lệ đối với nguyên tắc này: Các Quốc gia Thành viên đưa ra trường hợp ngoại lệ trong quá trình thông qua công nhận lẫn nhau, một quốc gia có thể chứng minh sản phẩm dự định nhập khẩu gây ra các mối nguy về an toàn, sức khỏe con người và môi trường đối với cộng đồng. Quy định 2019/515 về công nhận lẫn nhau đối với hàng hóa được tiếp thị hợp pháp ở một Quốc gia Thành viên khác và cũng đặt ra các yêu cầu về thủ tục để từ chối sự công nhận lẫn nhau và xác định các quyền và nghĩa vụ của một bên là cơ quan có thẩm quyền quốc gia và các doanh nghiệp. Quy định cũng đưa ra “tuyên bố công nhận lẫn nhau” tự nguyện mà các doanh nghiệp có thể sử dụng để chứng minh rằng sản phẩm của họ được tiếp thị hợp pháp ở một quốc gia EU khác. Thông tin chi tiết về các quy tắc có thể được tra cứu tại trang web của Ủy ban Châu Âu: [https://ec.europa.eu/growth/singlemarket/goods/free-movement-sectors/mutual-recognition\\_en](https://ec.europa.eu/growth/singlemarket/goods/free-movement-sectors/mutual-recognition_en)

### 3. Các hình thức văn bản luật: Quy định và chỉ thị

Hệ thống pháp luật chung thực phẩm của EU bao gồm các “Quy định và các Chỉ thị (Regulations” and “Directives)” cũng như các quy tắc để triển khai. **Chỉ thị** được ban hành để các thành viên EU tự do quyết chuyển hóa thành nội luật (thường trong vòng 2-3 năm sau khi thông qua). **Quy định** áp dụng trên toàn EU, không yêu cầu chuyển hóa thành nội luật, có hiệu lực ngay với tất cả các nước thành viên EU. Sửa đổi các văn bản Pháp luật EU được công bố riêng rẽ giữa các chỉ thị và các quy định. Văn bản hợp nhất hoặc các văn bản sửa đổi về an toàn thực phẩm được dịch ra 24 ngôn ngữ sử dụng trong 27 nước thành viên và đều công bố và đăng tải trên công báo của EU tại website <http://eur-lex.europa.eu/en/index.htm>.

### 4. Luật về an toàn thực phẩm chung

Luật thực phẩm chung của EU tại Quy định (EC) 178/2002 là văn bản pháp luật cao nhất của Nghị viện châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 28 tháng 1 năm 2002 đưa ra các nguyên tắc và yêu cầu chung của luật thực phẩm, thành lập Cơ quan an toàn thực phẩm châu Âu (EFSA) và đặt ra các nguyên tắc chung, các quy trình đánh giá rủi ro, rà soát các quy định, quy tắc, tiêu chuẩn ...trong vấn đề an toàn thực phẩm.

EU cũng đưa ra quy định mới Quy định 2017/625 quy định các biện pháp kiểm soát thực phẩm (kiểm soát từ biên giới và trong lãnh thổ EU), được áp dụng vào ngày 14 tháng 12 năm 2019, thay thế cho Quy định 882/2004 trước đây. EU cũng đang áp dụng vận hành hệ thống cảnh báo nhanh đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (Rapid Alert System for Food and Feed-RASSF). Các quốc gia thành viên có trách nhiệm thực hiện việc kiểm soát, kiểm tra việc áp dụng và tuân thủ các quy định của EU đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm EU bao gồm kể cả các hoạt động xuất nhập khẩu.

Quy định 2019/1381 mới đảm bảo tính minh bạch hơn, tăng tính độc lập của các nghiên cứu, tăng cường quản trị EFSA cũng như phát triển truyền thông mối nguy toàn diện. Quy định này điều chỉnh 8 văn bản quy phạm pháp luật trong ngành công nghiệp thực phẩm bao gồm cả thực phẩm biến đổi gen; hương liệu hun khói; vật liệu tiếp xúc thực phẩm; phụ gia thực phẩm, enzyme thực phẩm và hương liệu và thực phẩm mới lạ.

### 5. Các Tổ chức/Cơ quan EU xây dựng và ban hành Luật

Có ba tổ chức chính liên quan đến việc xây dựng các chính sách và thông qua, ban hành luật áp dụng trên toàn EU: Ủy ban Châu Âu (Tổng vụ Sức khỏe và An toàn



thực phẩm-DG-SANTE), Hội đồng Liên minh Châu Âu và Nghị viện Châu Âu. Về nguyên tắc, Ủy ban đề xuất luật mới, Hội đồng và Nghị viện châu Âu thông qua theo quy trình pháp lý thông thường (đồng quyết định). Trong thực tế do thể chế EU có nhiều Đảng phái, các nhà lập pháp EU theo các định hướng, mục tiêu, định hướng thu hút dự luận phiếu bầu của các Đảng phái nên thường viện dẫn nguyên tắc phòng ngừa, môi trường sinh thái, phát triển bền vững để tạo áp lực trong quá trình soạn thảo và xây dựng các quy định đổi mới của EU.

## **6. Minh bạch**

Liên minh Châu Âu xây dựng và vận hành cổng thông tin duy nhất nơi người dân và các bên liên quan có thể cung cấp phản hồi về tất cả các sáng kiến trong suốt quá trình xây dựng luật. Chương trình "REFIT" được triển khai từ năm 2013, đánh giá liệu luật hiện có còn phù hợp với mục đích và thay đổi nếu cần thiết. Thông tin chi tiết xem [https://commission.europa.eu/law/law-making-process/planning-and-proposing-law/better-regulation\\_en](https://commission.europa.eu/law/law-making-process/planning-and-proposing-law/better-regulation_en)

## **7. Sản phẩm “Chất lượng kép”**

Năm 2017, một số nước Thành viên EU - Hungary, Slovakia và Cộng hòa Séc phản ánh nhiều sản phẩm, bao gồm cả thực phẩm, được tiếp thị và phân phối các nước này có chất lượng thấp hơn so với các nhãn hiệu và bao bì tương tự được phân phối tại các Quốc gia Thành viên EU cũ. Từ năm 2019, EU đã ban hành Chỉ thị (EU) 2019/2161 sửa đổi các quy tắc nhằm thực thi tốt hơn và hiện đại hóa các quy tắc bảo vệ người tiêu dùng của EU. Chỉ thị mới đưa ra một điều khoản nêu rõ rằng “bất kỳ hoạt động tiếp thị hàng hóa nào ở một Quốc gia Thành viên đều giống tương tự với hàng hóa được tiếp thị ở các Quốc gia Thành viên khác, trong khi hàng hóa đó có thành phần hoặc đặc điểm khác biệt đáng kể, trừ khi được chứng minh bằng các yếu tố khách quan và hợp pháp” sẽ bị coi là gây nhầm lẫn.

## **8. Cơ quan tư vấn**

**8.1 EU thành lập Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (European Food Safety Authority EFSA),** cơ quan tư vấn khoa học độc lập trong việc xây dựng các chính sách, quy định, pháp luật thực phẩm chung, kiểm soát an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi cũng như hình thành các cơ quan/tổ chức thực thi của Luật thực phẩm chung và truyền tải thông tin về mối nguy trong chuỗi thực phẩm tới công chúng. EFSA chủ yếu là một cơ quan đánh giá rủi ro trong khi quản lý mối nguy và ra quyết định vẫn là lĩnh vực của các cơ quan/tổ chức của EU và các nước thành viên EU.

- EFSA chịu trách nhiệm cung cấp tư vấn khoa học cho các nhà lập pháp về các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm. “Nhóm đặc trách hỗ trợ ứng dụng” của EFSA hỗ trợ đăng ký và giám sát đăng ký các sản phẩm được quản lý trong các lĩnh vực sau: Các quy định về an toàn sinh học (tồn dư vi sinh vật, mầm bệnh, vệ sinh thực phẩm, TĂCN), hóa chất (các loại hóa chất tồn dư, hoóc môn, tồn dư thuốc BVTV, thuốc thú y vật liệu tiếp xúc với thực phẩm); ghi nhãn và dinh dưỡng; phụ gia thực phẩm; các loại thực phẩm mới, lạ;
- Quy định về an toàn đối với thức ăn chăn nuôi; phụ phẩm có nguồn gốc động vật;
- Quy định về các biện pháp xử lý đối với thực phẩm ví dụ chiếu xạ thực phẩm, các khuyết tật trong thực phẩm.

Nội dung các nhóm quy định được cụ thể hóa rất chi tiết bao gồm hệ thống văn bản pháp luật, các hướng dẫn áp dụng cho các cơ quan có thẩm quyền và các doanh nghiệp, các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể, tham khảo tại [https://ec.europa.eu/food/safety\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety_en).

**8.2 “Nhóm về Đạo đức trong Khoa học và Công nghệ Mới” (European Group on Ethics in Science and New Technologies- EGE)** của EU là một cơ quan tư vấn độc lập và đa ngành có nhiệm vụ tư vấn cho Ủy ban Châu Âu về các khía cạnh đạo đức của khoa học và công nghệ mới trong việc chuẩn bị các chính sách và luật pháp mới của EU. Tham khảo thêm thông tin tại link: [https://ec.europa.eu/info/research-and-innovation/strategy/support-policy-making/scientific-support-eupolicies/ege\\_en](https://ec.europa.eu/info/research-and-innovation/strategy/support-policy-making/scientific-support-eupolicies/ege_en).

EU Quy định khi thực phẩm nhập khẩu từ các nước thứ ba phải đảm bảo mức an toàn thực phẩm tương tự như thực phẩm do EU sản xuất. Cách tiếp cận EU được tạo thành từ các yếu tố chính sau:

Nhập khẩu thực phẩm phải tuân thủ các điều kiện và biện pháp chung, bao gồm:

- Các nguyên tắc và yêu cầu chung được quy định trong Luật thực phẩm chung và số 178/2002 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng Châu Âu;
- Quy tắc về an toàn thực phẩm chung và các chỉ tiêu cụ thể đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật được quy định chi tiết tại Quy định (EC) số 852/2004 và số 853/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu’;

- Các biện pháp liên quan đến tồn dư thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y và các chất gây ô nhiễm trong và trên thực phẩm.
- Để truy xuất nguồn gốc, các nhà nhập khẩu thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của EU phải xác định và đăng ký xuất xứ sản phẩm từ quốc gia sản xuất, xuất khẩu;
- Giấy phép an toàn thực phẩm các nhóm sản phẩm có nguồn gốc thực vật khác với thực phẩm có nguồn gốc động vật.

Bên cạnh đó, nhập khẩu vào EU một số thực phẩm bắt buộc phải tuân thủ các điều kiện và quy tắc đặc biệt, bao gồm:

- Các quy tắc liên quan đến thực phẩm và thức ăn chăn nuôi sản xuất từ sản phẩm biến đổi gen (GM thực phẩm, GM thức ăn chăn nuôi), bioprotein và thực phẩm mới lạ;
- Các quy tắc về các sản phẩm thực phẩm đặc biệt (ví dụ: nước khoáng, ca cao, thực phẩm đông lạnh) và thực phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu dinh dưỡng đặc biệt (ví dụ: thực phẩm cho trẻ sơ sinh);
- Các yêu cầu đặc biệt về tiếp thị và ghi nhãn đối với nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, thức ăn hỗn hợp và thức ăn chăn nuôi phục vụ cho các mục đích cung cấp dinh dưỡng cụ thể;
- Các yêu cầu, điều kiện liên quan đến nguyên vật liệu tiếp xúc với thực phẩm (bao bì đóng gói).

Các biện pháp kiểm soát chính thức để đảm bảo tuân thủ các quy tắc của EU về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi nêu chi tiết phần kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật. Thông tin liên quan về phí kiểm tra và các phòng thí nghiệm tham khảo có sẵn từ trang web của Ủy ban Châu Âu DG SANTE. Ở cấp độ chi tiết hơn, các nguyên tắc tổ chức kiểm tra thú y đối với các sản phẩm nhập khẩu đã được quy định trong luật trước đó (Chỉ thị của Hội đồng 97/78 / EC). Kiểm định và phân tích sức khỏe và thực phẩm của DG là cơ quan kiểm định của Ủy ban trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. Danh sách các cơ sở và sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi được EU chấp thuận tham khảo tại [https://webgate.ec.europa.eu/sanco/traces/output/non\\_eu\\_listsPerCountry\\_en.htm](https://webgate.ec.europa.eu/sanco/traces/output/non_eu_listsPerCountry_en.htm)

EU thực hiện chương trình “đánh giá sự phù hợp-fitness check” của Luật Thực phẩm chung 178/2002, nhằm đánh giá hệ thống các văn bản quy pháp pháp luật về thực phẩm phù hợp với các mục đích của Luật thực phẩm chung của EU, xác định những biện pháp không hiệu quả, không nhất quán, gây gánh nặng quá mức, tạo khoảng trống pháp luật... EU đã ban hành Quy định 2019/1381 tính minh bạch và tính bền vững của đánh giá mối nguy của trong chuỗi thực phẩm và sửa đổi luật một số điều Thực phẩm chung EU sẽ áp dụng từ ngày 27 tháng 3 năm 2021, riêng khoản 4 Điều 1 về truyền thông mối nguy sẽ áp dụng từ ngày 1 tháng 7 năm 2022.

Quy định 2019/1381 mới đảm bảo tính minh bạch hơn, tăng tính độc lập của các nghiên cứu, tăng cường quản trị EFSA cũng như phát triển truyền thông mối nguy toàn diện. Quy định này có ảnh hưởng đến **8 văn bản quy phạm pháp luật** trong ngành công nghiệp thực phẩm bao gồm cả thực phẩm biến đổi gen; hương liệu hun khói; vật liệu tiếp xúc thực phẩm; phụ gia thực phẩm, enzyme thực phẩm và hương liệu và thực phẩm mới lạ.

EU cũng đưa ra quy định mới Quy định 2017/625 quy định các biện pháp kiểm soát thực phẩm (kiểm soát từ biên giới và trong lãnh thổ EU), được áp dụng vào ngày 14 tháng 12 năm 2019, thay thế cho Quy định 882/2004 trước đây. EU cũng đang áp dụng vận hành hệ thống cảnh báo nhanh đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (RASSF). Các quốc gia thành viên có trách nhiệm thực hiện việc kiểm soát, kiểm tra việc áp dụng và tuân thủ các quy định của EU đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm EU bao gồm kể cả các hoạt động xuất nhập khẩu.

## 9. Thực thi

Thi hành luật thực phẩm của EU được thực hiện bởi các các cơ quan chức năng của các nước thành viên. Giám sát kiểm tra việc thực hiện của các nước thành viên được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Ủy ban châu Âu. Ủy ban châu Âu có thể đưa ra các vụ việc vi phạm pháp lý tại Tòa án Tư pháp châu Âu đối với các nước thành viên không tuân thủ Chỉ thị và Quy định của EU. Chi tiết tham khảo tại trang Web của Ủy ban Châu Âu.

## PHẦN IV. YÊU CẦU GHI NHÃN

### 1. Yêu cầu chung

EU ban hành Quy định 1169/2011 ngày 13 tháng 12 năm 2014 về “Thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng (Food Information to Consumers -FIC)” có hiệu lực áp dụng cho tất cả các sản phẩm thực phẩm và đồ uống đóng gói sẵn được phân phối lưu thông trên thị trường EU, bao gồm cả những sản phẩm được nhập khẩu từ nước thứ ba. Yêu cầu khai báo dinh dưỡng bắt buộc áp dụng từ 2016.

Thông tin chi tiết về các yêu cầu ghi nhãn thực phẩm đặt ra trong quy định FIC có sẵn trên trang web của EU. Để hỗ trợ các nhà doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định ghi nhãn thực phẩm của EU, Ủy ban Châu Âu cũng như các Liên đoàn thực phẩm EU đã xuất bản các tài liệu hướng dẫn.

- Ủy ban Châu Âu: Hỏi đáp về việc áp dụng quy định (EU) 1169/2011 về thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng (Tháng 6 năm 2018)
- Ủy ban Châu Âu: Sơ đồ các quy định ghi nhãn mới
- FoodDrink Europe (Liên đoàn Công nghiệp Thực phẩm và Đồ uống EU): Hướng dẫn cung cấp Thông tin Thực phẩm cho Người tiêu dùng

Mục tiêu của “Quy định” là thiết lập các quy tắc hài hòa áp dụng trên lãnh thổ EU. Tuy nhiên, Quy định FIC cho phép các quốc gia thành viên EU áp dụng một số quy định đặc thù ngoài các quy định của EU. Điều 39 của Quy định FIC đưa ra các điều kiện cho phép Quốc gia Thành viên áp dụng các biện pháp quốc gia bắt buộc bổ sung, bao gồm các biện pháp ghi nhãn xuất xứ.

Quy định FIC miễn trừ nhóm mặt hàng đồ uống có cồn ra khỏi danh mục mặt hàng không bắt buộc phải ghi nhãn dinh dưỡng và liệt kê thành phần, nhưng Điều 41 của Quy định FIC cho phép các Quốc gia Thành viên duy trì các quy định riêng của quốc gia về việc liệt kê các nguyên liệu thành phần cho đến khi các quy định hài hòa của EU được thông qua.

Tháng 12 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đã đưa ra kế hoạch đề xuất với cơ quan lập pháp sửa đổi Quy định (EU) 1169/2011. Nội dung dự thảo sửa đổi bao gồm:

- Ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc mặt trước bao bì một cách hài hòa.

- Công bố 'hồ sơ dinh dưỡng' hạn chế việc quảng cáo (thông qua các công bố về dinh dưỡng và sức khỏe) các loại thực phẩm chứa nhiều chất béo, đường và/hoặc muối.
- Tăng cường ghi nhãn về chỉ dẫn xuất xứ hoặc xuất xứ bắt buộc đối với một số sản phẩm nhất định
- Sửa đổi các quy định của EU về ghi ngày tháng ('hạn sử dụng' và 'tốt nhất trước')

Hiện tại các đề xuất bị trì hoãn trước đó dự kiến sẽ được đưa ra sửa đổi vào quý 4 năm 2022, tuy nhiên những đề xuất này chưa được triển khai đúng hạn.

### ***1.1 Thông tin bắt buộc***

Điều 9 của Quy định FIC 1169/2011 đưa ra danh sách các công bố bắt buộc trên nhãn thực phẩm và đồ uống:

- Tên thực phẩm
- Danh sách các thành phần nguyên liệu
- Chất gây dị ứng được liệt kê trong Phụ lục II
- Khối lượng các thành phần nhất định hoặc phân loại nhóm thành phần
- Khối lượng tịnh thực phẩm
- Thời gian cất trữ tối đa hoặc thời hạn sử dụng
- Các yêu cầu đặc biệt về điều kiện bảo quản và/hoặc điều kiện sử dụng
- Tên, địa chỉ doanh nghiệp hoặc của cơ sở kinh doanh thực phẩm. Nếu doanh nghiệp đó không đăng ký tại EU, bắt buộc ghi tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu
- Nước xuất xứ hoặc nguồn gốc theo quy định tại Điều 26

- Hướng dẫn sử dụng và những lưu ý trong quá trình sử dụng đối với các thực phẩm khó sử dụng hoặc đặc thù;
- Đối với đồ uống có nồng độ cồn hơn 1,2% theo thể tích, nồng độ cồn phải được tính theo thể tích
- Công bố dinh dưỡng

## ***1.2 Cảnh báo trên ghi nhãn***

Phụ lục III của Quy định FIC 1169/2011 thiết lập danh sách các sản phẩm cần có cảnh báo đặc biệt trên nhãn:

- Thực phẩm có độ bền được tăng cường bằng khí đóng gói
- Thực phẩm chứa chất làm ngọt được cấp phép theo Quy định về Phụ gia Thực phẩm 1333/2008
- Thực phẩm có chứa đường và chất tạo ngọt được phép theo Quy định về Phụ gia Thực phẩm 1333/2008
- Thực phẩm có chứa aspartame được cho phép theo Quy định về Phụ gia Thực phẩm 1333/2008;
- Thực phẩm chứa hơn 10% polyol bổ sung cho phép theo Quy định về Phụ gia Thực phẩm 1333/2008
- Bánh kẹo và đồ uống có chứa cam thảo (axit glycyrrhizic hoặc muối amoni)
- Đồ uống có chứa trên 150mg/l caffeine và thực phẩm có bổ sung caffeine.
- Thực phẩm hoặc thành phần thực phẩm có bổ sung phytosterol, este phytosterol, phytostanol hoặc este phytostanol

Phụ lục V của Quy định về Phụ gia Thực phẩm 1333/2008 yêu cầu thực phẩm có chứa phẩm màu vàng hoàng hôn (E110), vàng quinoline (E104), carmoisine (E122),

đỏ allura (E129), vàng nhạt tartrazine (E102) và đỏ đậm ponceau 4R (E124) phải được dán nhãn “có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động và sự chú ý ở trẻ em.”

Bất kỳ bộ phận nào của bao bì không ăn được mà có thể gây nhầm lẫn là thực phẩm cho người tiêu dùng, phải được dán nhãn với các từ " KHÔNG ĂN ĐƯỢC " và kỹ thuật có thể cho phép phải có biểu tượng cảnh báo.

### 1.3 Cỡ chữ tối thiểu

Điều 13 của Quy định FIC 1169/2011 nêu cỡ chữ tối thiểu ghi thông tin bắt buộc trên nhãn thực phẩm và đồ uống. Thông tin phải được ghi bằng ký tự, kích thước chữ tối thiểu 1,2 mm theo “chiều cao x” được quy định tại Phụ lục IV. Nếu bề mặt lớn nhất của bao bì hoặc hộp đựng thực phẩm bề mặt nhỏ hơn 80 cm<sup>2</sup> thì cỡ chữ tối thiểu giảm xuống 0,9 mm. Nếu bề mặt bao bì in nhỏ hơn 25 cm<sup>2</sup> thì không cần ghi công bố dinh dưỡng. Các loại bao gói nhỏ hơn 10 cm<sup>2</sup> không cần ghi thông tin dinh dưỡng cũng như danh sách thành phần.



Nguồn: Annex IV, Quy định FIC 1169/2011

Kích thước phông chữ tối thiểu không áp dụng cho các yêu cầu ghi nhãn bắt buộc được quy định trong luật khác của EU.

Cỡ chữ tối thiểu không áp dụng cho các yêu cầu ghi nhãn bắt buộc được quy định trong luật khác của EU, ví dụ như các yêu cầu về cỡ chữ được nêu trong Chỉ thị 76/2011 để chỉ ra khối lượng danh nghĩa.

Cỡ chữ tối thiểu để in thông tin bắt buộc là 1,2 mm.



## ***1.4 Yêu cầu về ngôn ngữ***

Điều 15 của quy định FIC 1169/2011 quy định thông tin bắt buộc phải được thể hiện bằng “ngôn ngữ dễ hiểu đối với người tiêu dùng của các Quốc gia Thành viên nơi thực phẩm được tiếp thị, phân phối”. Trong thực tế, điều này có nghĩa là ghi ngôn ngữ chính thức của Quốc gia Thành viên đó. Các quốc gia thành viên có thể yêu cầu xác định những thông tin nào cần được thể hiện bằng một hoặc nhiều ngôn ngữ chính thức của EU. Để tránh việc không tuân thủ các quy định ghi nhãn mới, bản dịch thông tin bắt buộc phải chính xác. Các công cụ dịch trực tuyến tự động có thể tạo ra các bản dịch không chính xác và không nên sử dụng trừ khi bản dịch được hiệu chỉnh.

## ***1.5 Danh sách thành phần***

Từ “thành phần/Ingredients” phải đứng trên/trước danh sách thành phần. Tất cả các thành phần phải được ghi bằng tên cụ thể và được liệt kê theo thứ tự trọng lượng giảm dần. Các thành phần có chứa vật liệu nano được chế tạo, phải được ghi rõ trong danh mục thành phần, kèm theo từ “nano” trong ngoặc. Phụ lục VII của quy định FIC 1169/2011 đưa ra các điều khoản cụ thể liên quan đến việc chỉ dẫn các thành phần và phân loại thành phần trong danh mục các thành phần thực phẩm. Phụ lục này yêu cầu chỉ dẫn bắt buộc về nguồn gốc dầu và mỡ thực vật.

Trong danh sách thành phần “dầu thực vật” và “mỡ thực vật” phải kèm theo danh mục nguồn thực vật cụ thể.

## ***1.6 Ghi nhãn chất gây dị ứng***

Điều 21 của quy định FIC quy định mỗi sản phẩm hoặc chất có khả năng gây dị ứng phải được nêu trong danh mục thành phần kèm theo tên của chất hoặc sản phẩm được liệt kê trong Phụ lục II của quy định FIC. Tên của chất hoặc sản phẩm phải được làm nổi bật phân biệt rõ ràng với các thành phần khác, ví dụ như in đậm hoặc sử dụng nền màu.

Ví dụ: “tofu” (**đậu nành**) – “váng sữa” (**sữa**)

Khi đã công bố danh sách thành phần trên nhãn, việc sử dụng các hộp cảnh báo tự nguyện hoặc các chú dẫn cảnh báo chẳng hạn như “nội dung chứa X” thực phẩm có chứa các thành phần gây dị ứng sẽ không được phép.

Trên các sản phẩm không yêu cầu danh mục các thành phần, chẳng hạn như rượu vang, việc chú dẫn chất gây dị ứng phải ghi bằng từ “contains/chứa” theo sau là tên

hoạt chất hoặc sản phẩm như được liệt kê trong Phụ lục II của quy định FIC. Ghi chất gây dị ứng trên nhãn là bắt buộc đối với tất cả đồ uống có cồn và phải tuân theo yêu cầu về cỡ chữ tối thiểu. Các Quốc gia Thành viên quyết định ngôn ngữ được sử dụng để chỉ ra chất gây dị ứng trên nhãn.

Tham khảo các Tài liệu hướng dẫn của EU:

1. Hướng dẫn cung cấp thông tin các chất hoặc sản phẩm gây dị ứng hoặc không dung nạp thực phẩm của Ủy ban Châu Âu:
2. Hướng dẫn ghi nhãn phòng ngừa chất gây dị ứng của Liên đoàn công nghiệp thực phẩm và đồ uống châu Âu FoodDrink Europe
3. Ghi nhãn chất gây dị ứng của Cơ quan An toàn Thực phẩm Ireland:

### ***1.7 Hạn sử dụng***

Phụ lục X của Quy định FIC 1169/2011 đặt ra các quy tắc về ghi độ bền tối thiểu, thời hạn sử dụng và ngày cấp đông. Hạn sử dụng phải được ghi rõ trên từng phần đóng gói sẵn. Ngày bảo quản và ngày cấp đông (lần đầu tiên) trước dòng chữ “đông lạnh” là bắt buộc ghi trên nhãn của thịt đông lạnh, sản phẩm chế biến từ thịt đông lạnh và các sản phẩm thủy sản đông lạnh chưa qua chế biến. Ngày phải được ghi theo thứ tự sau: ngày/tháng/năm (nếu cần).

Tham khảo các Tài liệu hướng dẫn của EU

1. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu: Hướng dẫn về ghi ngày tháng và các thông tin liên quan đến thực phẩm: phần 1 (ký hiệu đánh dấu ngày tháng) (2021)
2. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu: Hướng dẫn ghi ngày tháng và thông tin thực phẩm liên quan: phần 2 (thông tin thực phẩm) (2021)

### ***1.8 Công bố định lượng thành phần (Quantitative Ingredients Declaration QUID)***

Điều 22 của Quy định FIC yêu cầu ghi rõ định lượng của một thành phần hoặc loại thành phần trong các trường hợp sau:

- Trường hợp thành phần hoặc loại thành phần được ghi trong tên của thực phẩm hoặc thường được người tiêu dùng nhận diện/liên tưởng đến tên sản phẩm đó
- Trường hợp thành phần hoặc chủng loại thành phần được gây chú ý trên nhãn bằng từ ngữ, hình ảnh hoặc đồ họa
- Trường hợp thành phần hoặc loại thành phần cần thiết cần mô tả đặc tính/trạng thái của thực phẩm và để phân biệt sản phẩm đó với các sản phẩm tương tự

Công bố định lượng thành phần QUID được biểu thị dưới dạng phần trăm, phải ghi bên trong hoặc ngay bên cạnh Tên thực phẩm hoặc trong danh mục thành phần. Phụ lục VIII của quy định FIC đặt ra các quy tắc kỹ thuật và các trường hợp miễn trừ đối với yêu cầu QUID.

Ủy ban Châu Âu đã công bố hướng dẫn về yêu cầu QUID. Hướng dẫn giải thích khi nào QUID là bắt buộc và sản phẩm nào được miễn Công bố định lượng thành phần QUID.

### ***1.9 Phụ gia và Hương liệu***

Phụ lục VII, Phần C của Quy định FIC 1169/2011 liệt kê các danh mục chất phụ gia, phải được chỉ ra nhóm chất phụ gia kèm tên hoặc mã số quốc tế INS trong danh mục, sau là tên cụ thể hoặc mã số bắt đầu là chữ E.

Phần D của cùng Phụ lục này đặt ra các quy tắc về chỉ dẫn hương liệu, hương liệu sử dụng tạo mùi khói và sử dụng thuật ngữ chất phụ gia là chất “tự nhiên”. Quy định 1334/2008 đưa ra các quy định bổ sung về việc sử dụng thuật ngữ “tự nhiên”.

Thông tin tham khảo tại tài liệu: Hướng dẫn về Hương liệu/chất tạo mùi (2019) của Liên đoàn Công nghiệp thực phẩm và đồ uống châu Âu- FoodDrink Europe

### ***1.10 Ghi nhãn xuất xứ***

Trước khi áp dụng Quy định FIC 1169/2011, việc ghi nhãn xuất xứ là bắt buộc đối với mật ong, trái cây và rau quả, dầu ô liu, các sản phẩm thủy sản và nuôi trồng thủy sản cũng như thịt bò. Triển khai Quy định FIC, EU mở rộng yêu cầu ghi nhãn xuất xứ bắt buộc đối với thịt lợn, thịt cừu, dê và gia cầm tươi, ướp lạnh và đông lạnh.

Theo Điều 26 Quy định FIC, việc ghi nhãn xuất xứ bắt buộc được áp dụng trong các trường hợp sau:

- Trường hợp không thể hiện rõ nước xuất xứ hoặc nơi xuất xứ có thể gây ra nhầm lẫn cho người tiêu dùng
- Đối với thịt lợn, thịt cừu, dê và gia cầm tươi, ướp lạnh và đông lạnh (tham khảo thêm phần “Ghi nhãn thịt”)

Quy định FIC yêu cầu Ủy ban Châu Âu chuẩn bị báo cáo về tính khả thi của việc áp dụng ghi nhãn xuất xứ bắt buộc đối với các sản phẩm sữa, thịt là thành phần “thứ yếu” trong thực phẩm, sản phẩm chưa qua chế biến và các sản phẩm có một chứa thành phần. Tham khảo báo cáo có sẵn trên trang web của DG SANTE: [https://ec.europa.eu/food/safety/labelling-and-nutrition/food-information-consumers-legislation/originlabelling\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/labelling-and-nutrition/food-information-consumers-legislation/originlabelling_en).

Năm 2018, Ủy ban Châu Âu ban hành Quy định 2018/775, đưa ra yêu cầu ghi nhãn xuất xứ kép bắt buộc đối với sản phẩm thực phẩm có xuất xứ từ một quốc gia nhưng thành phần chính không phải có xuất xứ từ quốc gia đó, phải được ghi hoặc thể hiện trực quan trên nhãn của một sản phẩm thực phẩm được liệt kê tại điều 2 Quy định 2018 /775. Quy định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2020.

Ngày 30 tháng 1 năm 2020, EC đã đưa ra Thông báo C/2020/428 nhằm giúp các tác nhân trong chuỗi thực phẩm cũng như các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hiểu rõ hơn và áp dụng chính xác các điều khoản của Quy định (EU) số 1169/2011 liên quan đến ghi rõ nguồn gốc của thành phần chính.

Ví dụ: Một lọ bơ hạt điều có dòng chữ “Made in Viet Nam” hoặc mang cờ Việt Nam sẽ áp dụng quy định này khi sử dụng hạt điều có nguồn gốc từ nước khác.

EU hướng đến phát triển bền vững và ban hành Thỏa Thuận xanh và Chiến lược từ trang trại đến bàn ăn EU Farm to Fork Strategy (F2F)” từ ngày 20 tháng 5 năm 2020. Nội dung trong Chiến lược này nhằm định hướng và đảm bảo người tiêu dùng EU có thể đưa ra quyết định sáng suốt khi mua thực phẩm. Trong khuôn khổ của F2F, Ủy ban Châu Âu đang có kế hoạch sẽ “xem xét đề xuất mở rộng bảo hộ chỉ dẫn xuất xứ hoặc xuất xứ bắt buộc đối với một số sản phẩm nhất định, đồng thời xem xét đánh giá tác động trên thị trường chung” trước cuối năm 2022.

Vào tháng 4 năm 2023, Ủy ban Châu Âu đã công bố một số đề xuất nhằm cập nhật các tiêu chuẩn tiếp thị của EU đối với một số sản phẩm nông nghiệp, bao gồm cả trái cây và các loại hạt sấy khô. Ủy ban đang đề xuất các quy định ghi nhãn xuất xứ bắt buộc nghiêm ngặt hơn đối với mật ong, các loại hạt và trái cây sấy khô, chuối chín, cũng như trái cây và rau, chế biến và cắt sẵn (như lá salad đóng gói). Quốc gia hoặc các quốc gia xuất xứ trong trường hợp hỗn hợp hoặc hỗn hợp sẽ phải thể hiện ghi trên nhãn. Đề xuất này hiện đang trong quá trình thảo luận trong cơ quan lập pháp của EU và dự kiến kế hoạch này được thông qua vào cuối năm 2023, tuy nhiên dự thảo đang bị trì hoãn.

Tham khảo thêm tại tài liệu hướng dẫn:

1. Hội các Cơ sở chế thực phẩm cơ bản (PFP) và Liên đoàn thực phẩm đồ uống Châu Âu và Hội Thương mại Châu Âu – FoodDrinkEurope - EuroCommerce:
2. Hướng dẫn về Quy định của Ủy ban (EU) 2018/775 (Tháng 5 năm 2020)
3. Thực phẩm bổ sung Châu Âu: Hướng dẫn về nghĩa vụ ghi nhãn xuất xứ đối với
4. “Thành phần chính có nguồn gốc khác nhau” áp dụng đối với thực phẩm bổ sung (Tháng 12 năm 2020)

### ***1.11 Công bố chất dinh dưỡng***

Theo Quy định FIC 1169/2011, công bố chất dinh dưỡng là yêu cầu bắt buộc áp dụng từ ngày 13 tháng 12 năm 2016. Phụ lục V của Quy định FIC liệt kê các thực phẩm được miễn yêu cầu công bố chất dinh dưỡng bắt buộc. Công bố thông tin trên nhãn dinh dưỡng phải được thể hiện/mô tả nếu khoảng trống cho phép, định dạng bảng với các dãy số thẳng hàng và khi không đủ khoảng trống thì định dạng tuyến tính. Tất cả các thành phần chất dinh dưỡng bắt buộc phải thể hiện trong cùng một tầm nhìn trên nhãn hoặc bao bì thực phẩm.

Nội dung bắt buộc của công bố chất dinh dưỡng:

- Giá trị năng lượng: tính bằng kilojoules (kj) và kilocalories (kcal)

Theo thứ tự cụ thể: hàm lượng chất béo, chất bão hòa, carbohydrate, đường, protein và muối, được biểu thị bằng gam (g), miligam (mg) hoặc microgam (µg) trên 100 gam hoặc trên 100 mililit. Thông tin chất dinh dưỡng được ghi trên một đơn vị tỷ lệ, đơn vị tiêu thụ, ngoài việc công bố trên đơn vị cho phép là 100 gam hoặc mililit phải được ghi rõ trên bao bì. Hàm lượng muối được ghi dưới dạng “muối” chứ không

phải “natri” nhưng khi thích hợp, thông tin lượng muối do có chứa hàm lượng natri tự nhiên có thể gần với phần công bố dinh dưỡng.

Khi công bố tự nguyện chất dinh dưỡng, các yếu tố sau đây có thể được ghi trên nhãn phía trước:

- Giá trị năng lượng
- Giá trị năng lượng cùng với hàm lượng chất béo, chất bão hòa, đường và muối

Nội dung công bố bắt buộc chất dinh dưỡng sung được ghi trên nhãn hàm lượng một hoặc nhiều chất sau đây:

- Chất béo không bão hòa đơn;
- Chất béo không bão hòa đa;
- Chất tạo ngọt;
- Tinh bột;
- Chất xơ;
- Vitamin và khoáng chất được liệt kê trong phần A của phụ lục III quy định (EU) 1169/2011 (bao gồm phần trăm lượng tiêu thụ tham chiếu).

Các quy tắc chi tiết về việc thông tin dinh dưỡng được nêu trong Phụ lục XV của Quy định FIC. Ủy ban Châu Âu cũng đã xuất bản một tài liệu hướng dẫn và bảng tóm tắt đơn giản về dung sai các giá trị dinh dưỡng khi công bố khi ghi nhãn theo luật pháp của EU.

Phụ lục V của Quy định FIC thiết lập danh sách các sản phẩm được miễn yêu cầu công bố thông tin dinh dưỡng bắt buộc.

Hiệp hội Thực phẩm và Đồ uống châu Âu đã xây dựng và ra mắt trang web giải thích "lượng tiêu thụ tham khảo" cho các nhà kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng: <http://referenceintakes.eu/reference-templates.html>. Để biết thông tin chi tiết về bảng dinh dưỡng, xem tài liệu hướng dẫn tại mục “Yêu cầu chung” (Chương A).

Điều 35 của Quy định FIC cho phép các Quốc gia Thành viên khuyến nghị sử dụng các hình thức thông tin bổ sung khi công bố dinh dưỡng. Cho đến 2023, 8 quốc gia thành viên đã áp dụng các chương trình ghi nhãn dinh dưỡng bổ sung trên bao bì gồm Thụy Điển và Đan Mạch với hệ thống Keyhole, và Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha, Hà Lan, Luxembourg và Đức với Nutri-Score. Tuy nhiên, một số Quốc gia Thành viên khác Ý, Romania và Cộng hòa Séc không ủng hộ việc dán nhãn bắt buộc trước bao bì.

Ý đã đề xuất kế hoạch thay thế cho chương trình ghi nhãn dinh dưỡng mới và được Chính phủ Ý thông qua vào cuối năm 2020.

Trong khuôn khổ triển khai Chiến lược từ trang trại đến bàn ăn, Ủy ban Châu Âu có kế hoạch đề xuất việc sửa đổi Quy định FIC, ghi nhãn thông tin dinh dưỡng bắt buộc hài hòa trên bao bì. Kế hoạch sửa đổi này liên quan sử dụng các hình thức thể hiện và trình bày bổ sung trong công bố thông tin dinh dưỡng. Sửa đổi ghi nhãn trước bao bì góp phần giúp người tiêu dùng có khả năng có lựa chọn thực phẩm một cách hợp lý có lợi cho sức khỏe và việc thông tin ghi nhãn dinh dưỡng bắt buộc phù hợp ở cấp độ EU. Tuy nhiên cho đến nay, công bố đề xuất này đang bị chậm chưa ban hành.

### ***1.12 Không chứa gluten***

Các quy tắc ghi nhãn hài hòa về thành phần đối với thực phẩm dành cho người không dung nạp gluten trước đây đã được quy định trong Chỉ thị của EU về Thực phẩm Dinh dưỡng đặc biệt (Quy định 41/2009). EU đã ban hành Quy định 609/2013 về Thực phẩm Ăn kiêng, thực phẩm không chứa gluten được điều chỉnh theo Quy định FIC. Quy định Thực thi 828/2014 của Ủy ban Châu Âu, áp dụng từ ngày 20 tháng 7 năm 2016, đặt ra các điều kiện khi công bố “không chứa gluten” và “có hàm lượng gluten rất thấp” trên nhãn thực phẩm.

### ***1.13 Chất béo chuyển hóa***

Tháng 4/2019, EU ban hành Quy định 2019/649 sửa đổi Phụ lục III của Quy định 1925/2006 về chất béo chuyển hóa.

Quy định mới này đặt ra giới hạn tối đa là lượng chất béo chuyển hóa là 2 gam chất béo chuyển hóa trên 100 gam chất béo trong thực phẩm dành cho người tiêu dùng cuối cùng, trừ chất béo chuyển hóa tự nhiên có trong mỡ động vật.

### ***1.14 Sử dụng Nhãn dán***

Các quy tắc cụ thể về việc sử dụng tem/nhãn dán nhằm để cung cấp thông tin ghi nhãn bắt buộc không có trong Quy định FIC 1169/2011. Ủy ban Châu Âu xuất bản tài liệu Hỏi và Đáp về việc áp dụng Quy định 1169/2011, nội dung này được đề cập tại điểm 2.1.1, trong đó nêu rõ “nhãn không được dễ dàng bóc ra, cản trở, gây mơ hồ khả năng tiếp cận thông tin sản phẩm bắt buộc cung cấp cho người tiêu dùng.” Một số quốc gia Thành viên EU cho phép sử dụng nhãn dán trong khi các Quốc gia thành viên khác thì không áp dụng.

### **1.15 Mẫu sản phẩm**

Quy định FIC 1169/2011 không có điều khoản nào quy định về mẫu sản phẩm.

### **1.16 Danh sách các nội dung yêu cầu tuân thủ các quy tắc FIC mới**

Tháng 12 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đưa ra Hệ thống thông tin ghi nhãn thực phẩm- Food Labelling Information System (FLIS), cho phép người tiêu dùng lựa chọn thực phẩm và sau đó tự động truy xuất các thông tin ghi nhãn bắt buộc bằng 24 ngôn ngữ của EU. Hệ thống cũng cung cấp đường dẫn truy cập vào hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Tổng cộng có 87 loại thực phẩm khác nhau được đề cập.

Thông tin cụ thể truy cập FLIS tại đường link dưới đây:  
[https://ec.europa.eu/food/safety/labelling\\_nutrition/labelling\\_legislation\\_en/food\\_labelling\\_information\\_system/start/select-countries](https://ec.europa.eu/food/safety/labelling_nutrition/labelling_legislation_en/food_labelling_information_system/start/select-countries)

<b>TÊN THỰC PHẨM</b>
Ngôn ngữ / Yêu cầu cụ thể của Quốc gia thành viên
Cỡ phông chữ tối thiểu
Tên thực phẩm (phải bao gồm các biện pháp xử lý cụ thể như “đông lạnh”, “hun khói”, “tẩm bột”, tỷ lệ nước bổ sung vào các sản phẩm thịt và thủy sản)
Cảnh báo (Phụ lục III của Quy định FIC liệt kê các sản phẩm yêu cầu nhãn cảnh báo)
Hướng dẫn sử dụng (ký hiệu được phép BỔ SUNG ở phần đầu)

<b>GHI NHÃN DỊ ỨNG</b>
Các chất gây dị ứng được liệt kê trong Phụ lục II của Quy định FIC phải được chỉ rõ
Hộp thông tin về chất gây dị ứng không được phép khi danh sách thành phần được cung cấp
Mỗi chất gây dị ứng phải được đánh dấu (đậm, tạo nền màu) trong danh sách thành phần
"Nội dung + tên của chất gây dị ứng" khi chất gây dị ứng không nêu trong danh sách thành phần



<b>DANH SÁCH CÁC THÀNH PHẦN</b>
Tiêu đề phải ghi chữ “Thành phần” (không làm nổi bật)
Tất cả các thành phần phải được liệt kê theo thứ tự khối lượng giảm dần
“Nano” trong ngoặc để biểu thị có chứa vật liệu nano trong chế biến
Công bố Thành phần Định lượng (QUID) đối với các thành phần phải chú ý đặc biệt
Phải ghi rõ nguồn gốc đầu, mỡ thực vật
Protein bổ sung vào sản phẩm thịt phải được chỉ dẫn

<b>HẠN SỬ DỤNG/THỜI HẠN ĐỘ BỀN TỐI THIỂU</b>
Hướng dẫn được liệt kê trong Phụ lục X của Quy định FIC
Hạn sử dụng trên thực phẩm dễ hỏng/trên từng phần đóng gói sẵn/hướng dẫn bảo quản
Ghi chữ “Best before /Tốt nhất trước” / Best before end “Tốt nhất trước khi kết thúc” trên các thực phẩm khác
Độ bền VÀ ngày “cấp đông” trên sản phẩm đông lạnh
Tham chiếu ngày ghi trên nhãn

<b>NỒNG ĐỘ RƯỢU</b>
Hướng dẫn được liệt kê trong Phụ lục XII của Quy định FIC
Hàm lượng cồn thực tế tính theo thể tích của đồ uống có chứa hàm lượng cồn lớn hơn 1,2% phải được đề là "alcohol" hoặc viết tắt alc. X% vol.
Tên sản phẩm, thể tích tịnh và hàm lượng cồn phải được thể hiện trong cùng tầm nhìn

<b>NƯỚC XUẤT XỨ (COOL)</b>
COOL bắt buộc nếu không ghi rõ sẽ tạo ra hiểu lầm cho người tiêu dùng
COOL bắt buộc đối với thịt cừu, dê, gia cầm và lợn
COOL bắt buộc đối với các sản phẩm khác có thể áp dụng trong tương lai
COOL bắt buộc đối với thành phần chính nếu không sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng

<b>Công bố dinh dưỡng bắt buộc (áp dụng kể từ ngày 13 tháng 12 năm 2016)</b>
Hướng dẫn được liệt kê trong Phụ lục XV của Quy định FIC
Định dạng bảng (định dạng tuyến tính trong đó kích thước không cho phép định dạng bảng)
Thể hiện trên 100g/ml
Năng lượng tính bằng KJ và kcal
Theo thứ tự cụ thể, số lượng:
Chất béo
Chất béo bão hòa
Carbohydrate
Đường
Đạm
Muối (không phải natri)

<b>Công bố dinh dưỡng tự nguyện (có thể bổ sung cho Công bố dinh dưỡng bắt buộc)</b>
Chất béo bão hòa đơn Chất béo không bão hòa đơn; Chất béo không bão hòa đa
Chất béo không bão hòa đa
Polyol
Tinh bột
Chất xơ
Vitamin và khoáng chất được liệt kê trong Phụ lục XIII của Quy định FIC
Giá trị năng lượng hoặc Giá trị năng lượng cùng với Chất béo, Chất bão hòa, Đường, Muối có thể được lặp lại
Lượng tham chiếu (RI) đặt ra trong phụ lục XIII cho mỗi tỷ lệ hoặc mỗi đơn vị tiêu thụ (phải bao gồm giá trị năng lượng tính trên mỗi 100g/ml và mỗi đơn vị tiêu thụ)

## 2. Các yêu cầu ghi nhãn cụ thể khác

Quy định 1169/2011 về “Thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng” của EU đặt ra các quy tắc theo chiều ngang áp dụng cho tất cả các sản phẩm. Có quy định theo ngành hoặc “theo chiều dọc” đối với một số sản phẩm. Các yêu cầu ghi nhãn được quy định rõ và quy tắc ghi nhãn theo chiều ngang trong Quy định 1169/2011. Ví dụ, quy định về rượu vang của EU không gồm các quy định về ghi nhãn chất gây dị ứng. Điều này có nghĩa là nhãn rượu vang phải tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong Quy định về rượu vang 607/2009 cũng như yêu cầu ghi nhãn chất gây dị ứng được quy định trong Quy định FIC 1169/2011.

### 2.1 Công bố dinh dưỡng

Phụ lục trong quy định (EC) [1924/2006](#) về tuyên bố dinh dưỡng và sức khỏe cho thực phẩm liệt kê một loạt các công bố dinh dưỡng được phép của EU kèm theo điều kiện sử dụng. Không được phép sử dụng các công bố về dinh dưỡng không có trong phụ lục.

Các công bố về dinh dưỡng sau đây được EU phê duyệt, tuân theo các tiêu chí đặt ra trong Quy định:

- Năng lượng thấp
- Giảm năng lượng
- Không năng lượng
- Ít béo - Không béo
- Chất ít béo bão hòa
- Chất không béo bão hòa
- Ít đường
- Không đường
- Không thêm đường
- Ít natri/muối
- Natri/muối rất thấp
- Không chứa natri hoặc không chứa muối
- Không thêm natri/muối
- Nguồn chất xơ
- Nhiều chất xơ
- Nguồn protein
- Hàm lượng đạm cao
- Nguồn gốc [tên vitamin/s] và/hoặc [tên khoáng chất]

- Cao [tên vitamin/s] và/hoặc [tên khoáng chất]
- Chứa [tên chất dinh dưỡng hoặc chất khác]
- Tăng [tên chất dinh dưỡng]
- Giảm [tên chất dinh dưỡng]
- Hàm lượng Nhẹ/nhẹ
- Tự nhiên/tự nhiên
- Nguồn axit béo omega-3
- Axit béo omega-3 cao
- Chất béo không bão hòa đơn cao
- Chất béo không bão hòa đa cao
- Chất béo không bão hòa cao

## **2.2 Yêu cầu về sức khỏe**

Quy định 1924/2006 về Công bố Dinh dưỡng và Sức khỏe đưa ra các quy tắc về việc sử dụng các công bố về sức khỏe. Quy định 432/2012 thiết lập danh sách của EU về các công bố về dinh dưỡng liên quan đến sức khỏe và điều kiện sử dụng kèm theo. Bất kỳ nhà sản xuất nào cũng có thể sử dụng các công bố về sức khỏe được phép miễn là đáp ứng được các điều kiện nêu trong Quy định 432/2012. “Đăng ký trực tuyến công bố về dinh dưỡng và sức khỏe” của EU liệt kê danh sách các công bố về sức khỏe được cấp phép cũng như các công bố bị từ chối và lý do bị từ chối. Tất cả hồ sơ công bố không được phép, đang trong thời gian xem xét đều bị cấm sử dụng. Các sản phẩm thực phẩm có công bố về sức khỏe cũng phải tuân thủ các quy tắc trong Quy định 1169/2011 của EU về “Thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng (FIC)”.

Quyết định Thực thi số 2013/63 của Ủy ban đưa ra hướng dẫn cho các cơ quan kiểm soát quốc gia thực hiện các điều kiện cụ thể đối với các yêu cầu về sức khỏe được phép.

Việc cấp phép cho các công bố về sức khỏe liên quan đến các hoạt chất từ chất thực vật đã bị tạm dừng do có khả năng xảy ra xung đột với Chỉ thị về Sản phẩm Thuốc thảo dược Truyền thống của EU.

Danh sách các yêu cầu công bố về sức khỏe chức năng được phép khác với các đơn đăng ký riêng lẻ liên quan đến giảm nguy cơ bệnh tật và các công bố liên quan đến sức khỏe và sự phát triển của trẻ em cần xem xét cho phép theo từng trường hợp cụ thể, sau khi nộp hồ sơ khoa học lên Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu EFSA. Một

thủ tục cấp phép đơn giản hóa được thiết lập cho các công bố về sức khỏe dựa trên dữ liệu khoa học mới.

Quy định 353/2008 đặt ra các quy tắc thực hiện đối với đơn xin cấp phép các công bố về sức khỏe như quy định tại Điều 15 của Quy định 1924/2006.

Quy định 907/2013 của Ủy ban Châu Âu thiết lập các quy tắc cho việc sử dụng “các mô tả chung” mà người tiêu dùng có thể hiểu là các công bố về sức khỏe. Việc mô tả chung chung như “bánh quy tiêu hóa” và “thuốc ho” thường bị cấm theo Quy định 1924/2006 vì chúng gây chú ý tác dụng có lợi cho sức khỏe, nhưng chưa được Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) đánh giá một cách khoa học.

Các nhãn hiệu và thương hiệu gây chú ý lợi ích sức khỏe và/hoặc dinh dưỡng nhưng không tuân theo các quy định mới sẽ không được phép lưu thông trên thị trường EU kể từ ngày 19 tháng 1 năm 2022.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, Ủy ban Châu Âu thông báo sẽ thiết lập hồ sơ dinh dưỡng để hạn chế khuyến khích thực phẩm có sử dụng nhiều muối, đường và/hoặc chất béo theo yêu cầu của Quy định 1924/2006. Việc công bố đề xuất đã bị trì hoãn và chưa đưa ra thời hạn cụ thể. Hiện tại, việc thực hiện Quy định 1924/2006 về công bố dinh dưỡng và sức khỏe đối với thực phẩm vẫn chưa hoàn chỉnh do Ủy ban chưa thiết lập các hồ sơ dinh dưỡng phải được thiết lập trước tháng 1 năm 2009. Trong bối cảnh đó, hồ sơ dinh dưỡng đặt ra ngưỡng của các chất dinh dưỡng như chất béo, đường và muối mà trên đó các yêu cầu về dinh dưỡng và sức khỏe bị hạn chế hoặc bị cấm. Đề xuất này được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá REFIT của luật pháp EU về các yêu cầu về dinh dưỡng và sức khỏe được đưa ra từ năm 2015.

### ***2.3 Ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen***

Quy định ghi nhãn đối với các sản phẩm thực phẩm biến đổi gen (GM) được quy định chi tiết tại Quy định số 1829/2003 (Điều 12-13). Những quy tắc này áp dụng cho các sản phẩm đã trải qua các mức độ xử lý khác nhau. Quy định không yêu cầu ghi nhãn đối với các sản phẩm thực phẩm không phải là thành phần thực phẩm, chẳng hạn như chất hỗ trợ chế biến. Thịt, sữa hoặc trứng từ động vật được nuôi bằng thức ăn biến đổi gen hoặc được điều trị bằng các sản phẩm thuốc biến đổi gen không yêu cầu ghi nhãn GM. Các quy tắc truy xuất nguồn gốc yêu cầu tất cả các nhà hoạt động kinh doanh phải truyền tải và lưu giữ thông tin về các sản phẩm GM để xác định cả nhà cung cấp và người mua sản phẩm GM.

Mỗi loại sinh vật biến đổi gen (GMO) riêng lẻ phải được phê duyệt trước khi sử dụng làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Chi tiết tham khảo sổ đăng ký GMO được EU phê duyệt EU trên trang web của Ủy ban Châu Âu tại: [https://webgate.ec.europa.eu/dyna/gm\\_register/index\\_en.cfm](https://webgate.ec.europa.eu/dyna/gm_register/index_en.cfm)

Tất cả các sản phẩm thực phẩm có chứa hoặc bao gồm GMO, được sản xuất từ GMO hoặc chứa các thành phần được sản xuất từ GMO phải được dán nhãn ngay cả khi chúng không còn dấu vết GMO có thể phát hiện được. Yêu cầu ghi nhãn không áp dụng cho thực phẩm có chứa GMO với tỷ lệ bằng hoặc ít hơn 0,9% thành phần thực phẩm riêng lẻ, miễn là sự hiện diện của chúng là ngẫu nhiên hoặc bị nhiễm chéo không thể tránh khỏi về mặt kỹ thuật. Trên ngưỡng này, tất cả các sản phẩm phải được dán nhãn bằng cách thể hiện sau:

- Trường hợp thực phẩm có nhiều hơn một thành phần thì cụm từ “biến đổi gen” hoặc “được sản xuất từ [tên thành phần] biến đổi gen” phải đặt ngay sau thành phần liên quan trong ngoặc đơn. Thành phần hỗn hợp có thành phần biến đổi gen phải được dán nhãn “chứa [tên thành phần] được sản xuất từ [tên sinh vật] biến đổi gen”.

Ví dụ: bánh quy chứa bột đậu nành có nguồn gốc từ đậu nành biến đổi gen phải được dán nhãn “chứa bột đậu nành từ đậu nành biến đổi gen”.

- Trường hợp thành phần được chỉ định theo tên chủng loại (ví dụ: dầu thực vật) thì phải ghi “chứa [tên sinh vật] biến đổi gen” hoặc “chứa [tên thành phần] được sản xuất từ [tên sinh vật] biến đổi gen” được sử dụng.

Ví dụ: đối với dầu thực vật chứa dầu hạt cải được sản xuất từ hạt cải biến đổi gen, dòng chữ “chứa dầu hạt cải từ hạt cải biến đổi gen” phải xuất hiện trong danh sách thành phần.

Các ký hiệu có thể xuất hiện ở chú thích cuối trang của danh mục thành phần, miễn là chúng được in bằng phông chữ ít nhất có cùng kích thước với phông chữ của danh sách thành phần hoặc nếu không có danh sách thành phần thì ghi rõ ràng trên nhãn.

Trường hợp không có danh mục thành phần thì phải ghi rõ dòng chữ “biến đổi gen” hoặc “sản xuất từ [tên thành phần] biến đổi gen”.

Ví dụ: “rượu có chứa caramen được sản xuất từ ngô biến đổi gen.” hoặc có chứa: “ngô ngọt từ ngô biến đổi gen”.

Thông tin chi tiết tham khảo trên trang web của Ủy ban Châu Âu: [https://ec.europa.eu/food/plant/gmo/traceability\\_labelling\\_en](https://ec.europa.eu/food/plant/gmo/traceability_labelling_en)

**Không biến đổi gen (Non-GMO):** Hệ thống luật pháp hài hòa EU không có quy định ghi nhãn về “không biến đổi gen”, “không có biến đổi gen” (non-GM hoặc GM-free) hoặc các điều khoản ghi nhãn tương tự. Các quy định của quốc gia thành viên và chương trình ghi nhãn tương tự ở các quốc gia thành viên không có quy định ghi nhãn “GM free”.

Tháng 7 năm 2023, Ủy ban Châu Âu đã đưa ra đề xuất về Quy định mới đối với thực vật sản xuất từ Kỹ thuật gen mới (NGT). Ủy ban Châu Âu đề xuất hai loại thực vật NGT: Loại 1 – cây trồng NGT cũng có thể xuất hiện tự nhiên hoặc được tạo ra bằng kỹ thuật nhân giống thông thường và Loại 2 – cây trồng NGT không thể xuất hiện tự nhiên hoặc được tạo ra bằng kỹ thuật nhân giống thông thường. Cây trồng và sản phẩm loại 1 sẽ được dán nhãn giống như thực vật và sản phẩm thông thường. Các sản phẩm có chứa thực phẩm thuộc Loại 2 sẽ tuân theo các yêu cầu tương tự như thực phẩm có chứa GMO. Đề xuất này hiện đang trong quá trình cơ quan lập pháp của EU xem xét phê duyệt và có thể thay đổi.

## ***2.4 Ghi nhãn thực phẩm hữu cơ***

Quy định mới về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn sản phẩm hữu cơ đã được thông qua vào năm 2018 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2022 (Quy định (EU) 2018/848). Theo dự kiến Quy định có hiệu lực dự kiến năm 2021, do do cuộc khủng hoảng COVID-19 nên hiệu lực áp dụng bị lùi lại và giúp các sở sản xuất kinh doanh có thêm thời gian chuẩn bị cho các quy định mới.



Thuật ngữ “hữu cơ” và tất cả các dẫn xuất hoặc từ viết tắt của nó như “sinh học” và “sinh thái” chỉ có thể được sử dụng để dán nhãn các sản phẩm tuân thủ các quy tắc sản xuất hữu cơ của EU và nếu ít nhất 95% thành phần có nguồn gốc nông nghiệp là hữu cơ. Đối với các sản phẩm chứa ít hơn 95% thành phần hữu cơ, thuật ngữ “hữu cơ” chỉ có thể được sử dụng để chỉ các thành phần hữu cơ riêng lẻ trong danh sách thành phần. Khi tham chiếu đến phương pháp sản xuất hữu cơ trong danh sách thành phần, phải nêu rõ tổng tỷ lệ thành phần hữu cơ. Các sản phẩm có chứa GMO hoặc được sản xuất bằng GMO không được dán nhãn là hữu cơ.

Việc sử dụng logo hữu cơ EU là bắt buộc đối với tất cả các sản phẩm hữu cơ đóng gói sẵn được sản xuất tại EU. Các sản phẩm hữu cơ được nhập khẩu từ các nước

ngoài EU có thể mang logo hữu cơ của EU nếu các sản phẩm đó tuân thủ các quy trình sản xuất của EU. Khi logo hữu cơ EU xuất hiện trên nhãn thì bắt buộc phải có thông tin về nơi nuôi trồng. Chỉ dẫn này có thể được phân loại là 'Nông nghiệp ngoài EU' 'non-EU Agriculture, trong đó nguyên liệu nông nghiệp thô được nuôi trồng bên ngoài EU. Tuy nhiên, cụm từ 'không thuộc EU -non-EU' có thể được thay thế hoặc được bổ sung bằng tên một quốc gia hoặc tên quốc gia nếu tất cả nguyên liệu nông nghiệp thô tạo nên sản phẩm đều được nuôi trồng ở quốc gia đó.

EU cũng đang dự thảo quy định cho phép sử dụng linh hoạt logo Bio EU trên trắng đen (ngôi sao trắng trên nền đen).

**Rượu vang hữu cơ:** Quy định 2018/848 đặt ra các quy tắc sản xuất và dán nhãn rượu vang hữu cơ. Chỉ những loại rượu vang được sản xuất theo quy định này mới đủ tiêu chuẩn là "rượu vang hữu cơ" và mới được mang logo hữu cơ của EU. Việc dán nhãn rượu vang là "làm từ nho hữu cơ" không còn được phép ở EU, điều đó có nghĩa là rượu vang của Hoa Kỳ được dán nhãn như vậy không thể được nhập khẩu vào EU. Axit sorbic và khử lưu huỳnh không được phép. Quy định (EU) 2021/1165 đưa ra quy định hàm lượng sulfite tối đa không vượt quá 100 miligam/lít đối với rượu vang đỏ, dư lượng đường dưới 2 gam/lít đối với vang đỏ, hồng; và 150 miligam/lít đối với rượu vang trắng. Đối với tất cả các loại rượu vang khác, hàm lượng sulphites dioxide tối đa sẽ giảm xuống mức 30 miligam/lít.

Chi tiết tham khảo tại trang web của Ủy ban Châu Âu tại: [http://ec.europa.eu/agriculture/organic/index\\_en](http://ec.europa.eu/agriculture/organic/index_en).

## ***2.5 Rượu, rượu mạnh, bia và đồ uống có cồn khác***

Các yêu cầu chung

- Việc ghi nhãn chất gây dị ứng là bắt buộc đối với tất cả đồ uống có cồn (xem "Ghi nhãn chất gây dị ứng").
- Số lượng danh nghĩa bắt buộc đối với rượu vang và rượu mạnh được quy định trong Phụ lục của Chỉ thị 2007/45/EC.
- Đối với đồ uống có hàm lượng cồn trên 1,2% theo thể tích (không bao gồm rượu vang), nồng độ cồn thực tế theo thể tích phải được ghi rõ theo Phụ lục XII của quy định FIC 1169/2011. Nồng độ cồn phải được biểu thị bằng chữ số, kèm theo



tối đa một chữ số thập phân ký hiệu “% thể tích”. Nồng độ cồn phải được thể hiện trong cùng tầm nhìn với tên sản phẩm và số lượng tịnh.

- Đồ uống có cồn có hàm lượng cồn trên 1,2% được miễn nghĩa vụ khai báo dinh dưỡng và danh mục thành phần. Ngày 8 tháng 12 năm 2023, công bố dinh dưỡng và danh sách thành phần trở thành bắt buộc trong ghi nhãn đối với rượu vang.

Năm 2017, Ủy ban Châu Âu công bố báo cáo về việc ghi nhãn đồ uống có cồn, dành 1 năm để ngành công nghiệp đồ uống có cồn của chuẩn bị và đưa ra đề xuất tự điều chỉnh đối với tất cả các loại đồ uống (bia, rượu vang và rượu mạnh). Tháng 3 năm 2018, ngành công nghiệp đồ uống có cồn EU đã đưa đề xuất tự điều chỉnh chung nêu rõ các nguyên tắc chung của kế hoạch ghi nhãn. Trong đó nguyên tắc chung này đi kèm với bốn kế hoạch triển khai cụ thể theo ngành đối với rượu vang, đồ uống có cồn, bia, rượu táo và rượu trái cây.

### *2.5.1 Rượu mạnh*

Quy định 2019/787 có hiệu lực từ tháng 5 năm 2021. Quy định này đưa ra các quy tắc chung về định nghĩa, mô tả, trình bày và dán nhãn rượu mạnh cũng như về việc bảo vệ chỉ dẫn địa lý của rượu mạnh. Quy định cũng thiết lập các quy tắc về việc sử dụng tên hợp pháp của rượu mạnh trong cách trình bày và ghi nhãn thực phẩm không phải đồ uống có cồn và các quy định về việc sử dụng các thuật ngữ phức hợp để mô tả đồ uống có cồn.

Tháng 2 năm 2022, Ủy ban Châu Âu đã công bố Hướng dẫn thực hiện một số điều khoản ghi nhãn nhất định tại Quy định (EU) 2019/787. Hướng dẫn này giới hạn hướng vào giải thích các điều khoản ghi nhãn áp dụng cho đồ uống có cồn, đặc biệt liên quan đến việc sử dụng tên pháp lý, thuật ngữ phức hợp, ngụ ý, hỗn hợp và phối chế.

Cơ sở dữ liệu chung eAmbrosia liệt kê các chỉ dẫn địa lý của đồ uống có cồn được đăng ký tại Liên minh Châu Âu. Tháng 2 năm 2019, “Tequila” đã được phê duyệt là chỉ dẫn địa lý tại EU (Quy định thực hiện 2019/335).

Quy định 936/2009 của Ủy ban Châu Âu áp dụng đối với các Hiệp định giữa EU và các nước thứ ba về việc công nhận lẫn nhau đối với một số loại đồ uống có cồn. Theo quy định này, “Tennessee Whisky” và “Bourbon Whisky” là các tên gọi sản phẩm được bảo vệ.

Ngành rượu mạnh của EU cam kết tự nguyện đưa thông tin năng lượng lên nhãn các thông tin đầy đủ thành phần và dinh dưỡng công bố rộng rãi trực tuyến. Nội dung công bố các thành phần tuân theo các quy tắc trong Quy định FIC:

- Không phải công bố chất hỗ trợ chế biến (nếu sử dụng)
- Thông tin về lượng calo được cung cấp trên 100ml và trên mỗi đơn vị tiêu thụ, với điều kiện là đơn vị được sử dụng và số lượng đơn vị chứa trong bao bì được nêu rõ. Đơn vị tiêu thụ được mặc định là 30ml.

### 2.5.1 Bia

EU không xây dựng luật pháp hài hòa cụ thể nào đối với bia. Một số Quốc gia Thành viên đã thông qua các quy định riêng của quốc gia để đưa ra danh sách các thành phần bắt buộc. Tất cả đồ uống có cồn phải tuân thủ các yêu cầu ghi nhãn về chất gây dị ứng.

Ngày 5 tháng 9 năm 2019, ngành bia Châu Âu đã ký Biên bản ghi nhớ và cam kết tự nguyện thông báo cho người tiêu dùng về công bố thành phần và dinh dưỡng. Phù hợp với các quy định của Quy định FIC:

- Các thành phần phải được liệt kê theo thứ tự khối lượng giảm dần được ghi lại tại thời điểm sử dụng trong sản xuất đồ uống
- Phải cung cấp thông tin dinh dưỡng trên 100 ml
- Bia có nồng độ cồn trên 1,2% theo thể tích chỉ liệt kê các giá trị năng lượng hoặc liệt kê đầy đủ bảy giá trị dinh dưỡng

Chi tiết tham khảo thêm thông tin trên trang web của Brewers of Europe:  
<https://beerwisdom.eu>

### 2.5.1 Rượu vang

Quy định 1308/2013 của Ủy ban Châu Âu đưa ra các quy định khung đối với rượu vang. Các Quy định 2019/33, Quy định 2019/34, Quy định 2021/1235 và Quy định 2021/1236 thiết lập quy tắc chi tiết về tên gọi được bảo hộ về xuất xứ và chỉ dẫn địa lý, thuật ngữ truyền thống và ghi nhãn. Chương III của Quy định 2019/33 và 2019/34 đặt ra các quy tắc về việc sử dụng các thuật ngữ truyền thống. Cơ sở dữ liệu

mới của EU về rượu vang và rượu mạnh “eAmbrosia” liệt kê các thuật ngữ truyền thống được bảo vệ ở EU.

Các quốc gia ngoài EU cần phải được Ủy ban Châu Âu cho phép sử dụng các thuật ngữ truyền thống được EU bảo vệ.

Năm 2021, Liên minh Châu Âu đã thông qua Quy định 2021/2117 đưa ra công bố dinh dưỡng bắt buộc và danh sách các thành phần bắt buộc đối với rượu vang, rượu vang thơm cũng như rượu vang đã khử cồn và đã giảm nồng độ cồn. Quy định này cho phép nhà sản xuất lựa chọn công bố dinh dưỡng trên bao bì hoặc trên nhãn giới hạn giá trị năng lượng, có thể được biểu thị bằng cách sử dụng ký hiệu “E” cho năng lượng. Trong những trường hợp như vậy, công bố dinh dưỡng đầy đủ sẽ được thực hiện bằng phương tiện điện tử được tích hợp trên bao bì hoặc trên nhãn đính kèm (ví dụ: thông qua mã QR). Quy định cũng nêu rõ rằng công bố dinh dưỡng sẽ không được hiển thị cùng với các thông tin khác nhằm mục đích bán hàng hoặc tiếp thị và không được thu thập hoặc theo dõi dữ liệu thông tin người tiêu dùng. Tuy nhiên, khi các nhà sản xuất không công bố dinh dưỡng đầy đủ trên bao bì hoặc trên nhãn đính kèm sẽ không ảnh hưởng đến yêu cầu hiện tại, trên nhãn liệt kê các chất gây dị ứng hoặc không dung nạp. Những quy định mới về công bố dinh dưỡng bắt buộc và danh sách thành phần hiệu lực từ ngày 8 tháng 12 năm 2023.

## ***2.6 Thực phẩm chuyên dụng đặc biệt***

Quy định (EU) 609/2013 của EU thiết lập các quy tắc “thực phẩm dành cho các nhóm cụ thể”. Phạm vi được giới hạn đối với sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh, sữa công thức cho các giai đoạn phát triển tiếp theo trẻ nhỏ, thực phẩm ngũ cốc chế biến và thức ăn trẻ em, thực phẩm dành cho mục đích y tế đặc biệt và chế độ ăn thay thế hoàn toàn để kiểm soát cân nặng. Hình ảnh trẻ sơ sinh không được phép in trên bao bì sữa công thức và không có nội dung hoặc hình ảnh nào gây chú ý, liên tưởng hóa việc sử dụng sản phẩm.

- Quy định 2016/127 đưa ra các yêu cầu về thành phần và thông tin cụ thể đối với sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức cho các giai đoạn phát triển tiếp theo cũng như các yêu cầu về thông tin liên quan đến việc nuôi dưỡng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.
- Quy định 2016/128 đưa ra các yêu cầu về thành phần và thông tin cụ thể đối với thực phẩm dành cho các mục đích y tế đặc biệt.

- Quy định 2017/1798 đưa ra các yêu cầu về thành phần và thông tin cụ thể đối với việc thay thế toàn bộ chế độ ăn uống để kiểm soát cân nặng. Quy định cũng đặt ra các yêu cầu cụ thể về thành phần và ghi nhãn cũng như thủ tục thông báo, theo đó các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm phải gửi bản sao nhãn sản phẩm đến cơ quan có thẩm quyền của mỗi Quốc gia Thành viên nơi sản phẩm sẽ được bán trên thị trường.

Thực phẩm không thuộc phạm vi của Quy định 609/2013, chẳng hạn như thực phẩm thay thế bữa ăn và thanh ngũ cốc ít calo, được coi là thực phẩm “bình thường” và phải tuân thủ các quy tắc ghi nhãn thực phẩm theo chiều ngang của EU. Chi tiết tham khảo thông tin, hãy xem Phần VI-E “Thực phẩm ăn kiêng”.

Theo quy định, các yêu cầu ghi nhãn quy định trong Quy định FIC cũng áp dụng cho danh mục thực phẩm được quy định theo quy định 609/2013. Tuy nhiên, do tính chất cụ thể của các sản phẩm được điều chỉnh, quy định 609/2013 đưa ra các yêu cầu ghi nhãn bổ sung và kiểm soát các lỗi vi phạm so với Quy định FIC. Để biết thông tin chi tiết về các quy định mới về thực phẩm ăn kiêng, tham khảo trang web của Ủy ban tại [http://ec.europa.eu/food/safety/labelling\\_nutrition/special\\_groups\\_food\\_en](http://ec.europa.eu/food/safety/labelling_nutrition/special_groups_food_en).

Thực phẩm dành cho người chơi thể thao không thuộc phạm vi của Quy định 609/2013. Theo báo cáo của Ủy ban về thực phẩm và đồ uống dán nhãn thực phẩm dành riêng cho người chơi thể thao nằm trong các quy định hài hòa cụ thể của EU. Lý do các quy định thực phẩm hiện hành của EU đã bao phủ pháp lý đầy đủ đối với loại sản phẩm. Trước khi thông qua Quy định 609/2013, một số Quốc gia Thành viên đã yêu cầu thông báo thực phẩm thể thao tương giống như thực phẩm sử dụng đặc biệt. Các DN xuất khẩu nên kiểm tra với nhà nhập khẩu xem có cần thiết phải thông báo lại hay không. Việc sử dụng chất tạo ngọt nhân tạo không còn được phép sử dụng trong các sản phẩm bánh dành cho người ăn kiêng.

## **2.7 Ghi nhãn thịt**

### **2.7.1 Thịt bò**

Quy định 1760/2000 đặt ra các quy tắc về ghi nhãn thịt bò bắt buộc và tự nguyện. Các quy tắc chi tiết để triển khai Quy định 1760/2000 được nêu trong Quy định 1825/2000. Theo chương trình ghi nhãn thịt bò bắt buộc, nhãn cho tất cả thịt bò phải nêu rõ các thông tin sau:

- “Sinh tại: tên nước thứ ba”
- “Được nuôi tại: tên nước thứ ba hoặc nước thứ ba”
- Đối với thịt bò có nguồn gốc từ động vật được sinh ra, nuôi lớn và giết mổ tại cùng một nước thứ ba thì các chỉ dẫn trên có thể kết hợp thành “Xuất xứ: tên nước thứ ba”
- Số tham chiếu đảm bảo mối liên hệ giữa thịt và động vật hoặc các động vật
- “Giết mổ tại: nước thứ ba/mã số được chấp thuận của cơ sở giết mổ”
- “Xẻ thịt: nước thứ ba/mã số được chấp thuận của nhà máy pha/xẻ thịt”
- Mã truy xuất nguồn gốc liên kết thịt với động vật hoặc một nhóm động vật đại diện cho sản lượng tối đa trong một ngày

Quy định 653/2014, sửa đổi Quy định 1760/2000, đã đưa ra thay đổi các quy định về ghi nhãn tự nguyện. Việc ghi nhãn thịt bò tự nguyện phải tuân thủ các quy tắc được nêu trong Quy định 1169/2011. Các định nghĩa và yêu cầu áp dụng cho các thuật ngữ hoặc danh mục thuật ngữ có thể được ghi trên nhãn của thịt bò và thịt bê tươi và đông lạnh đóng gói sẵn đã được thông qua.

### 2.7.3 Thịt bê

Phụ lục VII của Quy định 1308/2013 phân loại bê dưới 12 tháng tuổi thành hai loại: 1) “loại V” - đối với bê từ 8 tháng tuổi trở xuống và 2) “loại Z” - đối với bê trên 8 tháng tuổi nhưng nhỏ hơn hơn 12 tháng. Đối với cả hai loại, Phụ lục VII liệt kê các mô tả bán hàng bằng các ngôn ngữ khác nhau của Quốc gia Thành viên và các yêu cầu ghi nhãn bắt buộc.

### 2.7.3 Thịt lợn, cừu, dê và gia cầm

Quy định 1337/2013 của Ủy ban đưa ra các quy định mới về chỉ dẫn quốc gia hoặc nơi xuất xứ đối với thịt tươi, ướp lạnh và đông lạnh của lợn, cừu, dê và gia cầm. Các yêu cầu ghi nhãn mới sau đây đã được áp dụng:

**a) Thông tin chỉ dẫn “Được nuôi tại: tên nước thành viên nước thứ ba” theo tiêu chí sau:**

***(i) Đối với lợn:***

- Trường hợp động vật bị giết mổ đã hơn 6 tháng tuổi, Quốc gia Thành viên hoặc quốc gia thứ ba là nơi động vật được nuôi ít nhất 4 tháng cuối cùng
- Trường hợp động vật bị giết mổ dưới 6 tháng tuổi và có trọng lượng hơi ít nhất 80 kg thì Quốc gia Thành viên hoặc quốc gia thứ ba nơi động vật được nuôi trong giai đoạn sau khi đạt 30 kg
- Trường hợp động vật bị giết mổ dưới 6 tháng tuổi và có trọng lượng hơi dưới 80 kg, ghi tên Quốc gia Thành viên hoặc quốc gia thứ ba nơi toàn bộ quá trình chăn nuôi diễn ra

***(ii) Đối với cừu và dê:***

Ghi tên Quốc gia Thành viên hoặc quốc gia thứ ba có thời gian nuôi ít nhất 6 tháng cuối cùng hoặc trong trường hợp động vật bị giết mổ dưới 6 tháng tuổi, Quốc gia Thành viên hoặc quốc gia thứ ba trong toàn bộ thời gian nuôi.

***(iii) Đối với gia cầm:***

Ghi tên Quốc gia Thành viên hoặc quốc gia thứ ba có thời gian nuôi cuối cùng ít nhất một tháng hoặc, trong trường hợp động vật bị giết mổ dưới một tháng, Quốc gia Thành viên hoặc quốc gia thứ ba có thời gian nuôi sau khi động vật được đưa vào đẻ vỗ béo.

Trong trường hợp không đạt được bất kỳ giai đoạn chăn nuôi nào theo các tiêu chí trên ở bất kỳ Quốc gia Thành viên hoặc nước thứ ba nào, ghi địa điểm nuôi động vật ghi rõ là “Được nuôi tại: một số Quốc gia Thành viên của EU” hoặc “Được nuôi tại: một số quốc gia ngoài EU”. ” hoặc “Được nuôi ở một số nước EU và ngoài EU.” Ngoài ra, địa điểm chăn nuôi cũng có thể được ghi là “Được nuôi tại: danh sách các Quốc gia Thành viên hoặc các quốc gia thứ ba nơi động vật được chăn nuôi”.

Trường hợp ghi Chỉ dẫn “Xuất xứ: tên của Quốc gia Thành viên hoặc nước thứ ba” được sử dụng trong trường hợp thịt từ động vật được sinh ra, nuôi và giết mổ tại một Quốc gia Thành viên hoặc nước thứ ba.

## **b) Chỉ dẫn “Giết mổ tại: tên Quốc gia Thành viên hoặc nước thứ ba.”**

Nhằm để phân biệt thịt nhập khẩu từ nước thứ ba, trong trường hợp không có thông tin về thời gian nuôi, thịt phải được dán nhãn là “Được nuôi ở: ngoài EU” và “Giết mổ ở: tên của nước thứ ba nơi động vật đã bị giết mổ.”

Năm 2021, Ủy ban Châu Âu đã công bố báo cáo về các quy định về thông tin thực phẩm tới người tiêu dùng liên quan đến việc ghi nhãn xuất xứ bắt buộc đối với thịt lợn, cừu, dê và gia cầm. Báo cáo đánh giá chỉ ra mục tiêu của Quy định phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn mặc dù trong bối cảnh hiện tại có nhiều thay đổi, đặc biệt là nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng về thông tin sâu rộng hơn trên nhãn thực phẩm.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đưa ra thông báo một trong những mục tiêu của Chiến lược từ trang trại đến bàn ăn là cải thiện phúc lợi động vật, cải thiện sức khỏe động vật và giảm sử dụng thuốc trong chăn nuôi. Ủy ban xem xét “cách lựa chọn dán nhãn phúc lợi động vật để truyền tải giá trị tốt hơn thông qua chuỗi thực phẩm”.

## **c) Thịt xay:**

Theo Quy định 1169/2011, chỉ có thể sử dụng tên gọi thịt xay, chẳng hạn như “thịt nạc xay” khi thịt xay tuân thủ các giới hạn tối đa về hàm lượng chất béo và tỷ lệ thịt/collagen. Các yêu cầu thể hiện trên nhãn:

- ‘tỷ lệ hàm lượng chất béo dưới ...’,
- ‘tỷ lệ collagen/protein thịt dưới ...’,

Chi tiết tham khảo tại Phụ lục VI, Phần B của Quy định.

Ghi chú: các Quốc gia Thành viên EU có thể cho phép thịt xay không tuân thủ các tiêu chí được đưa vào thị trường quốc gia của các nước.

## **2.8 Đánh dấu nhận dạng và sức khỏe**

Phụ lục II của Quy định 853/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu đặt ra các quy tắc áp dụng nhãn hiệu nhận dạng các sản phẩm có nguồn gốc động vật. Chỉ

được phép thể hiện dưới dạng tuyên tính các thông tin cần thiết đối với hàng nhập khẩu từ các cơ sở ở nước thứ ba được EU phê duyệt

## **2.9 Dán nhãn thủy sản**

Quy định 1379/2013 đặt ra các quy tắc ghi nhãn đối với các sản phẩm thủy sản và nuôi trồng thủy sản được liệt kê trong Phụ lục I của quy định. Thông tin ghi nhãn bắt buộc bao gồm:

- Tên thương mại và tên khoa học của sản phẩm
- Phương pháp sản xuất
- Vùng sản phẩm được đánh bắt hoặc nuôi trồng
- Sản phẩm đã được rã đông chưa
- Hạn sử dụng

Để biết thêm thông tin tham khảo trang web của Ủy ban Châu Âu [https://ec.europa.eu/fisheries/cfp/market/consumer-information\\_en](https://ec.europa.eu/fisheries/cfp/market/consumer-information_en).

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, Ủy ban Châu Âu thông báo đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn tiếp thị của EU đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, việc công bố đề xuất đang chưa được ban hành.

## **2.10 Thực phẩm đông lạnh**

Chỉ thị của Hội đồng 89/108/EEC đặt ra các quy tắc đối với thực phẩm đông lạnh nhanh đóng gói và dán nhãn. Thực phẩm đông lạnh nhanh bán cho người tiêu dùng cuối cùng phải có các chỉ dẫn ghi nhãn bổ sung: tên sản phẩm có chỉ dẫn “đông lạnh nhanh”, thời hạn sử dụng tối thiểu, khoảng thời gian mà người mua có thể bảo quản sản phẩm, nhiệt độ bảo quản và/hoặc yêu cầu loại thiết bị bảo quản, nhận dạng lô hàng và chỉ dẫn rõ ràng về loại “không cấp đông lại sau khi rã đông”. Phụ lục VI, Phần A, của Quy định FIC 1169/2011 quy định rằng đối với thực phẩm đã được đông lạnh trước khi bán và được bán ở dạng sau khi rã đông, tên thực phẩm phải kèm theo ký hiệu “đã được rã đông”.

Đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật, Quy định 16/2012 của Ủy ban, sửa đổi Quy định 853/2004, yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm phải cung cấp ngày sản xuất và ngày cấp đông cho người mua và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trong trường hợp thực phẩm được làm từ một lô nguyên liệu thô có ngày sản xuất và ngày cấp đông khác nhau thì phải ghi ngày nào sớm hơn.



Phụ lục III của Quy định FIC 1169/2011 yêu cầu nhãn trên thịt đông lạnh, các chế phẩm từ thịt đông lạnh và các sản phẩm thủy sản đông lạnh chưa qua chế biến phải ghi rõ ngày cấp đông hoặc ngày cấp đông lần đầu trong trường hợp sản phẩm đã được cấp đông nhiều lần.

### ***2.11 Quy định theo chiều dọc và theo sản phẩm cụ thể***

Quy định 1308/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu thiết lập một tổ chức thị trường chung (CMO) duy nhất cho tất cả các sản phẩm nông nghiệp. CMO đưa ra các định nghĩa và quy tắc tiếp thị cho gạo, đường, thịt bò và thịt bê, sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng và thịt gia cầm, dầu ô liu, rau, quả, chất béo và rượu vang.

Các quy định theo chiều dọc về sản xuất và tiếp thị các sản phẩm cụ thể đã được ban hành đối với đường (Chỉ thị 2001/111), ca cao và các sản phẩm sô cô la (Chỉ thị 2000/36), mật ong (Chỉ thị 2001/110), nước ép trái cây và các sản phẩm tương tự (Chỉ thị 2001/112), sữa bảo quản (Chỉ thị 2001/114), chiết xuất cà phê và chiết cà phê Chicory (Chỉ thị 1999/4) và mứt trái cây và các sản phẩm tương tự (Chỉ thị 2001/113). Những Chỉ thị này thường được gọi là “chỉ thị về thực phẩm bữa sáng”.

**Mật ong:** Ngày 15 tháng 5 năm 2014, EU đã thông qua Chỉ thị 2014/63/EU sửa đổi Chỉ thị 2001/110/EC liên quan đến mật ong. Chỉ thị đưa ra định nghĩa phấn hoa là thành phần tự nhiên của mật ong và không nên coi phấn hoa là một thành phần nguyên liệu của mật ong. Điều này có nghĩa là phấn hoa biến đổi gen hiện diện với hàm lượng lớn hơn 0,9% trong thành phần mật ong sẽ phải được dán nhãn. Vì thông thường phấn hoa chỉ chiếm khoảng 0,5% trong bất kỳ loại mật ong nào nên nó sẽ không bao giờ vượt quá ngưỡng ghi nhãn GM.

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, Ủy ban Châu Âu đã xuất cập nhật “chỉ thị về thực phẩm bữa sáng” sửa đổi đối với các quy định đối với mật ong, nước ép trái cây, mứt trái cây và sữa đặc. Đề xuất này là hiện đang được Nghị viện EU và Hội đồng Liên minh châu Âu xem xét đánh giá.

### ***2.12 Các sản phẩm làm từ thực vật thay thế thịt và sữa***

Cho đến nay, không có định nghĩa thống nhất chung hài hòa nào của EU về thuật ngữ “ăn chay” và “thuần chay” cũng như không có yêu cầu cụ thể nào đối với việc ghi nhãn các sản phẩm có nguồn gốc thực vật thay thế thịt và sữa.

Tháng 7 năm 2017, Tòa án Tư pháp Châu Âu (ECJ) đã ra phán quyết các sản phẩm có nguồn gốc thực vật không được dán nhãn mang tên sữa như “phô mai”, “bơ” hoặc “sữa”. Phán quyết của ECJ dựa trên Quy định 1308/2013, trong đó xác định các định nghĩa và tên gọi chỉ có thể được sử dụng để tiếp thị các sản phẩm sữa. Danh sách các trường hợp ngoại lệ đối với các sản phẩm không phải sữa có thể được dán nhãn tên sữa dành riêng đã được thiết lập theo Quyết định 2010/791 của Ủy ban.

Quyết định 2010/791 của Ủy ban Châu Âu quy định danh sách các trường hợp ngoại lệ dành riêng đối với các sản phẩm không phải sữa có thể được dán nhãn mang tên sữa.

### **3. Dán nhãn xanh (green labling)**

Ủy ban Châu Âu đã ban hành hướng dẫn tại (Khuyến nghị (EU) 2021/2279) để đo lường chu trình vòng đời sản phẩm liên quan đến môi trường – dấu chân môi trường của sản phẩm – đối với sản phẩm cụ thể. EU mới tiến hành đánh giá đối với một số sản phẩm nhất định, bao gồm thủy sản và thực phẩm, phương pháp này không tính đến tất cả các tác động tiềm ẩn đến môi trường. Các doanh nghiệp không bị ràng buộc vào một phương pháp nào và có thể lựa chọn cách chứng minh yếu tố môi trường khi công bố sản phẩm.

Hiện tại, EU mới đang trong quá trình dự thảo Quy định về dán nhãn xanh, môi trường, liên quan đến các thông tin về sử dụng năng lượng tái tạo, lượng phát thải các bon, cơ chế bù trừ phát thải, cơ chế sử dụng tín chỉ carbon... của Doanh nghiệp trong quá trình sản xuất chuỗi giá trị nông sản.

Quy định cung cấp khuôn khổ pháp lý để quản lý các nội dung liên quan đến dán nhãn xanh. Ủy ban Châu Âu sẽ xây dựng các quy tắc chi tiết bổ sung, bao gồm các yêu cầu về định dạng và nội dung của các tài liệu hỗ trợ các khiếu nại về môi trường/chương trình dán nhãn; các quy tắc về định dạng và cấp giấy chứng nhận phù hợp; thủ tục phê duyệt; và có thể có thêm các quy tắc về việc chứng minh và truyền đạt các thủ tục pháp lý khác về môi trường. Dự kiến sẽ ban hành trong cuối năm 2024 và sẽ có hiệu lực năm 2026.

Tại các quốc gia thành viên EU, chưa có chương trình dán nhãn xanh nào được chấp thuận, các chương trình chỉ áp dụng tự nguyện không bắt buộc. Tại một nước ngoài EU, các chương trình dán nhãn quốc gia công và tư nhân mới sẽ chỉ được chấp thuận sử dụng cho các sản phẩm xuất khẩu sang EU khi dán nhãn sẽ tạo thêm giá trị gia tăng so với các chương trình hiện có, ví dụ việc dán nhãn xanh có tham vọng bảo

vệ môi trường hơn, phạm vi bao phủ rộng hơn về tác động môi trường hoặc tập trung vào một số sản phẩm nhất định. EU cũng lo ngại việc gian lận tráng men “Dán Nhãn Xanh -Greenwashing” do đó EU cần sớm có công cụ pháp lý để quản lý.

#### **4. Quy định về bao bì và đóng gói**

##### ***4.1 Kích thước và Nội dung***

Dung sai tối đa cho phép có thể chấp nhận được giữa trọng lượng nội dung thực tế và số lượng ghi trên nhãn và các phương pháp kiểm tra được sửa đổi và quy định tại Chỉ thị 76/211/EEC. Một chữ "e" nhỏ nhất 3 mm trên nhãn đảm bảo rằng hàm lượng thực tế tương ứng với hàm lượng được ghi trên nhãn. Kích thước của các chỉ số định lượng phụ thuộc vào số lượng danh nghĩa:

- Số lượng danh nghĩa lớn hơn 1000 g hoặc 100 cl: cao ít nhất 6 mm
- Lớn hơn 200 g/20 cl nhưng ít hơn 1000 g/100 cl: ít nhất 4 mm
- Lớn hơn 50 g/5 cl nhưng ít hơn 200 g/20 cl: ít nhất 3 mm
- Dưới 50 g/2 cl: 2 mm. Số lượng phải đi kèm đơn vị đo lường.

Chỉ thị 2007/45/EC bãi bỏ quy định về kích thước đóng gói bắt buộc đối với cả khu vực EU và cấp quốc gia. Theo Chỉ thị này, chỉ có rượu vang và rượu mạnh được xác định kích thước đóng gói, ngoại trừ rượu shochu đóng chai tại Nhật Bản. Số lượng danh nghĩa bắt buộc đối với rượu vang và rượu mạnh được quy định trong Phụ lục của Chỉ thị 2007/45/EC.

Thông tin chi tiết về “Đo lường pháp lý” tham khảo tại trang web của Ủy ban Châu Âu <http://ec.europa.eu/growth/single-market/goods/building-blocks/legal-metrology/>.

##### ***4.3 Các biện pháp bền vững về đóng gói***

Các quốc gia thành viên được yêu cầu thực hiện các biện pháp giảm chất thải bao bì và phải áp dụng các hệ thống tái sử dụng, thu hồi và tái chế vật liệu đóng gói. Chỉ thị 94/62/EC của Hội đồng đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế rác thải bao bì và thúc đẩy tái chế, tái sử dụng cũng như các hình thức thu hồi rác thải khác. Tổng quan về luật pháp hiện hành của EU áp dụng cho bao bì và chất thải bao bì tham khảo tại trang web của Ủy ban Châu Âu: <http://ec.europa.eu/environment/waste/packaging/legis.htm>

Tháng 5 năm 2018, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất các quy định mới tập trung vào 10 sản phẩm nhựa sử dụng một lần phổ biến nhất trên các bãi biển và vùng biển của Châu Âu, cũng như ngư cụ bị thất lạc. Việc cấm một số sản phẩm cũng tạo ra ảnh hưởng đến bao bì thực phẩm. Một số điều khoản của Chỉ thị (EU) 2019/904 nhằm giảm tác động sản phẩm nhựa đến môi trường, chẳng hạn như lệnh cấm sử dụng nhựa dùng một lần, có hiệu lực từ ngày 3 tháng 7 năm 2021. Đây là thời hạn cuối cùng để các Quốc gia Thành viên chuyển đổi chỉ thị thành nội luật, quy định các biện pháp hành chính quốc gia. Các điều khoản khác trong Chỉ thị cũng đề cập đến trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, có hiệu lực vào cuối năm 2024.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất sửa đổi Chỉ thị năm 1994 về Bao bì và Chất thải Bao bì. Đề xuất này sẽ tác động đến lĩnh vực nông sản thực phẩm và xuất khẩu của các nước sang Liên minh Châu Âu. Một trong những mục tiêu chính của đề xuất này là hài hòa hóa các quy tắc đóng gói đang áp dụng rời rạc trong EU, tạo ra các rào cản thương mại nội bộ và phá vỡ thị trường chung. Các bên liên quan kêu gọi EU hài hòa hóa hơn nữa các quy định hiện hành về bao trùm toàn bộ vòng đời của bao bì. Đề xuất này hiện đang trong quá trình chờ các cơ quan lập pháp xem xét và dự kiến sẽ được hoàn thiện vào giữa năm 2024.

Ủy ban cũng đã công bố vào tháng 11 năm 2022 một Thông báo về khung chính sách của EU về nhựa sinh học, nhựa phân hủy sinh học và nhựa có thể phân hủy, tuy không mang tính ràng buộc nhưng EU sẽ có hướng dẫn về nội dung này trong tương lai.

### ***4.3 Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm***

Quy định 1935/2004 nêu rõ các yêu cầu chính đối với tất cả các vật liệu tiếp xúc với thực phẩm. Quy định cũng đặt ra các yêu cầu về ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc cũng như quy trình cấp phép các chất thông qua Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA). Phụ lục I của quy định 1935/2004 liệt kê nhóm vật liệu có thể được áp dụng các biện pháp cụ thể. Thông tin thêm có thể được tìm thấy trên trang web của EFSA: <https://www.efsa.europa.eu/en/topics/topic/food-contact-materials>

Quy định 2023/2006 của Ủy ban đưa ra các quy tắc về thực hành sản xuất tốt (GMP) đối với các nhóm nguyên liệu và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định 1935/2004.

Các biện pháp cụ thể đưa ra các yêu cầu bổ sung và bao gồm danh sách các chất và vật liệu được phép. Cho đến nay, các chỉ thị cụ thể đã được xây dựng cho vật liệu

nhựa (Quy định 10/2011), bao gồm danh sách các chất được phép, kèm theo tài liệu hướng dẫn của EU về việc thực hiện.

#### 4.3.2 *Bisphenol A*

Quy định thực thi 321/2011, sửa đổi Quy định 10/2011 về vật liệu nhựa, cấm sử dụng Bisphenol A trong bình đựng thức ăn bằng nhựa dành cho trẻ sơ sinh, Quy định (EU) 2018/213 hạn chế việc sử dụng bisphenol A trong vecni và chất phủ nhằm mục đích tiếp xúc với thực phẩm.

Quy định 450/2009 đưa ra các định nghĩa và thủ tục cấp phép cho việc sử dụng các vật liệu và nguyên liệu thông minh tiếp xúc với thực phẩm.

Chỉ thị 2007/42/EC quy định cụ thể đối với màng xenlulo tái sinh và Chỉ thị 84/500/EC quy định đối với gốm sứ. Trong trường hợp vật liệu gốm sứ, đặt ra giới hạn thôi nhiễm đối với chì và cadimi. Vật liệu phải có ký hiệu "tiếp xúc với thực phẩm" hoặc biểu tượng tái chế trong Phụ lục II của Quy định 1935/2004.

Các quốc gia thành viên được phép cho phép tạm thời việc sử dụng một số chất không được liệt kê trong các chỉ thị cụ thể. Các nước cũng có thể hạn chế hoặc tạm thời cấm sử dụng một số vật liệu nhất định đã được nêu trong các chỉ thị với lý do bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Trong trường hợp EU chưa ban hành quy định chung EU, các Quốc gia Thành viên có thể thiết lập các biện pháp quốc gia. Các nhà xuất khẩu nên xác minh xem các biện pháp cụ thể của Quốc gia Thành viên có được áp dụng hay không. Bản tóm tắt về các quy định của các quốc gia và EU cũng như các tài liệu hướng dẫn và thông tin liên hệ liên quan đến việc nộp đơn xin cấp phép tham khảo tại trang web của Ủy ban Châu Âu tại [http://ec.europa.eu/food/safety/chemical\\_safety/food\\_contact\\_materials\\_en](http://ec.europa.eu/food/safety/chemical_safety/food_contact_materials_en).

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, EU ban hành Quy định (EU) 2022/1616 về vật liệu và vật liệu nhựa tái chế tiếp xúc với thực phẩm có hiệu lực vào tháng 10 năm 2022. Quy định mới này bãi bỏ Quy định (EC) số 282/2008. Quy định đặt ra các quy tắc áp dụng cho quy trình sản xuất nhựa có hàm lượng tái chế để đảm bảo quy trình khử nhiễm dẫn đến nhựa an toàn khi sử dụng FCM. Quy định này yêu cầu EFSA đánh giá các quy trình tái chế để xác minh việc sản xuất nhựa an toàn và các quy trình cấp phép. Thêm vào đó, EU đặt ra các quy tắc áp dụng để kiểm soát chất lượng nhựa tái chế và bao gồm quy trình xác định xem các công nghệ tái chế mới có phù hợp để tái chế FCM nhựa hay không. Thông tin thêm tham khảo trên trang web của Ủy ban.

#### 4.3.2 Sửa đổi quy định EU về vật liệu tiếp xúc với thực phẩm

Ủy ban đã công bố sửa đổi các quy định của EU về vật liệu tiếp xúc với thực phẩm (FCM), dựa trên việc kiểm tra hiệu suất và tính phù hợp theo quy định (REFIT) của luật về Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm (FCM) của EU. Quá trình đánh giá bao gồm nhiều bước khác nhau và báo cáo cuối cùng được công bố ngày 3 tháng 7 năm 2020. Ngày 18 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đã công bố lộ trình xác định những khoảng trống trong luật pháp hiện hành về vật liệu tiếp xúc với thực phẩm của EU, chẳng hạn như các vấn đề an toàn có thể xảy ra đối với sản phẩm không phải nhựa FCM, thiếu ưu tiên các đánh giá cập nhật đối với các chất nguy hiểm nhất, yếu kém trong việc thực thi các quy tắc và cần xem xét lại các văn bản pháp luật. EU đã tiến hành tham vấn cộng đồng từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 1 năm 2023. Đề xuất sửa đổi này dự kiến công bố trước cuối năm 2023, tuy nhiên việc này đang bị trì hoãn.

### 5. Quy định về phụ gia thực phẩm

Quy định liên quan đến các nhóm “các chất cải tiến thực phẩm” của EU gồm bốn Quy định: Quy định 2019/1381 (sửa đổi Quy định 1331/2008) về tính minh bạch và tính bền vững trong đánh giá rủi ro của EU trong chuỗi thực phẩm) thiết lập quy trình cấp phép chung đối với phụ gia thực phẩm, enzyme thực phẩm và hương liệu thực phẩm; Quy định 1332/2008 về enzyme thực phẩm; Quy định 1333/2008 về phụ gia thực phẩm và Quy định 1334/2008 về hương liệu. Chỉ các chất phụ gia có trong danh sách được EU cho phép mới được sử dụng trong các sản phẩm thực phẩm được bán trên thị trường EU. Việc đưa ra danh sách được EU cho phép sử dụng dựa trên đánh giá rủi ro của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA).

Quy định 234/2011 của Ủy ban Châu Âu hướng dẫn chi tiết quy trình nộp đơn đăng ký cập nhật danh sách các loại phụ gia cho phép của EU (nội dung, yêu cầu dữ liệu và cách trình bày). EFSA sau đó xác minh tính phù hợp của dữ liệu. Các yêu cầu này được thực hiện theo Quy định (EU) 2020/1823 để phù hợp với những thay đổi liên quan trong Quy định (EU) 2019/1381 về tính minh bạch và tính bền vững của hoạt động đánh giá rủi ro của EU trong chuỗi thực phẩm. Những quy định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2021.

#### 5.1 Chất phụ gia (bao gồm cả màu và chất tạo ngọt)

Phụ lục I của quy định 1333/2008 liệt kê định nghĩa của 26 loại phụ gia thực phẩm khác nhau. Chỉ các chất phụ gia có trong danh sách EU cho phép sử dụng mới được cấp phép theo các điều kiện cụ thể.

Phụ lục II của Quy định 1333/2008 về phụ gia thực phẩm liệt kê tất cả các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm và điều kiện sử dụng. Các chất phụ gia cho phép sử dụng được liệt kê theo các loại thực phẩm mà chúng được phối chế vào.

Phụ lục III của Quy định 1333/2008 bao gồm danh sách thứ hai về các chất phụ gia thực phẩm được phê duyệt để sử dụng trong các thành phần thực phẩm như các chất phụ gia thực phẩm khác, enzyme thực phẩm, hương liệu thực phẩm và chất dinh dưỡng. Quy định 231/2012 đưa ra các thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm được liệt kê trong Phụ lục II và III. Các Quốc gia Thành viên có thể tiếp tục cấm sử dụng một số loại phụ gia thực phẩm nhất định trong thực phẩm truyền thống được liệt kê trong Phụ lục IV của quy định 1333/2008.

Từ năm 2016, EFSA đã hoàn thiện việc đánh giá lại màu thực phẩm được EU phê duyệt. Do đó, Phụ lục V của Quy định 1333/2008 đã được sửa đổi đưa ra yêu cầu thông tin ghi nhãn bắt buộc đối với 6 loại màu thực phẩm: Màu vàng -Quinoline Yellow (E104), Màu vàng hoàng hôn Sunset Yellow (E110), màu Ponceau 4R (E124), màu Tartrazine (E102), màu Azorubine/Carmoisine (E122) và màu đỏ Allura AC (E129). Thực phẩm có chứa những màu này phải được dán nhãn “có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động và sự chú ý đối với trẻ em”. Quy định 232/2012 đã hạ thấp giới hạn đối với màu thực phẩm Quinoline Yellow (E104), Sunset Yellow (E110) và Ponceau 4R (E124). Màu thực phẩm Red 2G (E128) bị loại bỏ khỏi danh sách mà EU cho phép. EU đưa ra cơ sở dữ liệu phụ gia thực phẩm và thông tin chi tiết đối với phụ gia thực phẩm được phép sử dụng của EU. Thông tin thêm về việc sử dụng phụ gia thực phẩm có thể tham khảo từ trang web của Ủy ban Châu Âu tại [https://ec.europa.eu/food/safety/food\\_improvement\\_agents/additives\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/food_improvement_agents/additives_en).

## ***5.2 Chương trình đánh giá lại các chất phụ gia thực phẩm***

Quy định 257/2010 đưa ra chương trình đánh giá lại EFSA để đánh giá các chất phụ gia thực phẩm đã được phê duyệt trước khi Quy định về Phụ gia Thực phẩm 1333/2008 có hiệu lực. EU ban hành Quy định (EU) 2021/148 sửa đổi và đưa ra yêu cầu mức độ minh bạch và bảo mật tương tự như các thủ tục cập nhật Danh sách Phụ gia Thực phẩm được Liên minh phê duyệt.

Quy định (EU) 2022/63 quy định cấm sử dụng Titanium dioxide (TiO<sub>2</sub> còn được gọi là E171) làm phụ gia thực phẩm trong các sản phẩm thực phẩm.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, EU ban hành Quy định (EU) 2023/1329 sửa đổi thông số kỹ thuật đối với chất glycerol (E422), este polyglycerol của axit béo (E475)

và polyglycerol polyricinoleate (E 476). Quy định (EU) 2023/1428 sửa đổi thông số kỹ thuật đối với mono- và diglyceride của axit béo (E 471) hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2023.

Việc đánh giá lại các chất phụ gia thực phẩm được EU phê duyệt hoàn thiện vào cuối năm 2020. Chi tiết tham khảo bảng tóm tắt các chất phụ gia thực phẩm được phép sử dụng và hiện trạng đánh giá lại phụ gia thực phẩm của EFSA: [https://ec.europa.eu/food/safety/food\\_improvement\\_agents/additives/re-evaluation\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/food_improvement_agents/additives/re-evaluation_en).

### **5.3 Hương liệu**

Quy định 1334/2008 thiết lập danh sách các chất tạo mùi được phép, được liệt kê theo các loại thực phẩm mà chúng có thể được thêm vào. Quy định đưa ra các quy tắc cụ thể việc sử dụng thuật ngữ “tự nhiên”. EU công bố cơ sở dữ liệu trực tuyến cho phép người tiêu dùng, doanh nghiệp thực phẩm và cơ quan kiểm soát thực phẩm xác minh các chất tạo mùi, vị được phép sử dụng trong thực phẩm.

Quy định 2065/2003 thiết lập quy trình đánh giá an toàn và thủ tục cấp phép đối với hương liệu khối dùng sử dụng trong hoặc trên thực phẩm. Quy định 1321/2013 thiết lập danh sách các sản phẩm chính tạo mùi, vị khối được phép để sử dụng trong hoặc trên thực phẩm và/hoặc để sản xuất hương liệu khối có nguồn gốc.

### **5.4 Enzymes**

Quy định 1332/2008 về enzyme thực phẩm đã đưa ra các quy tắc hài hòa để đánh giá khoa học và cấp phép ở EU. Điều 10-13 của Quy định 1332/2008 đặt ra các yêu cầu ghi nhãn cụ thể. EFSA hiện đang xem xét đánh giá các đơn đăng ký cấp phép cho các enzym thực phẩm hiện tại và mới bổ sung. Cho đến khi EC đưa ra danh sách các enzyme thực phẩm được EU cấp phép, các quy định quốc gia sẽ tiếp tục được áp dụng. Thông tin chi tiết, tham khảo trang web của Ủy ban Châu Âu: [https://ec.europa.eu/food/safety/food\\_improvement\\_agents/enzymes/eu\\_rules\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/food_improvement_agents/enzymes/eu_rules_en).

### **5.5 Chất hỗ trợ chế biến**

Quy định về hỗ trợ chế biến phải tuân theo luật pháp quốc gia của các Quốc gia Thành viên. Các quy tắc hài hòa của EU chỉ quy định đối với dung môi chiết xuất được sử dụng trong sản xuất thực phẩm và thành phần thực phẩm (Chỉ thị của Hội đồng 2009/32/EC).



## **6. Thuốc bảo vệ thực vật và chất gây ô nhiễm**

### **6.1 Thuốc bảo vệ thực vật**

Nội dung liên quan đến phần thuốc bảo vệ thực vật, MRL, dung sai, một số quy định khác được nêu chi tiết tại Phần các quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

### **6.2 Chất gây ô nhiễm**

#### **6.2.1 Mức tối đa**

Mức tối đa hài hòa trên toàn EU đối với các chất gây ô nhiễm được quy định trong Phụ lục của Quy định (EU) 2023/915. Phụ lục quy định này bao gồm các mức tối đa đối với:

#### **(i) Độc tố nấm mốc**

- Aflatoxin
- Ochratoxin A
- Patulin
- Deoxynivalenol
  - o Zearalenone
  - o Fumonisin o Citrinin
  - o Sclerotia Ergot và alkaloid Ergot

#### **(ii) Độc tố thực vật**

- Axit erucic, kể cả axit erucic liên kết với chất béo
- Tropane Alkaloids
- Axit hydrocyanic, bao gồm axit hydrocyanic liên kết với cyanogenic glycosides
- Alkaloid pyrrolizidine
- Alkaloid Opium
- Delta-9-tetrahydrocannabinol ( $\Delta$ 9-THC) tương đương

#### **(iii) Kim loại nặng và các nguyên tố khác**

- Chì
- Cadimi
- Thủy ngân o Asen
- Thiếc (vô cơ)

***(iv) Các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy halogen hóa***

- Dioxin và PCB
- Chất Perfluoroalkyl

***(v) Xử lý chất gây ô nhiễm***

***(vi) Polycyclic aromatic hydrocarbons (Hydrocacbon thơm đa vòng (PAHs))***

- 3-monochloropropan-1,2-diol (3-MCPD)
- Tổng este của axit béo 3-monochloropropanediol (3-MCPD) và 3-MCPD, tính bằng 3-MCPD
- Este của axit béo Glycidyl, được biểu thị bằng glycidol

***(vii) Các chất gây ô nhiễm khác***

- Nitrat
- Melamine
- Perclorat

Năm 2017, EU đã ban hành Quy định 2017/2158 thiết lập các mức chuẩn để giảm hàm lượng acrylamide trong thực phẩm. Quy định này yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm phải áp dụng các biện pháp bắt buộc để giảm sự hàm lượng acrylamide, tương ứng với tính chất và quy mô. Từ năm 2019, EU ban hành Khuyến nghị 2019/1888 đề nghị các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên thường xuyên giám sát thực phẩm có chứa acrylamide, đặc biệt là trong thực phẩm được liệt kê trong Phụ lục của Khuyến nghị này. Trong những năm gần đây, Ủy ban Châu Âu tham khảo ý kiến các bên liên quan về vấn đề acrylamide nhằm thảo luận về các biện pháp bổ sung.

***6.2.2 Phương pháp lấy mẫu và phân tích kiểm soát chính thức các chất gây ô nhiễm***

Các quy định sau đây liên quan đến các phương pháp lấy mẫu, phân tích kiểm soát chính thức mức độ các chất gây ô nhiễm khác nhau. Các quy định này liên quan đến các phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu cũng như các tiêu chí thực hiện đối với các phương pháp phân tích:

- Nitrat: Quy định 1882/2006

- Độc tố nấm mốc: Quy định 401/2006
- Dioxin: Quy định 2017/644
- Các nguyên tố vi lượng và các chất gây ô nhiễm trong quá trình chế biến: Quy định của 333/2007
- Axit Erucic: Quy định (EU) 2015/705
- Các chất Perfluoroalkyl: Quy định (EU) 2022/1428

### 6.2.3 Các hoạt chất dược lý

Danh mục MRL đối với dư lượng hoạt chất dược lý trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật được công bố trong Phụ lục của Quy định (EU) 37/2010. Các chất được liệt kê trong Bảng 2 của Phụ lục này không được sử dụng ở động vật để làm thực phẩm cho con người nhằm mục đích xuất khẩu sang thị trường EU.

### 6.2.4 Kế hoạch kiểm soát dư lượng đối với động vật và sản phẩm động vật

Để xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật và các sản phẩm tổng hợp/phối chế sang EU, nước xuất khẩu phải nộp cho EU kế hoạch các chương trình giám sát các nhóm dư lượng thuốc BVTV, chất gây ô nhiễm và hoạt chất dược lý.

Hơn nữa, phân loại hệ thống kiểm soát để đảm bảo không sử dụng các chất kích thích tăng trưởng trong chăn nuôi và xuất khẩu sản phẩm động vật sang EU. Chỉ thị 96/22/EC cấm sử dụng hormone trong sản xuất thịt. Khi một quốc gia đủ điều kiện xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật sang EU nếu quốc gia trong danh mục các nước được EU chấp thuận cho phép xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật, và hàng năm cung cấp kế hoạch chương trình giám sát dư lượng mà quốc gia đối với các loài động vật khác nhau mà nước đó quan tâm cho EU. Danh mục các nước được phê duyệt xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật trong Phụ lục 1 của Quy định (EU) 2021/405.

Để biết thêm thông tin về cách xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc động vật sang EU, tham khảo thêm tại Hướng dẫn của EU về các yêu cầu của EU đối với việc nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc động vật – Giám sát dư lượng thuốc thú y, thuốc trừ sâu và chất gây ô nhiễm.

## 7. Các yêu cầu, quy định và biện pháp đăng ký khác

### 7.1 Yêu cầu về chứng nhận và tài liệu

Sau khi cập nhật Luật Thú y của EU, có hiệu lực ngày 21 tháng 4 năm 2021, EU đã cập nhật tất cả các giấy chứng nhận cần thiết đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật và các sản phẩm tổng hợp/phối chế. Các mẫu giấy chứng nhận mới đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật được EU công bố và được Cơ quan có thẩm quyền của các nước xuất khẩu trong danh mục được EU phê duyệt thực hiện. Quy định (EU) số 2020/2235 ban hành và sửa đổi các mẫu chứng nhận mới.

### 7.2 Sản phẩm hỗn hợp/phối chế

Quy định (EU) 2019/625 đưa ra định nghĩa các sản phẩm tổng hợp là thực phẩm dành cho con người có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật và các thành phần có nguồn gốc thực vật. Sản phẩm hỗn hợp bao gồm nhiều loại sản phẩm, bánh, pho mát, thực phẩm bổ sung giàu protein, pizza và lasagna. Việc xuất khẩu “sản phẩm tổng hợp/phối chế composite products” của các nước thứ ba tiếp tục bị hạn chế do EU đưa ra thêm các yêu cầu chứng nhận khắt khe.

Các DN xuất khẩu cần lưu ý, song song với những thay đổi nêu trên về chứng nhận sức khỏe động vật đối với chứng nhận sản phẩm hỗn hợp, EU cũng thay đổi đối với các danh mục sản phẩm hỗn hợp yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của các nước xuất khẩu cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Cách tiếp cận này không còn dựa trên tỷ lệ phần trăm thành phần của sản phẩm có nguồn gốc động vật trong sản phẩm phối chế/hỗn hợp cuối cùng, áp dụng từ ngày 21 tháng 4 năm 2021.

Quy định mới quy định 3 loại sản phẩm hỗn hợp/phối chế:

(i) *non-shelf stable composite products*: sản phẩm chế biến hỗn hợp **không** yêu cầu bảo quản kiểm soát nhiệt độ khi vận chuyển

(ii) *shelf- stable composite products that contain meat products*: sản phẩm sản phẩm chế biến hỗn hợp thành phần chứa thịt, yêu cầu bảo quản vận chuyển **phải** yêu cầu kiểm soát nhiệt độ

(iii) *shelf-stable composite*: sản phẩm thành phần không chứa thịt và có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật khác.

Tất cả các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật phải nằm trong danh sách các cơ sở được EU phê duyệt. EU yêu cầu giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với sản phẩm tổng hợp chế biến thành phần chứa sản phẩm động vật yêu cầu cầu kiểm soát nhiệt độ khi bảo quản/ vận chuyển. Yêu cầu áp dụng chứng thực tư nhân đối với sản phẩm tổng hợp chế biến thành phần không chứa thịt và có chứa các sản phẩm chế biến có nguồn gốc động vật khác, chứng thực tư nhân này không phải do Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cấp mà do đại diện công ty nhập khẩu tại EU cấp.

Thông tin thêm về các điều kiện nhập khẩu đối với các sản phẩm tổng hợp phối chế composite trên trang web của Ủy ban Châu Âu, tài liệu hướng dẫn, giải đáp các câu hỏi thực tế liên quan đến các quy định mới.

### **7.3 Đăng ký cơ sở được chấp thuận**

EU phê duyệt các cơ sở liên quan đến đưa các sản phẩm có nguồn gốc động vật vào thị trường EU dựa trên cơ sở danh sách hồ sơ đề xuất từ cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Chỉ những sản phẩm được sản xuất, chế biến từ các các cơ sở được EU phê duyệt mới đưa vào EU. Danh sách nước thứ ba ngoài EU được phép xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật theo nhóm sản phẩm và theo quốc gia được công bố trên trang web của Ủy ban Châu Âu:

<https://webgate.ec.europa.eu/tracesnt/directory/publication/establishment/index#!/search>

### **7.4 Thanh kiểm tra**

Quy định Kiểm soát Chính thức (EU) 2017/625 đặt ra các quy tắc chung các biện pháp kiểm soát chính thức nhằm đảm bảo áp dụng đúng các quy định của các luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, về sức khỏe và phúc lợi động vật, bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật (Quy định Kiểm soát Chính thức - Official Controls Regulation OCR). Các nội dung chính của quy định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 12 năm 2019.

Quy định (EU) 2021/632 liệt kê và cập nhật danh mục các sản phẩm có nguồn gốc động vật thuộc diện kiểm soát chính thức tại trạm/cơ quan kiểm soát biên giới. Các sản phẩm tổng hợp được nêu trong Quy định 2021/630 (Quy định (EU) 2023/1674 sửa đổi bổ sung) quy định miễn kiểm tra tại biên giới vì mức độ rủi ro hiện tại thấp. Danh mục này gồm các sản phẩm như bánh quy, bánh kẹo và thực phẩm bổ sung. Tất cả các lô hàng xuất trình hồ sơ và kiểm tra tại trạm kiểm soát biên giới. Tần suất kiểm tra dựa trên kết quả các lần kiểm tra thực tế và phát hiện rủi ro liên quan đến sản phẩm động

vật, hoặc hàng hóa cụ thể. Ủy ban đưa ra các tiêu chí để xác định và sửa đổi tần suất kiểm tra.

EU cũng đưa ra danh mục thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc từ động vật của các nước thứ ba phải được kiểm soát các chất gây ô nhiễm. Danh sách này được công bố trong Quy định (EU) 2019/1793 và được thường xuyên rà soát và để loại ra khỏi hoặc bổ sung các hàng hóa không đáp ứng quy định.

Cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm tiến hành thanh tra thường xuyên và xem xét phát hiện các lỗi vi phạm không tuân theo quy định. Sản phẩm có thể bị kiểm tra khi nhập khẩu hoặc toàn bộ các giai đoạn tiếp thị tiếp theo. Các vi phạm pháp luật về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của EU được thông báo thông qua Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (RASFF). Ủy ban Châu Âu quản lý Hệ thống cảnh báo nhanh liên kết mạng lưới các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên Cơ sở dữ liệu thông báo RASFF có thể truy cập được thông qua cổng RASFF. Thông tin được công bố trên trang web cung cấp chi tiết lý do không tuân thủ và nguồn gốc của sản phẩm, tên và địa chỉ công ty xuất khẩu, nhập khẩu phân phối. Khi các doanh nghiệp vi phạm nhiều lần có thể dẫn bị đình chỉ nhập khẩu hoặc bị áp dụng các điều kiện nhập khẩu đặc biệt đối với sản phẩm từ nước thứ ba liên quan trên toàn bộ lãnh thổ EU.

Tiêu chí hài hòa dành cho các phòng thí nghiệm tiến hành kiểm soát thực phẩm, các Quốc gia Thành viên có trách nhiệm chỉ định các phòng thí nghiệm được phép thực hiện phân tích.

Phí kiểm tra đối với các sản phẩm không có nguồn gốc từ động vật khác nhau giữa các Quốc gia Thành viên. Các biện pháp xử lý vi phạm cũng rất khác nhau, từ chối hoặc tiêu hủy sản phẩm. Đây được coi là yếu tố quyết định trong việc lựa chọn cảng nhập cảnh cho những sản phẩm có nhiều khả năng xảy ra sự cố. Các mẫu sản phẩm dành cho người tiêu dùng phải tuân thủ các quy định thực phẩm hiện hành tại EU.

### **7.5 Đăng ký sản phẩm**

Các doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý một số sản phẩm và thành phần nhất định thuộc phạm vi của Quy định về Thực phẩm mới lạ và yêu cầu có giấy phép trước khi đưa ra thị trường. Thông tin chi tiết tham khảo trong Phần VII “Các tiêu chuẩn cụ thể khác”.

Một số loại thực phẩm, như thực phẩm ăn kiêng toàn phần để kiểm soát cân nặng, được quy định tại Quy định 609/2013 về Thực phẩm dành cho các Nhóm tiêu dùng cụ thể của EU và buộc phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên khi bán trên thị trường.

Các doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm giàu vitamin hoặc bổ sung dinh dưỡng cần phải tham khảo kỹ các quy định, yêu cầu đăng ký hoặc thông báo cụ thể của Quốc gia Thành viên. Danh sách các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên tại trang web của Ủy ban Châu Âu tại đường link dưới đây:

[https://ec.europa.eu/food/safety/labelling\\_nutrition/vitamins\\_minerals\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/labelling_nutrition/vitamins_minerals_en).

## **8. Tiêu chuẩn cụ thể khác**

### **8.1 Thực phẩm mới lạ**

#### **8.1.1 Khái niệm:**

Quy định 2015/2283 về Thực phẩm mới lạ xác định thực phẩm mới lạ là thực phẩm chưa được tiêu thụ ở EU trước ngày 15 tháng 5 năm 1997 và ít nhất cũng nằm trong các danh mục được liệt kê trong Điều 3 của quy định (ví dụ: chiết xuất bột quả Việt quất). Thực phẩm mới được phát triển, cải tiến nhờ các kỹ thuật sản xuất mới (ví dụ: công nghệ nano), tương tự một loại thực phẩm truyền thống - nhưng chưa được người tiêu dùng EU biết đến - từ một quốc gia ngoài EU (ví dụ: nước ép noni; côn trùng sử dụng làm thực phẩm). Quy định về Thực phẩm Mới lạ không áp dụng đối với sản phẩm GMO, chất phụ gia, enzym, hương liệu và chiết xuất dung môi. Ủy ban Châu Âu đưa ra Tài liệu hướng dẫn đối với sản phẩm “tiêu dùng ở quy mô không đáng kể” tại trang web của EU.

#### **8.1.2 Thủ tục cấp phép:**

Thực phẩm mới lạ yêu cầu phải xin giấy phép trước khi đưa ra thị trường. Đơn xin cấp phép nộp thông qua hệ thống điện tử cho Ủy ban Châu Âu. Ủy ban yêu cầu Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) thực hiện đánh giá rủi ro đối với các hồ sơ đăng ký.

Quy trình bao gồm các bước khác nhau trên trang web của EFSA. Quy định 2017/2469 đặt ra các yêu cầu về hành chính và khoa học đối với các áp dụng thực phẩm mới lạ.

### *8.1.3 Danh sách thực phẩm mới lạ của EU:*

Quy định 2017/2470 của Ủy ban Châu Âu đưa ra danh sách các loại thực phẩm mới được cấp phép tại EU. Danh mục gồm thông số kỹ thuật, điều kiện sử dụng, yêu cầu ghi nhãn bổ sung và yêu cầu giám sát sau đó. Quy định sẽ được sửa đổi khi một loại thực phẩm mới lạ được EU cấp phép. Hiện tại Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia (Canada, Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Thái Lan) được EU chấp thuận cho phép xuất khẩu sản phẩm từ côn trùng làm thực phẩm cho người.

### *8.1.4 Tình trạng thực phẩm mới lạ:*

Các cơ sở kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm xác minh xem thực phẩm dự định tiếp thị ở EU có phải là thực phẩm mới hay không. Quy định Thực phẩm Mới 2015/2283 đưa ra quy trình tham vấn khi tình trạng của thực phẩm hoặc thành phần thực phẩm chưa đảm bảo. Quy định 2018/456 ban hành thủ tục, các bước mà các cơ sở kinh doanh thực phẩm phải tuân theo, tham vấn ý kiến của cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên nơi dự định lần đầu tiên đưa sản phẩm ra thị trường. Danh sách các cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên trên trang web của Ủy ban.

### *8.1.5 Vật liệu nano:*

Vật liệu nano yêu cầu cần có giấy phép thực phẩm mới trước khi được sử dụng trong thực phẩm.

### *8.1.6 Thực phẩm nhân bản vô tính:*

Cho đến khi luật riêng về thực phẩm nhân bản tính được thông qua, thực phẩm nhân bản vô tính sẽ nằm trong phạm vi điều chỉnh của quy định thực phẩm mới lạ.

### *8.1.7 Thực phẩm truyền thống từ các quốc gia bên ngoài EU:*

Quy định Thực phẩm Mới lạ số (EU) 2015/2283 đưa ra quy trình đánh giá đơn giản và thông báo nhanh hơn đối với thực phẩm truyền thống với lịch sử sử dụng an toàn từ các quốc gia ngoài EU. Thực phẩm từ các quốc gia bên ngoài EU được coi là thực phẩm mới lạ, được chỉ được xem là “thực phẩm truyền thống” và có nguồn gốc và được chế biến từ các sản phẩm cơ bản. Ví dụ: nước trái cây có nguồn gốc từ một loại trái cây lạ (exotic fruits) chưa được tiêu thụ ở EU trước ngày 15 tháng 5 năm 1997 nhưng được sử dụng rộng rãi ở một quốc gia ngoài EU, sẽ đủ điều kiện là 'thực phẩm truyền thống'. Quy định 2017/2468 đặt ra các yêu cầu hành chính và khoa học đối với việc thông báo thực phẩm truyền thống thuộc phạm vi của quy định Thực phẩm Mới.



Ủy ban Châu Âu cũng công bố các văn bản hướng dẫn về thủ tục cấp phép mới cho các cơ sở kinh doanh:

- Hướng dẫn sử dụng nộp hồ sơ trực tuyến
- Hướng dẫn việc nộp đơn xin cấp phép cho một loại thực phẩm mới lạ theo Điều 10 của Quy định Thực phẩm Mới lạ
- Hướng dẫn chuẩn bị và trình bày đơn xin cấp phép cho một loại thực phẩm mới trong bối cảnh Quy định Thực phẩm Mới lạ
- Hướng dẫn chuẩn bị và diễn giải thông báo và đơn xin cấp phép thực phẩm truyền thống từ các nước thứ ba trong bối cảnh Quy định Thực phẩm Mới
- Ủy ban Châu Âu: Hỏi và Đáp: Quy định thực phẩm mới lạ
- Hiệp Hội Thực phẩm Đồ uống Châu Âu, Thành phần Thực phẩm Đặc biệt của EU và Thực phẩm bổ sung Châu Âu: Hướng dẫn dành cho các cơ sở Kinh doanh Thực phẩm xác minh tình trạng Thực phẩm Mới lạ Theo Quy định Thực phẩm Mới lạ 2015/2283.

## ***8.2 Thực phẩm từ động vật nhân bản***

Thực phẩm có nguồn gốc từ động vật nhân bản hiện nằm trong phạm vi của Quy định Thực phẩm Mới lạ 2015/2283. Theo quy định này, thực phẩm được sản xuất từ “phương pháp nhân nuôi mới” yêu cầu phải được phê duyệt trước khi đưa ra thị trường dựa trên đánh giá rủi ro. Từ tháng 12 năm 2013, Ủy ban Châu Âu đã đề xuất hai luật cụ thể về thực phẩm từ động vật nhân bản:

- Đề xuất về việc nhân bản vô tính động vật thuộc các loài bò, lợn, cừu, dê và ngựa được lưu giữ và nhân giống cho mục đích chăn nuôi
- Đề xuất cấm đưa ra thị trường thực phẩm từ động vật nhân bản.

Năm 2020, Ủy ban Châu Âu quyết định rút lại hai đề xuất này. Cho đến khi luật riêng được thông qua, thực phẩm từ động vật nhân bản sẽ nằm trong phạm vi của Quy định về Thực phẩm Mới lạ.

### **8.3 Công nghệ Nano**

Hiện tại, luật pháp của EU đề cập rõ ràng đến vật liệu Nano sử dụng trong thực phẩm bao gồm các Quy định sau:

Thông tin Thực phẩm cho Người tiêu dùng (FIC): Các sản phẩm thực phẩm có chứa vật liệu nano trong quá trình chế biến phải được ghi rõ trên nhãn. Tên của các thành phần đó phải có từ “nano” trong ngoặc theo sau (Điều 18 của Quy định 1169/2011).

### **8.4 Quy định Thực phẩm Mới lạ**

Quy định Thực phẩm Mới lạ 2015/2283 định nghĩa vật liệu nano được tạo ra là “bất kỳ vật liệu nào được sản xuất có chủ đích theo một hoặc nhiều kích thước cỡ 100 nm trở xuống hoặc bao gồm các bộ phận chức năng riêng biệt, bên trong hoặc trên bề mặt, nhiều bộ phận trong số đó có một hoặc nhiều kích thước cỡ 100 nm hoặc nhỏ hơn, bao gồm các cấu trúc, kết tụ lại hoặc khối tổng hợp lại, có thể có kích thước trên 100 nm nhưng vẫn giữ được các đặc tính đặc trưng của cấp độ nano” (Điều 3.2.f).

#### **8.4.1 Phụ gia thực phẩm**

Quy định 1333/2008 đưa ra quy định “có sự thay đổi đáng kể trong phương pháp sản xuất hoặc nguyên liệu ban đầu được sử dụng” đối với phụ gia thực phẩm thuộc danh mục phụ gia thực phẩm được phê duyệt, “hoặc có thay đổi về kích thước hạt, ví dụ: thông qua công nghệ nano, phụ gia thực phẩm được điều chế bằng các phương pháp hoặc vật liệu mới đó sẽ được coi là một chất phụ gia khác và là một hoạt chất mới trong danh mục hoặc phải thay đổi các thông số kỹ thuật trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.”

#### **8.4.2 Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm**

Quy định 450/2009 liên quan đến bao gói thông minh quy định “các công nghệ mới để tạo ra các hoạt chất có tính chất hóa lý khác với các chất tương tự ở quy mô lớn hơn, ví dụ như các hạt nano, cần được đánh giá theo từng trường hợp cụ thể” liên quan đến rủi ro của chúng cho đến khi có thêm thông tin về công nghệ mới này.”

Để biết thêm thông tin về công nghệ nano ở EU, tham khảo:

1. Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu: Hướng dẫn mới về công nghệ nano trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi
2. Trung tâm khoa học EU <https://ec.europa.eu/jrc/en/research-topic/nanotechnology>

### **8.5 Thực phẩm tăng cường**

Quy định 1925/2006 đưa ra khung pháp lý trên toàn EU về việc bổ sung vitamin, khoáng chất và một số chất khác như thảo dược chiết xuất vào thực phẩm. Quy định liệt kê các loại vitamin và khoáng chất có thể được bổ sung vào thực phẩm và đặt ra các tiêu chí để thiết lập mức tối đa và tối thiểu. Đề xuất của Ủy ban Châu Âu về thiết lập mức hài hòa tối đa và tối thiểu cho phép của vitamin và khoáng chất trong thực phẩm và thực phẩm bổ sung đã quá hạn chưa hoàn thành theo dự kiến đổi (dự kiến đưa ra thời hạn áp dụng từ tháng 1 năm 2009).

Vitamin và khoáng chất phải được thể hiện dưới dạng phần trăm của “Lượng tiêu thụ tham chiếu” được liệt kê trong Phụ lục III của quy định “Thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng” 1169/2011 (xem thêm Phần V “Công bố dinh dưỡng”). Việc sử dụng các vitamin và khoáng chất không nằm trong các phụ lục của Quy định 1925/2006 không được phép. “Sổ đăng ký cộng đồng” về việc bổ sung vitamin, khoáng chất và một số chất khác có sẵn trên trang web của Ủy ban Châu Âu tại :

1/ [https://food.ec.europa.eu/document/download/1d5ed370-8aa3-47b0-8782-496e95c13b46\\_en?filename=labelling\\_nutrition-vitamins\\_minerals-comm\\_reg\\_en.pdf](https://food.ec.europa.eu/document/download/1d5ed370-8aa3-47b0-8782-496e95c13b46_en?filename=labelling_nutrition-vitamins_minerals-comm_reg_en.pdf)

2/ [https://ec.europa.eu/food/safety/labelling\\_nutrition/vitamins\\_minerals\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/labelling_nutrition/vitamins_minerals_en)

### **8.6 Thực phẩm ăn kiêng**

Quy định 609/2013 đặt ra các quy tắc về thành phần và ghi nhãn đối với thực phẩm dành cho mục đích sử dụng dinh dưỡng cụ thể. Phạm vi của quy định này giới hạn đối với sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức dành cho trẻ ở các giai đoạn phát triển tiếp theo, thực phẩm làm từ ngũ cốc đã qua chế biến và thức ăn dành cho trẻ em, thực phẩm dành cho các mục đích y tế đặc biệt và chế độ ăn kiêng toàn phần để kiểm soát cân nặng. Thực phẩm ăn kiêng, ví dụ: thực phẩm không chứa gluten,

không nằm trong Quy định 609/2013 được coi là thực phẩm thông thường và phải tuân thủ các quy tắc đặt ra trong Quy định 1169/2011 về Thông tin Thực phẩm cho Người tiêu dùng, Quy định 1925/2006 về bổ sung vitamin và khoáng chất vào thực phẩm, và Quy định 1924/2006 về yêu cầu dinh dưỡng và sức khỏe.

- Quy định 2016/128 đặt ra các yêu cầu cụ thể đối với thực phẩm dành cho mục đích y tế đặc biệt (FSMP).
- Quy định 2016/127 đặt ra các yêu cầu cụ thể về thành phần và thông tin đối với sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức dành cho trẻ phát triển ở các giai đoạn tiếp theo.
- Quy định 2018/561 đưa ra chi tiết các yêu cầu về protein đối với sữa công thức ở các giai đoạn tiếp theo.
- Quy định 2019/828 đặt ra các yêu cầu về vitamin D đối với sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và các yêu cầu về axit erucic đối với sữa bột dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức dành cho trẻ ở các giai đoạn tiếp theo.
- Quy định 2017/1798 đặt ra các quy tắc mới về “thay thế chế độ ăn kiêng toàn phần để kiểm soát cân nặng”. Các quy tắc mới áp dụng vào ngày 27 tháng 10 năm 2022.
- Quy định 2018/97 cấm sử dụng chất làm ngọt nhân tạo trong các sản phẩm bánh ngọt.
- Quy định 2017/2158 đặt ra quy định về việc giảm mức acrylamide trong thực phẩm. Những quy tắc này cũng áp dụng cho thực phẩm dành cho trẻ em và thực phẩm làm từ ngũ cốc đã qua chế biến dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ.

Các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm ăn kiêng nên xác minh xem sản phẩm đó có nằm trong phạm vi của Quy định 609/2013 hay không.

### **8.7 Thực phẩm bổ sung**

Chỉ thị EU 2002/46/EC chỉ đưa ra các quy tắc hài hòa của EU về ghi nhãn và vitamin và khoáng chất có thể được sử dụng trong thực phẩm bổ sung. Các khía cạnh chính trong việc tiếp thị thực phẩm bổ sung như hàm lượng vitamin và khoáng chất tối

thiếu và tối đa hoặc việc sử dụng các chất khác như chiết xuất từ thực vật vẫn thuộc thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên. Chỉ thị số EC 2002/46 xác định thực phẩm bổ sung là thực phẩm, có nghĩa là việc xuất khẩu thực phẩm bổ sung, không chỉ phải tuân thủ Chỉ thị 2002/46 mà còn phải tuân thủ các quy tắc chung áp dụng cho tất cả các loại thực phẩm, bao gồm các quy định về phụ gia, thực phẩm mới, vệ sinh, chất gây ô nhiễm và GMO.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, Hội đồng công bố báo cáo về các quy tắc áp dụng đối với đưa thực phẩm bổ sung vào thị trường EU. Trong đó đề nghị Ủy ban Châu Âu sửa đổi Chỉ thị để cập nhật định nghĩa về thực phẩm bổ sung, hài hòa các điều kiện tiếp cận thị trường và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng.

Các doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm bổ sung whey protein nên làm việc với các nhà nhập khẩu để xác định xem danh mục sản phẩm cần yêu cầu kèm theo giấy chứng nhận dành cho sản phẩm sữa chế biến hay giấy chứng nhận dành cho sản phẩm tổng hợp hay không.

Tài liệu hướng dẫn tham khảo tại:

1. Ủy ban Châu Âu: Áp dụng Quy định công nhận lẫn nhau đối với thực phẩm bổ sung
2. Thực phẩm bổ sung Châu Âu: Hướng dẫn về cách áp dụng Quy định công nhận lẫn nhau mới (EU) 2019/515 đối với thực phẩm bổ sung ở EU.

### **8.8 Thực phẩm được chiếu xạ**

Việc hài hòa hóa các quy định của EU về chiếu xạ thực phẩm còn khá chậm và cho đến nay chỉ có một số sản phẩm được EU chấp thuận áp dụng rộng rãi. Chỉ thị 1999/2/EC quy định các thủ tục tiếp thị, ghi nhãn, nhập khẩu và kiểm soát cũng như các khía cạnh kỹ thuật của chiếu xạ thực phẩm. Thực phẩm chiếu xạ hoặc thực phẩm có chứa thành phần chiếu xạ phải ghi nhãn “đã chiếu xạ” hoặc “đã xử lý bằng chiếu xạ ion hóa”. Để biết thêm thông tin, tham khảo trang web của Ủy ban Châu Âu: [https://ec.europa.eu/food/safety/biological-safety/foodirradiation\\_en](https://ec.europa.eu/food/safety/biological-safety/foodirradiation_en)

### **8.9 Hải sản**

Thông tin về các yêu cầu ghi nhãn bắt buộc của EU cũng như các báo cáo về tính khả thi của dán nhãn sinh thái EU, tham khảo trên trang web Thủy sản của Ủy ban Châu Âu [https://ec.europa.eu/fisheries/cfp/market/consumer-information\\_en](https://ec.europa.eu/fisheries/cfp/market/consumer-information_en).

### **8.10 Thức ăn cho vật nuôi/thú cưng**

Tại EU, thức ăn cho vật nuôi phải tuân theo luật tiếp thị thức ăn chăn nuôi và luật thú y. Luật tiếp thị thức ăn chăn nuôi của EU bao gồm thức ăn cho vật nuôi cũng như thức ăn cho động vật phục vụ sản xuất thực phẩm. Luật thú y bao gồm các sản phẩm có nguồn gốc động vật và cỏ khô/rom rạ vì những sản phẩm này có nguy cơ lây lan dịch bệnh ở động vật. Sản phẩm thức ăn cho vật nuôi có chứa thành phần có nguồn gốc động vật phải có nguồn gốc từ cơ sở được phê duyệt và phải có giấy chứng nhận vệ sinh thú y kèm theo. Tất cả hoạt động xuất khẩu thức ăn cho vật nuôi xuất khẩu sang EU phải tuân thủ các yêu cầu của EU bao gồm các quy định về ghi nhãn, vệ sinh, sức khỏe động vật, chứng nhận và sử dụng chất phụ gia.

Quy định 767/2009 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu đặt ra các quy tắc về ghi nhãn và tiếp thị thức ăn chăn nuôi và thức ăn cho vật nuôi. Bao gồm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thức ăn hỗn hợp và thức ăn chữa bệnh hoặc thức ăn kiêng cho cả động vật sản xuất thực phẩm và phi thực phẩm. Thức ăn chăn nuôi và thức ăn cho thú cưng không tuân thủ Quy định 767/2009 và các quy định về phụ gia thức ăn chăn nuôi quy định trong Quy định 1831/2003 sẽ không được phép đưa vào thị trường EU.

Các các bộ kiểm tra biên giới của EU kiểm tra, xác minh nhãn trên thức ăn cho vật nuôi nhập khẩu xem có tuân thủ các yêu cầu của EU hay không. Phụ lục 4 của “Quy tắc Thực hành Tốt Ghi nhãn cho Thức ăn cho Vật nuôi” do Ngành Thực phẩm Vật nuôi Châu Âu (FEDIAF) xuất bản, đưa ra “danh sách kiểm tra” mà các nhà sản xuất thức ăn cho vật nuôi có thể sử dụng để xác minh việc tuân thủ các quy định ghi nhãn của EU.

Quy định 68/2013 của Ủy ban thiết lập danh mục nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, cho phép các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng tên và phương thức chú giải chính xác hơn thông tin dữ liệu đưa ra thị trường. Phụ lục của Danh mục bao gồm ba phần: A) quy định chung, B) bảng chú giải các quy trình và C) danh sách nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Việc sử dụng Danh mục là tự nguyện nhưng khi sử dụng thì phải tuân thủ tất cả các quy định liên quan.

Khuyến nghị 2011/25/EU của Ủy ban Châu Âu thiết lập các hướng dẫn để phân biệt giữa nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, phụ gia thức ăn chăn nuôi, sản phẩm diệt khuẩn và sản phẩm thuốc thú y.

Quy định 2019/4 đưa ra quy tắc về thức ăn cho thú cưng có chứa thuốc y được quản lý, Chỉ thị 90/167/EEC thay thế Quy định trên và áp dụng từ ngày 28 tháng 1 năm

2022. Quy định mới tạo ra khung pháp lý mới cho việc sản xuất, đưa ra thị trường và sử dụng thức ăn có chứa thuốc cho thú cưng. Thông tin trên trang web của Ủy ban: [https://ec.europa.eu/food/animals/health/veterinary-medicines-and-medicated-feed/medicated-feed-safeand-controlled-oral\\_en](https://ec.europa.eu/food/animals/health/veterinary-medicines-and-medicated-feed/medicated-feed-safeand-controlled-oral_en)

Quy định 2020/354 của Ủy ban thiết lập danh sách mục đích sử dụng thức ăn dự kiến cho các mục đích dinh dưỡng cụ thể, bãi bỏ Chỉ thị 2008/38/EC. Quy định mới cập nhật các điều kiện chung đối với thức ăn dành cho mục đích dinh dưỡng cụ thể và danh sách mục đích sử dụng.

Các sửa đổi bao gồm các đặc điểm dinh dưỡng thiết yếu và công bố ghi nhãn. Các Lô hàng thức ăn đã được dán nhãn trước ngày 25 tháng 3 năm 2022 phù hợp với quy định áp dụng trước ngày 25 tháng 3 năm 2020 có thể tiếp tục được đưa vào thị trường EU và sử dụng cho đến khi hết lượng tồn kho hiện có.

Ủy ban Châu Âu đã đưa ra đề xuất về việc dán nhãn thức ăn hữu cơ cho vật nuôi vào tháng 12 năm 2022. Cho đến khi thông qua Quy định mới về thức ăn hữu cơ, hiện tại không có quy định cụ thể nào về việc ghi nhãn thức ăn hữu cơ cho vật nuôi tại EU. Trước năm 2022, thức ăn cho vật nuôi có thể được dán nhãn hữu cơ ngay cả khi không phải tất cả các thành phần đều từ sản phẩm hữu cơ. Tuy nhiên, theo quy định mới, thức ăn đã qua chế biến, bao gồm cả thức ăn cho vật nuôi, chỉ được dán nhãn hữu cơ nếu tất cả các thành phần có nguồn gốc nông nghiệp và ít nhất 95% chất khô là hữu cơ. Văn bản này hiện đang thảo luận và dự kiến sớm được thông qua.

Để biết thêm thông tin về dinh dưỡng động vật, xem trang web của Ủy ban Châu Âu tại: [http://ec.europa.eu/food/safety/animal-feed\\_en](http://ec.europa.eu/food/safety/animal-feed_en).

### ***8.11 Thực phẩm chay và thuần chay cũng như các sản phẩm thay thế thịt và/hoặc sữa có nguồn gốc thực vật***

Quy định 1169/2011 về Thông tin Thực phẩm cho Người tiêu dùng (FIC) của Ủy ban Châu Âu đặt ra các quy tắc dán nhãn tự nguyện thực phẩm “phù hợp với người ăn chay và thuần chay”. Ủy ban vẫn chưa ban hành định nghĩa hài hòa của EU về các thuật ngữ “ăn chay” và “thuần chay”. Trong trường hợp chưa có các quy tắc hài hòa của EU, nhiều công ty thực phẩm đã bắt đầu sử dụng “nhãn European V-label”, EU đang dự định thông qua chương trình ghi nhãn đồ ăn chay Châu Âu (EVU). Chi tiết tham khảo trang web của EVU tại <http://v-label.eu/about-v-label>.

Tuy nhiên tháng 7 năm 2017, Tòa án Công lý Châu Âu (ECJ) đã ra phán quyết sản phẩm có nguồn gốc thực vật không được dán nhãn với tên gọi như “phô mai”, “bơ” hoặc “sữa”. Phán quyết của ECJ dựa trên Quy định 1308/2013 đưa ra các định nghĩa và tên gọi chỉ có thể được sử dụng để tiếp thị các sản phẩm sữa, ví dụ như sản phẩm chế biến từ cùi dừa không được gọi là sữa dừa. Trong trường hợp ngoài lệ các sản phẩm không phải từ sữa có thể được dán nhãn mang tên sữa dành riêng được quy định Quyết định của Ủy ban 2010/791.

## **PHẦN V. NHÃN HIỆU, THƯƠNG HIỆU VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

### **1. Nhãn hiệu**

Tại EU, nhãn hiệu có thể được đăng ký ở cấp quốc gia, cấp khu vực hoặc EU. Nhãn hiệu được đăng ký ở cấp quốc gia được bảo vệ tại một Quốc gia Thành viên EU. Đơn đăng ký nộp trực tiếp đến cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia (IP). Hiện tại, cơ quan sở hữu trí tuệ cấp khu vực duy nhất ở EU là Văn phòng Benelux, đăng ký nhãn hiệu cho ba quốc gia thành viên: Bỉ, Hà Lan và Luxembourg. Khi đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở tất cả các Quốc gia Thành viên EU, đơn đăng ký nộp cho Văn phòng Sở hữu Trí tuệ Liên minh Châu Âu (EUIPO) theo hình thức trực tuyến, lệ phí 850 EUR. Thông tin chi tiết quá trình đăng ký trên trang web EUIPO.

Các quy định về bảo vệ nhãn hiệu của EU được quy định trong Chỉ thị EU 2015/2436. Quy định 2018/626 đặt ra các quy tắc chi tiết về thủ tục đăng ký. Quy định 2018/625 đặt ra các quy tắc thủ tục về việc từ chối và thu hồi nhãn hiệu của EU.

### **2. Bảo hộ Chỉ dẫn địa lý**

Quy định 1151/2012 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu đặt ra các quy tắc về thuật ngữ chất lượng tùy chọn để đăng ký bảo hộ ví dụ như “sản phẩm miền núi” và quy định ba chương trình ghi nhãn chất lượng trên toàn EU. Các chương trình gồm “Chỉ định tên gọi xuất xứ được bảo hộ” (PDO), chương trình “Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ” (PGI) và chương trình “Bảo hộ đặc sản truyền thống” (TSG). Việc đăng ký bảo hộ theo các chương trình khác nhau cũng áp dụng đối với các nước ngoài EU.

Rượu vang và rượu mạnh được điều chỉnh tại các Quy định 2019/33 và Quy định 2019/34) và không thuộc phạm vi của Quy định 1151/2012.

Tháng 10 năm 2019, Hội đồng EU đã thông qua Quyết định (EU) 2019/1754 phê duyệt việc EU gia nhập “Thỏa ước Lisbon về Tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lý”.



Là thành viên tham gia, EU được phép bảo hộ chỉ dẫn địa lý của EU đối với tất cả 30 bên tham gia ký kết Thỏa ước Lisbon. Chi tiết về thực hiện Thỏa ước Lisbon tại Quy định 2019/1753.

Trang web của Ủy ban Châu Âu cung cấp hướng dẫn về cách đăng ký PDO/PGI hoặc từ chối PDO/PGI được đề xuất đăng ký. **eAmbrosia** là cơ quan đăng ký hợp pháp của EU về tên gọi của các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, rượu vang và đồ uống có cồn được đăng ký và bảo vệ trên toàn EU.

## **2.1 Tên gọi xuất xứ được bảo hộ (Protected Designation of Origin-PDO)**

được định nghĩa như sau:

- 1) có xuất xứ từ một địa phương, khu vực hoặc, trong trường hợp đặc biệt, một quốc gia cụ thể;
- 2) chất lượng hoặc tính chất đặc thù của sản phẩm chủ yếu hoặc hoàn toàn có được do môi trường địa lý, với các yếu tố tự nhiên và con người cụ thể; và
- 3) tất cả khâu sản xuất phải được thực hiện trong khu vực địa lý xác định.

Ví dụ về PDO: Feta

## **2.2 Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ (Protected Geographical Indication- PGI)**

được định nghĩa như sau:

- 1) có nguồn gốc từ một địa phương, khu vực hoặc quốc gia cụ thể;
- 2) chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc điểm khác của sản phẩm chủ yếu có được do nguồn gốc địa lý; và
- 3) ít nhất một trong số các khâu sản xuất được thực hiện trong khu vực địa lý xác định.

Ví dụ về PGI: Rượu whisky Ailen

Qua đó cho thấy Tên gọi xuất xứ được bảo hộ sẽ cao hơn, phân biệt nhãn của PDO màu đỏ, còn nhãn PGI màu xanh được in trên bao bì sản phẩm

## **2.3 Đặc sản truyền thống được đảm bảo (Traditional Specialties Guaranteed-TSG):**

Nhãn TSG được sử dụng để truyền tải thông tin đặc tính giá trị gia tăng của công thực phẩm truyền thống và phương pháp sản xuất truyền thống tới người tiêu dùng. “Truyền thống” được định nghĩa là đã được sử dụng ít nhất 30 năm. Không giống như

các chương trình PDO và PGI, nguồn gốc địa lý của sản phẩm không liên quan đến chương trình TSG. TSG được đăng ký theo tên cộng đồng được bảo đảm. Chỉ những sản phẩm đáp ứng các tiêu chí TSG mới được sử dụng tên đã đăng ký.

Ví dụ về TSG: Pizza Napoletana (pizza kiểu Naples)

Điều khoản chất lượng tùy chọn:

Quy định 1151/2012 đặt ra các tiêu chí cho việc sử dụng các thuật ngữ chất lượng tùy chọn. Ủy ban Châu Âu có quyền bảo lưu các điều khoản mới hoặc sửa đổi các điều kiện áp dụng các điều khoản hiện có.

Ví dụ về thuật ngữ chất lượng tùy chọn: Sản phẩm miền núi

### **3. Đăng ký chỉ dẫn địa lý cho đồ uống có cồn**

Quy định (EU) 2019/787 cập nhật định nghĩa danh mục đồ uống có cồn khác nhau. Quy định này làm rõ và các quy định sửa đổi về bảo vệ chỉ dẫn địa lý, bao gồm cả việc đăng ký. Đối với rượu mạnh, “chỉ dẫn địa lý” là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm rượu có xuất xứ từ lãnh thổ của một quốc gia, khu vực hoặc địa phương nêu chất lượng, danh tiếng hoặc các tính chất đặc thù khác của sản phẩm chủ yếu có được do nguồn gốc địa lý của nó. Tuy nhiên, sản phẩm thô không nhất thiết phải đến từ đại phương đó.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Châu Âu công bố Quy định (EU) 2021/1235 và Quy định (EU) 2021/1236 liên quan đến đơn đăng ký GI để đăng ký đồ uống có cồn. Cả hai quy định đều đảm bảo việc thực thi luật pháp EU phù hợp với Quy định mới 2019/787.

### **4. Đề xuất quy định mới**

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, Ủy ban Châu Âu đã đưa ra đề xuất quy định mới thay thế Quy định 1151/2012. Đề xuất mới nhằm mục đích tăng cường sử dụng, bảo hộ GI cao hơn, đặc biệt là bảo hộ trực tuyến tại EU. Đề xuất tăng tính bền vững của hệ thống thực phẩm EU thông qua tích hợp các tiêu chí bền vững cụ thể. Đề xuất này sẽ lựa chọn để các nhóm nhà sản xuất tự nguyện áp dụng tiêu chuẩn bền vững cao hơn các quy định hiện hành của các quốc gia hoặc EU và vượt quá thông lệ, các cam kết xã hội, môi trường hoặc kinh tế. Đề xuất pháp lý vẫn đang trong quá trình thảo luận hoàn thiện vào cuối năm 2023, tuy nhiên vẫn chưa được.

## **PHẦN VI. THỦ TỤC NHẬP KHẨU**

### **1. Luật Hải quan chung của Liên minh EU**

“Luật Hải quan Liên minh Châu Âu” (UCC) được thiết lập tại Quy định 952/2013, đặt ra quy định khung về các quy tắc và thủ tục hải quan trên toàn EU. Quy định 2015/2446 và Quy định 2015/2447 đưa ra các quy tắc chi tiết để thực hiện một số điều của Luật Hải quan chung UCC, bao gồm Thông tin bắt buộc về thuế quan và xuất xứ hàng hóa.

Luật này liệt kê tất cả các thủ tục hải quan áp dụng cho hoạt động thương mại hàng hóa với các nước thứ ba. Thuế nhập khẩu được xác định theo phân loại thuế quan và trị giá hải quan của hàng hóa. Với việc thực thi Luật này, các Quốc gia Thành viên của EU sẽ hình thành một liên minh hải quan chung, có nghĩa là tất cả các Quốc gia Thành viên đều áp dụng cùng một mức thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ bên ngoài EU. Khi hàng hóa nhập khẩu được thông quan tại một Quốc gia Thành viên có thể được di chuyển tự do trên toàn EU. Các thương nhân có liên quan đến giao dịch hải quan phải cung cấp cho cơ quan hải quan EU hồ sơ tài liệu về hàng hóa trước khi nhập khẩu vào EU. Các loại dữ liệu yêu cầu được bảo mật khác nhau tùy theo phương tiện vận chuyển và có thể bao gồm mô tả hàng hóa, thông tin về bên gửi hàng hoặc nhà xuất khẩu, lộ trình của hàng hóa và các mối nguy hiểm tiềm ẩn. Giới hạn thời gian gửi dữ liệu bảo mật trước tùy theo phương tiện vận chuyển. Các tài liệu hướng dẫn về UCC có sẵn trên trang web của Tổng vụ Thuế quan và Hải quan EU (DG TAXUD).

Năm 2017, Ủy ban Châu Âu thiết lập “Hệ thống Quyết định Hải quan”, hệ thống điện tử mới trên toàn EU giúp các thương nhân được phép nhập khẩu hàng hóa vào EU dễ dàng hơn. Các nhà nhập khẩu ở tất cả các Quốc gia Thành viên có thể sử dụng cùng một công thông tin và trao đổi ứng dụng với các cơ quan hải quan có liên quan.

Tháng 5 năm 2023, Ủy ban Châu Âu đưa ra đề xuất cải cách UCC nhằm cải thiện, đích đơn giản hóa và phù hợp các yêu cầu báo cáo hải quan đối với thương nhân, ví dụ giảm thời gian cần thiết để hoàn thành quy trình nhập khẩu thông qua cung cấp một giao diện duy nhất của EU và tạo điều kiện thuận lợi sử dụng lại dữ liệu đã cung cấp trước đó. Tham khảo thông tin về đề xuất này trên trang web của EU.

## **2. Thông quan**

Cơ sở dữ liệu trên Trang web Access2Markets của Ủy ban Châu Âu cung cấp thông tin tổng quan đầy đủ về các tài liệu cần thiết liên quan đến thủ tục hải quan như:

- Thuế quan
- Quy tắc xuất xứ
- Thuế và các nghĩa vụ bổ sung
- Thủ tục và thủ tục nhập khẩu
- Yêu cầu về sản phẩm
- Rào cản thương mại
- Thống kê thương mại

## **3. Thuế nhập khẩu**

EU sử dụng Danh mục mô tả mã hóa hàng hóa kết hợp (CN) để phân loại hàng hóa theo hải quan. Mã số CN tám chữ số được dựa trên danh mục Hệ thống hài hòa (HS): sáu chữ số đầu tiên đề cập đến các nhóm HS; hai chữ số tiếp theo đại diện cho các phân nhóm CN. Tham khảo tra cứu mã hàng hóa và thuế nhập khẩu liên quan trên Cơ sở dữ liệu hải quan “TARIC” trực tuyến của EU. TARIC là hệ thống cơ sở dữ liệu đa ngôn ngữ bao gồm tất cả các biện pháp liên quan đến luật thuế quan và thương mại. Biểu thuế năm 2023 của EU được công bố vào ngày 1 tháng 1 năm 2023. Danh sách cơ quan hải quan của các Quốc gia Thành viên tại [https://ec.europa.eu/taxation\\_customs/national-customs-websites\\_en](https://ec.europa.eu/taxation_customs/national-customs-websites_en).

Các cơ sở hoạt động kinh doanh có thể tra cứu Thông tin thuế quan (BTI) Binding Tariff Information từ cơ quan hải quan của Quốc gia thành viên về phân loại sản phẩm phù hợp và thuế nhập khẩu liên quan. Quyết định của BTI có tính ràng buộc về mặt pháp lý ở tất cả các Quốc gia Thành viên. BTI có giá trị trong ba năm. Theo UCC, các nhà xuất khẩu bắt buộc phải khai báo quyết định BTI khi hoàn tất thủ tục hải quan.

Tất cả các quyết định BTI do cơ quan hải quan của các Quốc gia Thành viên ban hành đều được tích hợp vào cơ sở dữ liệu EBTI. Tài liệu Hướng dẫn về quy trình BTI

được đăng tải trên trang web của DG Taxud. Tất cả các cơ sở hành kinh doanh phải nộp các đơn đăng ký mới thông qua trực tuyến điện tử. Thông tin đăng tải trên trang web của EC. Giá trị hải quan của hàng hóa là giá CIF tại biên giới Châu Âu được tính gồm giá sản phẩm trên hóa đơn và chi phí vận chuyển được ghi trong vận đơn.

Quy định 900/2008 của Ủy ban đưa ra các phương pháp phân tích và các quy định kỹ thuật khác để tính toán hàm lượng tinh bột/glucose và sucrose/đường nghịch chuyển/isoglucose trong các sản phẩm chế biến. Cách tính toán này được sử dụng để xác định mức thuế bổ sung đối với bột mì và đường trong các sản phẩm chế biến.

Hàng hóa chỉ được giải phóng thông quan sau khi đã thanh toán thuế nhập khẩu và các loại phí khác có thể phải nộp.

Thuế phải nộp đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU có thể bao gồm:

- Thuế nhập khẩu (được biểu thị dưới dạng thuế theo giá trị hoặc thuế cụ thể trên mỗi đơn vị trọng lượng/khối lượng/số lượng) – Hải hòa giữa EU
- Thuế bổ sung đối với bột mì và đường (sản phẩm chế biến) – EU hải hòa
- Giá đầu vào (rau quả) – EU hải hòa
- Thuế môi trường - chưa hải hòa
- Phí giám định - chưa hải hòa
- Thuế giá trị gia tăng (VAT) - chưa hải hòa
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (rượu và thuốc lá) - chưa hải hòa

Tham khảo mức thuế VAT áp dụng ở các Quốc gia Thành viên khác nhau tại: [https://europa.eu/youreurope/business/taxation/vat/vat-rules-rates/index\\_en.htm](https://europa.eu/youreurope/business/taxation/vat/vat-rules-rates/index_en.htm).

## **5. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản phẩm có cồn**

Chỉ thị (EU) 2020/262 áp dụng từ ngày 13 tháng 2 năm 2023, thay thế Chỉ thị EU 2008/118. Chỉ thị đưa ra các định nghĩa chung về các sản phẩm có cồn phải chịu áp thuế tiêu thụ đặc biệt và tất cả các Quốc gia Thành viên đảm bảo không phân biệt đối xử, áp dụng với các sản phẩm giống nhau theo mức giống nhau. Chỉ thị mới đưa ra các thỏa danh mục chung đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, bao gồm cả

những vấn đề liên quan đến sản xuất, lưu trữ và vận chuyển hàng hóa tiêu thụ đặc biệt trên lãnh thổ EU. Luật tiêu thụ đặc biệt cũng thiết lập mức thuế tối thiểu phải áp dụng cho từng danh mục, nhưng các Quốc gia Thành viên có thể quyết định áp mức thuế suất ở mức cao hơn. Kể từ ngày 13 tháng 2 năm 2023, tất cả các giao dịch thuế tiêu thụ đặc biệt tại EU hoàn toàn chuyển sang điện tử.

Chỉ thị mới tăng ngưỡng áp thuế đối với loại bia có nồng độ cồn cao hơn, các loại bia có nồng độ thấp hơn được giảm thuế tiêu thụ đặc biệt. Chỉ thị mở rộng điều kiện áp dụng đặc biệt về giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các nhà sản xuất bia và rượu etylic quy mô nhỏ và các cơ sở sản xuất đồ uống lên men khác, chẳng hạn như rượu táo. Chỉ thị 2020/1151 cũng đưa ra các điều kiện áp dụng quy định miễn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu chuyển hóa biến tính, ví dụ như được sử dụng trong các sản phẩm tẩy rửa. Thông tin về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu tham khảo trên trang web của Ủy ban.

Danh sách thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với đồ uống có cồn tại trang link: [https://taxationcustoms.ec.europa.eu/taxation-1/excise-duties/excise-duty-alcohol\\_en](https://taxationcustoms.ec.europa.eu/taxation-1/excise-duties/excise-duty-alcohol_en).

## **6. Tạo thuận lợi thương mại**

### ***6.1 Quy tắc xác nhận trước- Advance Rulings***

Thuế hải quan phải nộp khi nhập khẩu một sản phẩm phụ thuộc vào phân hàng hóa và mức thuế suất áp dụng cho sản phẩm hàng hóa đó. Hệ thống Thông tin thuế quan bắt buộc (BTI) đảm bảo sự chắc chắn về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp nhà hoạt động kinh doanh khi tính thuế nhập khẩu. Tất cả các quyết định BTI hợp lệ hiện có đều có thể truy cập được trong cơ sở dữ liệu BTI. Thông tin chi tiết về hệ thống BTI tại trang web của Ủy ban Châu Âu:

[https://ec.europa.eu/taxation\\_customs/business/calculation-customsduties/what-is-common-customs-tariff/binding-tariff-information-bti\\_en](https://ec.europa.eu/taxation_customs/business/calculation-customsduties/what-is-common-customs-tariff/binding-tariff-information-bti_en).

### ***6.2 Chương trình trước thông quan***

Quy định kiểm soát chính thức (Official Controls Regulation OCR - Quy định (EU) 2017/625) cung cấp cơ sở pháp lý công nhận các biện pháp kiểm soát chính thức tại nước có xuất xứ hàng hóa. OCR không đưa ra cơ sở pháp lý cho các chương trình thông quan trước tương tự như các cuộc thanh tra trước thông quan được tiến hành ở nước ngoài. Tại Điều 73 của OCR quy định việc phê duyệt các biện pháp kiểm soát trước khi xuất khẩu do nước thứ ba thực hiện. Theo hệ thống này, EU phê duyệt cụ thể

các cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp kiểm soát trước khi xuất khẩu, gồm các giấy chứng nhận được sử dụng để xuất khẩu những hàng hóa và tần suất kiểm soát tối đa, các Cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên kiểm soát chính thức khi hàng hóa được nhập vào Liên minh.

### ***6.3 Chứng nhận điện tử***

Quy định kiểm soát chính thức (OCR - Quy định (EU) 2017/625) cung cấp cơ sở pháp lý cho việc EU chấp nhận chung các chứng nhận điện tử sử dụng Hệ thống quản lý tích hợp của EU đối với các biện pháp kiểm soát chính thức (IMSOC). Đối với các sản phẩm thực vật, tất cả các Quốc gia Thành viên EU đều có thể nhận e-Phytos từ các nước xuất khẩu được gửi qua Cổng do Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC) tạo ra. Đối với các mặt hàng khác, hiện tại không có kết nối nào giữa IMSOC và các hệ thống xuất khẩu tương ứng mà các cơ quan Chính phủ sử dụng để cấp chứng nhận điện tử. Trong trường hợp chưa có sự liên thông kết nối như vậy, chứng nhận giấy phải đáp ứng yêu cầu của EU về chứng nhận gốc có chữ ký thực.

### ***6.4 Phí kiểm soát nhập khẩu***

Quy định kiểm soát chính thức (OCR - Quy định (EU) 2017/625) đưa ra cơ sở pháp lý liên quan đến tài chính trong hoạt động kiểm soát nhập khẩu. Các khoản phí bắt buộc áp dụng cho các cơ sở kinh doanh đối với một số hoạt động kiểm soát chính thức nhất định, bao gồm kiểm soát nhập khẩu động vật, sản phẩm có nguồn gốc động vật, sản phẩm phục vụ tạo giống, phụ phẩm động vật, sản phẩm tổng hợp, cỏ khô và rơm, thực vật và các sản phẩm thực vật. Các cơ sở kinh doanh phải nộp phí cho các hoạt động kiểm soát biên giới được thực hiện đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc động vật được liệt kê trong Quy định Ủy ban (EU) 2019/1793. Quy định đưa ra yêu cầu áp tần suất kiểm tra cụ thể đối với một loại sản phẩm có mối nguy nhất định tùy thuộc vào nguồn gốc của chúng. Một số sản phẩm phải được kiểm tra aflatoxin theo Quy định này. Ngoài ra, các cơ sở kinh doanh cũng phải chịu phí bổ sung khác không trong quy định đối với các biện pháp kiểm soát chính thức trong quá trình kiểm tra khi không đáp ứng được các yêu cầu của quy định.

### ***6.5 Thời gian thông quan đối với hàng hóa sản phẩm – Độ trễ thường gặp***

Thời gian thông quan trung bình cho sản phẩm tùy thuộc vào Quốc gia Thành viên và cảng nhập khẩu. Các cảng chính ở Liên minh Châu Âu được tổ chức một cách hiệu quả để thực hiện các thủ tục hải quan cũng như kiểm tra thú y và thực vật cần

thiết. Các lô hàng không đáp ứng các hồ sơ, chứng nhận không đầy đủ hoặc không chính xác thường dẫn đến sự chậm trễ trong việc thông quan hàng hóa trên toàn EU.

### ***6.6 Kiểm tra bổ sung***

Việc kiểm tra thực phẩm nhập khẩu tập trung ở biên giới bên ngoài Liên minh Châu Âu. Sau khi hàng hóa được kiểm tra và chủ hàng hoàn thiện nộp thuế hải quan, hàng hóa sẽ được tự do di chuyển lưu thông trong EU. Tuy nhiên, các biện pháp kiểm soát chính thức vẫn có thể thực hiện được ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình phân phối sản phẩm tại EU.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Regulation (EU) 2016/2031 (New EU Plant Health Law)

<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32016R2031>

<https://www.efsa.europa.eu/en>

[https://eur-lex.europa.eu/eli/reg\\_impl/2019/2072/oj](https://eur-lex.europa.eu/eli/reg_impl/2019/2072/oj)

Trade Control and Expert System (TRACES) [https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/traces\\_en](https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/traces_en)

IPPC International Standards for Phytosanitary Measures (ISPMs)

Standing Committee on Plants, Animals, Food and Feed

[https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/committees/paff-committees\\_en](https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/committees/paff-committees_en)

International Plant Protection Convention (IPPC)

[https://food.ec.europa.eu/plants/plant-health-and-biosecurity/trade-plants-plant-products-non-eu-countries\\_en](https://food.ec.europa.eu/plants/plant-health-and-biosecurity/trade-plants-plant-products-non-eu-countries_en)

Regulation (EU) 2016/429 Animal Health Law:

[https://food.ec.europa.eu/animals/animal-health/animal-health-law\\_en](https://food.ec.europa.eu/animals/animal-health/animal-health-law_en).

[https://food.ec.europa.eu/system/files/2021-07/ah\\_ahl\\_btsf\\_training\\_20210621\\_1-1.pdf](https://food.ec.europa.eu/system/files/2021-07/ah_ahl_btsf_training_20210621_1-1.pdf)

[https://food.ec.europa.eu/animals/animal-health/animal-health-law/delegated-and-implementing-acts\\_en](https://food.ec.europa.eu/animals/animal-health/animal-health-law/delegated-and-implementing-acts_en)

[https://food.ec.europa.eu/safety/biological-safety/food-hygiene/non-eu-countries-authorised-establishments\\_en](https://food.ec.europa.eu/safety/biological-safety/food-hygiene/non-eu-countries-authorised-establishments_en)

[https://food.ec.europa.eu/plants/genetically-modified-organisms/new-techniques-biotechnology\\_en](https://food.ec.europa.eu/plants/genetically-modified-organisms/new-techniques-biotechnology_en)

<https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/eu-pesticides-database/public/?event=pesticide.residue.CurrentMRL&language=EN>.

<https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/eu-pesticides-database/start/screen/mrls/download>

Regulation (EU) [2022/2292](#) lays down requirements for composite products entering the EU from non-EU countries

Certain low-risk, shelf-stable composite products not containing meat are exempt from official controls at border control posts (Regulation (EU) [2021/630](#))

[https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/official-controls-and-enforcement\\_en](https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/official-controls-and-enforcement_en)

[https://food.ec.europa.eu/document/download/8a84896d-57fb-44a5-8d03-e490ce0633fd\\_en?filename=ia\\_ic\\_guidance\\_import-requirements.pdf](https://food.ec.europa.eu/document/download/8a84896d-57fb-44a5-8d03-e490ce0633fd_en?filename=ia_ic_guidance_import-requirements.pdf)

Two existing Regulations list (1) the composite products to be controlled at border control posts ([2019/2122](#)); and (2) the goods that are exempt from official controls ([2021/630](#))

[https://eur-lex.europa.eu/eli/reg\\_del/2023/1674/oj](https://eur-lex.europa.eu/eli/reg_del/2023/1674/oj)

Regulation (EU) [2018/848](#) (New EU Organic Regulation)

Regulation (EU) No [1169/2011](#) <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32011R1169>

<https://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=OJ:L:2011:304:0018:0063:en:PDF>

Technical guidance on nutrition labelling: [https://www.fooddrinkurope.eu/wp-content/uploads/2022/10/06672-Guidelines-on-Legibility-of-Labeling\\_45.pdf](https://www.fooddrinkurope.eu/wp-content/uploads/2022/10/06672-Guidelines-on-Legibility-of-Labeling_45.pdf)

[https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/qanda\\_23\\_2644](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/qanda_23_2644)

Regulation establishing the Union Customs Code and the European Union Customs Authority, and repealing Regulation (EU) No 952/2013

Commission Implementing Regulation (EU) [2023/2834](#) laying down rules for the application of Regulation (EU) No 1308/2013 as regards imports in the sectors of rice, cereals, sugar and hops

Commission Delegated Regulation (EU) 2023/2835 as regards rules on import in the sectors of rice, cereals, sugar and hops

<https://ec.europa.eu/agriculture/eambrosia/geographical-indications-register/>

[https://ec.europa.eu/taxation\\_customs/business/calculation-customsduties/what-is-common-customs-tariff/binding-tariff-information-bti\\_en.](https://ec.europa.eu/taxation_customs/business/calculation-customsduties/what-is-common-customs-tariff/binding-tariff-information-bti_en)

## **PHỤ LỤC**

### **1. Danh mục các LAB tham chiếu của EU**

[https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/european-union-reference-laboratories\\_en](https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/european-union-reference-laboratories_en)

### **2. Danh mục các Cơ quan/Trạm kiểm soát Biên giới của các nước thành viên EU**

[https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/official-controls-and-enforcement/imported-products/contact-details-bcps-and-cps-plants-and-plant-products\\_en](https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/official-controls-and-enforcement/imported-products/contact-details-bcps-and-cps-plants-and-plant-products_en)

[https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/official-controls-and-enforcement/imported-products/contact-details-bcps-and-cps-food-and-feed-non-animal-origin\\_en](https://food.ec.europa.eu/horizontal-topics/official-controls-and-enforcement/imported-products/contact-details-bcps-and-cps-food-and-feed-non-animal-origin_en)

[https://food.ec.europa.eu/animals/veterinary-border-control/contact-details-bcps-veterinary\\_en](https://food.ec.europa.eu/animals/veterinary-border-control/contact-details-bcps-veterinary_en)

### **3. Danh mục MRL**

<https://ec.europa.eu/food/plant/pesticides/eu-pesticides-database/start/screen/mrls/download>